

PO7. Có khả năng tự học, nâng cao trình độ, nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn giáo dục, thích ứng để học tập.

PO8. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

PO9. Có trách nhiệm với đất nước, trung thành với chế độ, mục tiêu lý tưởng của Đảng. Biết bảo vệ những cái tốt, cái đúng, cái tiến bộ và biết phê phán những cái xấu, cái bảo thủ, lạc hậu.

*** Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:** Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí làm việc sau:

- Giáo viên dạy Giáo dục công dân ở trường THCS.
- Giáo viên dạy môn giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT, trung cấp chuyên nghiệp, các trường dạy nghề.
- Giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị tại các Viện, Học viện, các trường Đại học, cao đẳng; các trường và trung tâm Chính trị.
- Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.

*** Trình độ Ngoại ngữ:** B1 tiếng Anh theo Khung tham chiếu Châu Âu.

*** Trình độ tin học:** IC3

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

** Kiến thức chuyên môn:*

PLO3. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO4. Vận dụng được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật vào dạy học GDCC ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.

PLO5. Hiểu được các kiến thức về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục Đạo đức, Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật và các môn Lý luận chính trị.

PLO6. Vận dụng được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lý luận chính trị để giải quyết những công việc đảng, đoàn thể và chính quyền nhà nước.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin trong tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lý học sinh.

PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

** Kỹ năng chuyên môn:*

PLO10: Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong dạy học bộ môn để phát triển năng lực người học.

PLO11: Vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

PLO12: Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

PLO13: Vận dụng thành thạo phương pháp giáo dục đã học để xử lý sáng tạo các tình huống nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp.

3. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, PLOs															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15	PL O 16
PO1	x		x	x	x	x						x	x	x	x	x
PO2		x			x	x	x			x	x	x	x		x	x

PO3								x	x	x					x	x
PO4	x	x		x			x					x	x		x	x
PO5								x	x	x						
PO6		x			x			x		x						
PO7			x	x			x			x	x	x	x	x	x	x
PO8			x											x	x	x
PO9	x		x	x		x	x				x	x	x	x	x	x

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp các trường THPT và đạt điểm chuẩn vào ngành đào tạo.

Học sinh đã tốt nghiệp các trường THPT và thuộc diện ưu tiên theo quy chế tuyển sinh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

* Quy trình đào tạo:

- Thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành khóa học là 4 năm; thời gian tối đa để hoàn thành khóa học là 6 năm.

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo.

* Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Sinh viên tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- Thỏa mãn yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất (đối với các ngành không chuyên về thể dục – thể thao); có chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học (đối với các ngành không chuyên về tin học) đạt chuẩn theo quy định.

6. Cách thức đánh giá

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

6.1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi kỳ học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

6.2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

6.3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D tính từ đầu khóa học.

6.4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi kỳ học.

7. Nội dung đào tạo

7.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 133

Trong đó:

- Kiến thức chung
- + Khối kiến thức chung¹ : 14
- + Khối kiến thức chung theo lĩnh vực²: 15
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
- + Khối kiến thức chung của khối ngành (Kiến thức cơ sở ngành): 23
- + Khối kiến thức chung của nhóm ngành (Kiến thức chuyên ngành): 38
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm (Khối kiến thức ngành và bổ trợ)³: 36
- Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp): 07

¹ Khối kiến thức chung bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương); *Các học phần khác* (Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng...) không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.

² Khối kiến thức chung theo lĩnh vực bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tin học); *Các học phần tự chọn* (Cơ sở văn hóa Việt Nam, Môi trường và phát triển, Tiếng Việt thực hành, Văn hóa và phát triển, logic hình thức, Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành...).

³ Kiến thức nghiệp vụ sư phạm bao gồm: *Các học phần bắt buộc* (Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2 và các học phần về kiến thức nghiệp vụ theo đặc thù từng ngành); *Các học phần tự chọn* (...) khác.

7.2. Khung chương trình đào tạo

T T	Mã số	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I. Kiến thức giáo dục đại cương			29								
Các học phần bắt buộc			27								
1	55SPH141	Triết học Mác – Lênin	4	42	12	10	14				1
2	55SPE131	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	32	10	6	10			55SPH141	2
3	55SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			55SPE131	3
4	55HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			55SSO121	4
5	55HPV131	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	32	8	8	10			55HCM121	5
6	55ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
7	55ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			55ENG131	2
8	55ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			55ENG132	3
9	55GIF131	Tin học đại cương	3	20		40	10				4

10	55PHE111	Giáo dục thể chất 1									1
11	55PHE112	Giáo dục thể chất 2									2
12	55PHE113	Giáo dục thể chất 3									3
13	55MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							2
Các học phần tự chọn			2								
14	55GME121	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2	18	8	10	6				1
15	55VIU121	Tiếng Việt thực hành	2	15	15	15					1
16	55HFV121	Đại cương Lịch sử Việt Nam	2	21	6	6	6				1
17	55PAD121	Văn bản hành chính công vụ	2	21	6	8	4				1
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			59								
1. Khối kiến thức chung của khối ngành			23								
Các học phần bắt buộc			21								
18	55REL221	Tôn giáo học	2	21	6	4	8				7
19	55LOG231	Lôgic học	3	32	10	6	10				1
20	55LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3	32	10	10	6				2
21	55CUL221	Văn hóa học	2	21	6	4	8				2
22	55SCI221	Xã hội học	2	21	6	6	6				4
23	55MOH221	Phương pháp và phong cách HCM	2	21	6	4	8				5

24	55SPO221	Chính trị học	2	21	6	6	6				7
25	55FEC231	Kinh tế học đại cương	3	32	10	6	10			55SPE131	3
26	55AED221	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	21	6	4	8			55SPH141	6
Các học phần tự chọn			2								
27	55INR221	Quan hệ quốc tế	2	21	6	4	8				2
28	55MCM221	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	2	21	6	4	8				2
29	55HPV221	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	2	21	6	4	8				2
30	55HPT221	Lịch sử các học thuyết chính trị	2	21	6	6	6				2
31	55HET221	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	21	6	4	8				2
32	55HST221	Lịch sử tư tưởng XHCN	2	21	6	6	6				2
33	55EER221	Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	2	21	6	6	6				2
2. Kiến thức chung của nhóm ngành			36								
Các học phần bắt buộc			34								
34	55SLA341	Pháp luật học	4	42	12	10	14				4
35	55CPR321	Hiến pháp và định chế chính trị	2	21	7	4	7			55SLA341	7
36	55DEE331	Kinh tế phát triển	3	32	10	6	10			55SPE131	5

37	55ECM321	Quản lý kinh tế (giảm 1 tín chỉ so với K55)	2	21	10	4	4			55SPE131	6
38	55TLC321	Lý luận và pháp luật về quyền công dân	2	21	7	4	7			55SLA341	6
39	55EDE341	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	4	42	12	12	12				2
40	55MOP321	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	21	6	4	8				6
41	55PBM341	Lịch sử triết học	4	42	12	10	14			55SPH141	3
42	55VSL321	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	2	21	7	4	7				6
43	55TEH321	Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			55HCM12 1	6
44	55SSS321	Chuyên đề CNXHKKH	2	21	6	6	6			55SSO121	5
45	55SVP331	Chuyên đề Lịch sử ĐCSVN	3	32	8	8	10			55HPV131	7
46	55RPE321	Thực tế chuyên ngành GDCT	2					30			7
Các học phần tự chọn			2								
47	55CPB321	Xây dựng Đảng	2	21	6	4	8				4
48	55ACS321	Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT	2	21	6	6	6				4

49	55PCW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	2	21	6	6	6				4
50	55PEW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	2	21	6	6	6				4
51	55SSW321	Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH	2	21	6	6	6				4
52	55HMW321	Tác phẩm Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6				4
III. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			38								
Các học phần bắt buộc			36								
53	55EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				1
54	55PEP441	Giáo dục học	4	42	8	12	16				3
55	55TMC431	Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD CD, GD CT	3	27	10	10	16				3
56	55DTE421	Phát triển chương trình, SGK GD CD ở trường PT	2	18	7	10	7				4
57	55MCS441	Phương pháp dạy học môn GD CD ở trường THCS	4	36	10	14	12	12		55TMC43 1	5
58	55MEH441	Phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT	4	36	10	14	12	12		55TMC43 1	6
59	55CTE421	Kiểm tra đánh giá trong dạy	2	18	7	10	7			55TMC43	6

		học GD CD, GD CT								1	
60	55PGS421	Thực hành sư phạm GDCT	2	5	15	20	15			55TMC43 1	5
61	55PCS421	Thực hành sư phạm GD CD ở trường THCS	2	10	10	20	10			55MCS441	6
62	55PEH431	Thực hành sư phạm GD KT&PL ở trường THPT	3	5	10	60	10			55MEH44 1	7
63	55COS 421	Giao tiếp sư phạm	2	18	6	14	4				4
64	55TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở Trường phổ thông							7
65	55TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở Trường phổ thông							8
<i>Các học phần tự chọn</i>			2								
66	55MTR421	Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	2	18	7	10	7				7
67	55PSC421	Xử lý tình huống sư phạm GD CD	2	18	7	10	7				7
68	55DIC421	Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GD CD	2	18	7	10	7				7
69	55FAE421	Giáo dục gia đình	2	18	10	4	10				7
70	55SRH421	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	2	18	10	4	10				7

71	55EED421	Giáo dục môi trường	2	18	10	4	10				7
IV. Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp			7								
Khoá luận tốt nghiệp											
72	55POL971	Khoá luận tốt nghiệp	7								8
Các học phần thay thế khóa luận (chọn đủ 7 TC)			7								
73	55OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD&ĐT	3	27	10	16	10				8
74	55MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	3	27	10	16	10				8
75	55VPD921	Văn kiện Đảng	2	21	6	6	6				8
76	55ICM921	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	2	21	6	6	6				8
77	55MWP921	Triết học phương Tây hiện đại	2	21	5	5	8				8
Tổng số			133								

7.3. Xây dựng ma trận mức đóng góp của học phần vào CDR của CTĐT

Tên học phần	Mã học phần	CDR của chương trình đào tạo															
		Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn				NL tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
HP1	55SPH141	3	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	1	0	0
HP2	55SPE131	0	0	3	3	0	0	2	0	0	0	2	3	2	0	2	2
HP3	55SSO121	0	0	3	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP4	55HCM121	2	0	3	0	0	2	0	0	0	0	1	2	0	1	0	2
HP5	55HPV131	3	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP6	55PHE111	2	2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP7	55PHE112	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP8	55PHE113	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
HP9	55MIE131	1	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	1	1
HP10	55ENG131	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP11	55ENG132	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP12	55ENG143	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	2	0
HP13	55GIF131	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0
HP14	55GME121	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
HP15	55VIU121	0	1	3	3	3	1	2	0	1	2	3	3	3	1	3	2
HP16	55HFV121	0	0	2	2	1	1	1	0	0	1	1	0	0	0	2	0
HP17	55PAD121	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP18	55REL221	0	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0
HP19	55LOG231	2	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	0
HP20	55LSE231	0	0	1	1	0	0	3	0	0	0	3	3	2	0	1	1
HP21	55CUL221	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	1	0
HP22	55SCI221	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1
HP23	55MOH221	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0
HP24	55SPO221	0	0	3	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP25	55FEC231	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	3	2	0	2	2
HP26	55AED221	3	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0
HP27	55INR221	1	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1
HP28	55MCM221	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	3	2	0	2	2
HP29	55HPV221	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0

HP30	55HPT221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP31	55HET221	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP32	55HST221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP33	55EER221	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP34	55SLA341	2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0
HP35	55CPR321	2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP36	55DEE331	0	0	3	3	0	0	0	0	0	2	3	3	2	0	2	3
HP37	55ECM321	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP38	55TLC321	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0
HP39	55EDE341	2	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	2	0	1	1	0
HP40	55MOP321	1	0	3	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	1
HP41	55PBM341	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0
HP42	55VSL321	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP43	55TEH321	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1
HP44	55SSS321	0	0	3	1	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1	0
HP45	55SVP331	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0
HP46	55RPE321	1	0	3	0	0	2	2	0	0	0	2	2	0	0	1	1
HP47	55CPB321	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP48	55ACS321	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP49	55PCW321	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0
HP50	55PEW321	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP51	55SSW321	0	0	3	0	0	1	1	0	0	0	0	3	0	1	0	0
HP52	55HMW321	1	0	3	0	0	3	0	0	0	1	1	2	0	0	1	1
HP53	55EPS431	0	3	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	1	0
HP54	55PEP441	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
HP55	55TMC431	0	0	0	3	1	0	0	0	0	2	3	1	2	1	1	1
HP56	55DTE421	0	0	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0
HP57	55MCS441	0	0	0	0	3	0	2	2	0	3	2	2	2	1	2	2
HP58	55MEH441	0	0	1	2	1	1	1	0	0	2	1	2	2	0	1	1
HP59	55CTE421	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	1
HP60	55PGS421	0	0	0	1	3	1	0	0	0	1	1	0	2	1	1	0
HP61	55PCS421	0	1	0	0	3	0	2	1	0	3	2	2	0	2	2	2
HP62	55PEH431	0	0	0	3	2	0	0	0	0	2	3	0	1	1	1	2
HP63	55COS 421	2	3	2	3	3	1	3	2	0	3	3	2	3	2	3	1
HP64	55TRA421	2	3	2	3	3	1	3	2	0	3	3	2	3	2	3	1
HP65	55TRA432	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1

HP66	55MTR421	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	1	1	2	2	0	2
HP67	55PSC421	0	1	1	0	2	0	0	0	0	3	3	0	0	0	2	2
HP68	55DIC421	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP69	55FAE421	1	0	2	0	0	2	0	0	0	0	2	1	2	0	0	1
HP70	55SRH421	0	0	3	2	2	1	1	0	0	1	2	2	2	0	1	1
HP71	55EED421	0	3	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	3	3	0
HP72	55POL971	3	1	3	3	3	3	0	0	0	1	2	3	1	0	3	3
HP73	55OWE931	0	0	1	1	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	1
HP74	55MTM931	0	0	0	2	2	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	1
HP75	55VPD921	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0
HP76	55ICM921	1	0	2	0	0	3	0	0	0	0	1	1	0	1	1	1
HP77	55MWP921	3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0

Ghi chú: Mỗi CDR được đánh số thứ tự từ 1 đến n.

Mức độ đóng góp được mã hóa như sau: 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao; 0 = đóng góp không rõ ràng.

7.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
Học phần 1: 55SPH141; Triết học Mác – Lênin*	Học phần 2: 55SPE131; Kinh tế chính trị Mác – Lênin*	Học phần 4: 55HCM121; Tư tưởng Hồ Chí Minh*	Học phần 60: 55PGS421; Thực hành sư phạm GDCT*
Học phần 53: 55EPS431; Tâm lý học giáo dục*	Học phần 11: 55ENG132; Tiếng Anh 2*	Học phần 8 : 55PHE113; Giáo dục thể chất 3*	Học phần 23: 55MOH221; Phương pháp và phong cách HCM*
Học phần 10: 55ENG131; Tiếng Anh 1*	Học phần 19: 55LOG231; Logic học*	Học phần 12: 55ENG143; Tiếng Anh 3*	Học phần 35: 55CPR321; Hiến pháp và định chế chính trị*
Học phần 21: 55CUL221; Văn hóa học*	Học phần 13: 55GIF131; Tin học đại cương*	Học phần 34: 55SLA341; Pháp luật học*	Học phần 57: 55MCS441; Phương pháp dạy học

			môn GD&CD ở trường THCS*
Học phần 6: 55PHE111; Giáo dục thể chất 1*	Học phần 39: 55EDE341; Đạo đức học và giáo dục đạo đức*	Học phần 3 55SSO121: Chủ nghĩa xã hội khoa học*	Học phần 41: 55PBM341; Lịch sử Triết học*
Học phần 20: 55LSE231; Giáo dục kỹ năng sống*	Học phần 7: 55PHE112; Giáo dục thể chất 2	Học phần 54: 55PEP441; Giáo dục học	Học phần 47: 55CPB321; Xây dựng Đảng
Học phần 14: 55GME121; Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	Học phần 27: 55INR221; Quan hệ quốc tế	Học phần 55: 55TMC431; Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD&CD, GDCT*	Học phần 48: 55ACS321; Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT
Học phần 15: 55VIU121; Tiếng Việt thực hành	Học phần 28: 55MCM221; Chủ nghĩa tư bản hiện đại		Học phần 49: 55PCW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học
Học phần 16: 55HFV121; Đại cương Lịch sử Việt Nam	Học phần 29: 55HPV221; Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam		Học phần 50: 55PEW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị
Học phần 17: 55PAD121; Văn bản hành chính công vụ	Học phần 30: 55HPT221; Lịch sử các học thuyết chính trị		Học phần 51: 55SSW321; Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXH&KH
	Học phần 31: 55HET221; Lịch sử các học thuyết kinh tế		Học phần 52: 55HMW321; Tác phẩm Hồ Chí Minh
	Học phần 32: 55HST221; Lịch sử tư tưởng XHCN		

	Học phần 33: 55EER221; Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam		
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
Học phần 5: 55HPV131; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần 26: 55AED221; Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*	Học phần 24: 55SPO221; Chính trị học*	Học phần 73: 55OWE931; Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD CD*
Học phần 22: 55SCI221; Xã hội học*	Học phần 40: 55MOP321; Những vấn đề của thời đại ngày nay*	Học phần 18: 55REL221; Tôn giáo học*	Học phần 74: 55MTM931; Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin
Học phần 38: 55TLC321; Lý luận và pháp luật về quyền công dân*	Học phần 42: 55VSL321; Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*	Học phần 45: 55SPV331; Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*	Học phần 75: 55VPD931; Văn kiện Đảng
Học phần 43 : 55TEH321; Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh*	Học phần 56: 55DTE421; Phát triển chương trình, SGK GD CD ở trường PT*	Học phần 46: 55RPE321; Thực tế chuyên ngành GDCT*	Học phần 76: 55ICM921; Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế
Học phần 44 : 55SSS321; Chuyên đề CNXHKH*	Học phần 58: 55MEH441; Phương pháp dạy học môn GD KT&PL ở trường THPT*	Học phần 59: 55CTE421; Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD, GDCT*	Học phần 77: 55PAM921; Triết học phi mác-xít hiện đại
Học phần 61: 55PGS422; Thực hành sư phạm GD CD ở trường THCS*	Học phần 63: 55TRA421; Thực tập sư phạm 1*	Học phần 37: 55ECM321; Quản lý kinh tế*	Học phần 64: 55TRA432; Thực tập sư phạm 2*

Học phần 25: 55FEC321; Kinh tế học đại cương*		Học phần 62: 55PGS431; Thực hành sư phạm GD KT&PL ở trường THPT*	Học phần 72: 55POL904; Khóa luận tốt nghiệp*
Học phần 36: 55DEE331; Kinh tế phát triển*		Học phần 65: 55MTR421; Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	
Học phần 71: 55COS421; Giao tiếp sư phạm		Học phần 66: 55PSC421; Xử lý tình huống sư phạm GDCT	
		Học phần 67: 55DIC421; Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GDCT	
		Học phần 68: 55FAE421; Giáo dục gia đình	
		Học phần 69: 55SRH421; Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	
		Học phần 70: 55EED421; Giáo dục môi trường	

Ghi chú: * là học phần bắt buộc

8. Mô tả các học phần

HỌC PHẦN 1: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	42	84
2	Bài tập	12	6
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	14	7
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng		78	102

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanntt.poli@tnue.edu.vn
3.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4.	ThS Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống.

CO2: Vận dụng được kiến thức cơ bản của CNDVBC, PBCDV trong hoạt động thực tiễn.

CO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản của CNDVLS vào hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO4: Hiểu được kiến thức nền tảng, chuyên sâu của triết học Mác – Lênin và vận dụng vào thực tiễn đời sống.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được các nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào hoạt động giao tiếp, tư vấn trong dạy học, giáo dục, hướng nghiệp.

CO6: Sử dụng được nguyên tắc và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin để rèn luyện các kỹ năng: hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Xác định và thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện đạo đức nghề nghiệp và nhiệm vụ chuyên môn.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này thuộc khối kiến đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; Vấn đề lý luận nhận thức; những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học; vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

Tiếng Anh

This module is part of a general view, providing a fundamental knowledge of the philosophical principles of Marxism-Leninism, including issues of dialectical materialistic worldview and material dialectic, such as: Quan dialectical system between matter, consciousness; two principles, three laws and six pairs of categories of materialistic dialectic; Cognitive reasoning problems; Basic knowledge reflecting the law of social movement and development is shown in the following contents: Socio-economic morphology; the issue of class and humanity; state issues and social revolution; social problems and social consciousness; human problem in philosophy; the role of Marxist-Leninist philosophy in the present day.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm.

- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-16
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO9-16
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO9-16
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO6-10
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Khương chủ biên (2020), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Công thương.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004) *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, <http://www.tuyengiao.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>, ...

HỌC PHẦN 2: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPH141, *Triết học Mác - Lênin*

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học - Kinh tế, PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và	Số điện thoại	Email
----	------------------------	---------------	-------

	tên		
1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được các vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN, các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam trên lập trường kinh tế chính trị Mác – Lênin để thực hiện những hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân về các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn.

CO2: Đánh giá được các hiện tượng, các vấn đề kinh tế chính trị trong nền kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay trên lập trường kinh tế chính trị Mác - Lênin.

* Về kỹ năng

CO3: Giải quyết được các bài toán kinh tế trong hoạt động nhận thức của bản thân.

CO4: Xây dựng và giải quyết được các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn đời sống kinh tế của cá nhân và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

CO5: Vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị vào thiết kế kịch bản và tổ chức dạy học môn giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thực hành được kiến thức kinh tế chính trị vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO7: Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực kinh tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần trang bị các kiến thức về lý luận kinh tế chính trị của Mác – Ăngghen và Lênin; về hình thức biểu hiện của các phạm trù, các quy luật, các hiện tượng kinh tế trong tình hình thế giới và Việt Nam hiện nay; về những vấn đề lý luận và thực tiễn của kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên góc độ kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần là sự kế tiếp tất yếu trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị Mác – Lênin. Học phần vừa là sự cụ thể hoá, vừa bổ sung cho lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; là tiền đề để hiểu sâu sắc lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; là điều kiện để học tốt các học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử học thuyết kinh tế, kinh tế học đại cương...

Tiếng Anh

The module equips with knowledge of Marxist-Anghen and Leninist political economic theory; on the manifestation form of categories, laws and economic phenomena in the current world and Vietnam situation; on theoretical and practical issues of the political economy during the transition to socialism in Vietnam on the perspective of Marxist-Leninist political economy. The module is an inevitable succession in the system of Marxist-Leninist political theory subjects. The module is both a concretization and complementary to the logic of dialectical materialism and historical materialism; is the premise for deep understanding of scientific socialism; This is the condition to study Ho Chi Minh ideology well, the history of the Communist Party of Vietnam, history of economic theory, general economics ...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, nộp đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	--------------	-------------------	------------

			giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1, 2, 3, 4, 7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1, 4, 8.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 1, 2, 3, 7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ GD-ĐT (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN):

[2]. Mác và Ăngghen (1994, 2004), *Toàn tập, tập 23-25*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN)

[3]. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập (tập 27,43)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. (Phòng Tư liệu Khoa).

[4]. Phạm Văn Dũng (2012), *Giáo trình Kinh tế chính trị đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN).

[5]. Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội (Phòng Tư liệu Khoa).

[6]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia. (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN).

[7]. Học viện CTQG Hồ Chí Minh (2001): *Giáo trình KTCT Mác - Lê nin về phương thức sản xuất TBCN*, NXB. Chính trị Quốc gia. (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN).

[8]. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2002, 2004, 2007, 2009), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website

Các trang báo điện tử: <http://www.sbv.gov.vn>; <http://www.chinhphu.vn>;
<http://www.dangcongsan.vn>; <http://www.lyluanchinhtri.vn>;
<http://www.tapchicongsan.org.vn>.

HỌC PHẦN 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa

Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
3.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
4.	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
5.	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4	Th.S Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
6	TS. Nguyễn Thị Hường	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
7	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
8	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hantt.poli@tnue.edu.vn
9	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
10	Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hienntt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Chứng minh được vai trò, ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội khoa học đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị đô hộ, áp bức.

CO2: Đánh giá được tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Về kỹ năng**

CO3: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để thuyết trình và tham gia phản biện xã hội đối với những quan điểm, hành vi sai trái, thù địch chống phá quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Vận dụng được kiến thức đã học về dân chủ và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để thực hiện quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tiếng Anh

The scientific socialism module clarifies the socio-political laws and normality of the process of formation and development of the communist socio-economic form; the basic principles, the conditions, the path, the form and the method for the building of socialism. The scientific socialism module focuses on explaining the content of the historical mission of the working class, socialist, democracy and socialist state, on the issue of class coalition, issues of ethnicity, religion, and family in the process of building socialism.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Hình thức học toàn lớp
- Hình thức học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,10
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,6
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					

6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8
---	--------------------	----	----	--------------------	-------------------------

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Lan (2022), *Đề cương bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Thái Nguyên.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.3. Website

[7]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Quyet-dinh-04-2000-QD-BGDDT-Quy-che-thuc-hien-dan-chu-trong-hoat-dong-nha-truong-47410.aspx>

[8]. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Nghi-quyet-24-NQ-TW-2003-cong-tac-chinh-sach-dan-toc-241239.aspx>

[9]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (Khóa XIV) (2016), *Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Luật số 02/2016/QH14*, ngày 18/11/2016

[10]. <https://thukyluat.vn/vb/nghi-quyet-25-nq-tw-2003-cong-tac-ton-giao-3702a.html>

[11]. <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpg-van-ban-goc.aspx?ItemID=36870>
_Quốc hội số 52/2014/QH13, Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014.

[12]. <https://www.youtube.com/watch?v=x-8g-DW94cU/> Đẩy lùi 2 mũi tấn công nguy hiểm mang tên Dân chủ - Nhân quyền

HỌC PHẦN 4: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 55SSO121 - Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng, Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	thailinhchinhtri@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Chứng minh được những vấn đề lý luận cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

CO2: Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong quá trình học tập, công tác.

CO3: Đánh giá được giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO4: Phát triển kỹ năng phản biện xã hội cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

CO5: Hình thành các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giáo dục học sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thực hiện đúng các quy định đạo đức nghề nghiệp; quy chế dân chủ nơi ở và nơi làm việc.

CO7: Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Việt

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

Tiếng anh

Ho Chi Minh Thought is a compulsory subject in the section of general education, to provide basic knowledge about the basis, process of formation and development of Ho Chi Minh thought. At the same time, focus on explaining the content of basic topics of Ho Chi Minh's thought on national independence and socialism; thoughts on the Communist Party of Vietnam and the State of the people, for the people, for the people; ideas of great national solidarity and international solidarity; thought about culture, morality and people.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 5, 6
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 4, 5, 9,10
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3, 5, 8, 10, 11
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3, 4, 6,10,11
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (2021) Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (2021) Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Khánh Bật (2000), *Những bài giảng về môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[3]. Đinh Xuân Lý - Phạm Ngọc Anh (2008): *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[4]. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII*.

[6]. *Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và 05 ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị*, (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>)

[7]. *Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”* - ban hành ngày 16/1/2012 (đọc trên Website: <http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>)

HỌC PHẦN 5: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	8	4
3	Thực hành	8	4
4	Thảo luận	10	5
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (55HCM121).

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục chính trị.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	ThS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* *Về kiến thức chung*

CO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về đối tượng chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2: Chứng minh được sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945).

CO3: Sử dụng được kiến thức về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) để rút ra ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng.

CO4. Vận dụng được kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng để làm rõ quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018).

CO5. Chứng minh được những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

**** Về kiến thức chuyên môn***

CO6. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu của Lịch sử Đảng cần thiết cho công việc và cuộc sống.

CO7. Vận dụng được kiến thức cơ bản chuyên sâu về Lịch sử Đảng để giải quyết những công việc Đảng, đoàn thể và chính quyền nhà nước.

**** Về kỹ năng chung***

CO8. Sử dụng được kiến thức Lịch sử Đảng để giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

**** Về kỹ năng chuyên môn***

CO9. Sử dụng được phương pháp luận sử học để rèn luyện các kỹ năng: hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

**** Về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm***

CO10. Chia sẻ được kiến thức về Lịch sử Đảng vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức chung, cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến 2018. Cụ thể, nghiên cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và

tiến hành công cuộc đổi mới (1945 - 2018); khái quát những bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tới nay.

Tiếng Anh

The subject of the History of the Communist Party of Vietnam is in the general block of knowledge, basic research on the formation and development process of the Communist Party of Vietnam as well as the process of leading the Vietnamese network from 1930 to in 2018. Specifically, research on the life of the Communist Party of Vietnam and over-leadership of the government struggle (1930 - 1945); on the process of leading the two resistance wars, completing the liberation of the nation, the national system, the whole country to excessively socialism and the reform of work (1945 - 2018); overview of the great lessons of the Vietnamese revolution since the birth of the Communist Party of Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-23
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-23
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá ...	CLO 3-23
4	A4. Thực hành	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3-23
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 5,6,13
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, (Thư viện Trường Đại học Sư phạm- ĐHTN).

[3]. Nguyễn Trọng Phúc (2003), *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương (1930 - 2002)* (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[4]. Lê Mậu Hãn (2001), *Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[5]. Bùi Kim Đình (chủ biên) (2007), *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (Thư viện trường Đại học Sư phạm – ĐHTN).

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

8.3. Website

[9]. www.cpv.org.vn, www.lyluanchinhtri.vn

HỌC PHẦN 6: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Giáo dục thể chất không chuyên ngành; Khoa TĐTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
2	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
3	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
4	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
5	Th.S Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
8	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
9	T.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
10	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vnt@tnue
11	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd@tnue.edu.vnt@tnue.edu
12	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
13	T.S. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm@tnue.edu.vnt@tnue.ed

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về môn Bơi trong chương trình GDTC I: Lịch sử hình thành và phát triển, các kỹ thuật trong các kiểu bơi.

CO2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong môn Bơi, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương.

*** Về kỹ năng**

CO3: Thực hiện cơ bản đúng các kỹ thuật của kiểu Bơi ếch thể thao.

CO4: Đạt tiêu chuẩn về thể lực theo quy định của môn học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO6: Tuyên truyền ý nghĩa tác dụng của tập luyện TDTT và vận động người khác tham gia tập luyện TDTT thường xuyên.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người; Vai trò của việc tập luyện và thi đấu môn bơi lội trong các đại hội thể dục thể thao các cấp và đại hội Olympic. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp tay- chân- thở và hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

This module equips learners with a basic understanding of the origin and development history of Swimming; Meaning and effects of Swimming for enhancing and exercising health for people; The role of swimming practice and competition in all levels of physical training and sports and Olympic congresses. Understanding the properties of the water environment related to swimmers such as: Hydrodynamic principles, hydrodynamic principles, resistance forces affecting the swimmer's body; Learn the stages of an athletic swimming technique (frog swimming): How to float, water surf, learn leg movement, hand technique, hand-leg coordination, breathing movements, hand coordination - foot-breathing and perfecting all techniques of sport frog swimming.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp**

- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học...

- Thực hành: Hoàn thành 02 bài thực hành cá nhân hoặc nhóm theo yêu cầu của giáo viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-5
2	A2: Bài kiểm tra định kì 1.	15	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3
3	A3: Bài kiểm tra định kì 2.(bơi kết hợp lấy hơi 20m ngang bề)	15	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4
	A4. Bài kiểm tra thể lực	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4
Thi kết thúc học phần					
6	Thực hành bơi cự ly tối thiểu: + Nam: 50m + Nữ: 35m	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 2-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Sách giáo khoa Bơi lội, NXB TĐTT. 1999

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ủy ban TDDT: *Chương trình giảng dạy bơi lội phổ cập*, xuất bản năm 1996 - NXB – TDDT.

HỌC PHẦN 7: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDDT Không chuyên, Khoa TDDT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	ThS. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Đức Tuân	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	ThS. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	ThS. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	ThS. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	ThS. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	ThS. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	ThS. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	ThS. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	ThS. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	ThS. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	ThS. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	ThS. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của môn thể thao trong học phần GDTC II: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;

CO2: Biết được nguyên nhân, cách phòng ngừa và sơ cứu một số chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện, thi đấu.

CO3: Hiểu được một số kỹ thuật cơ bản, các bước biên soạn bài thể dục Aerobic.

*** Về kỹ năng**

CO4: Thực hiện được cơ bản đúng kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao trong học phần GDTC II;

CO5: Thực hiện cơ bản đúng 7 tư thế chân cơ bản, kỹ thuật cơ bản của nhóm độ khó tiêu biểu trong thể dục Aerobic.

CO6: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu;

CO7: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO8: Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường học và địa phương.

CO9: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDDT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

Physical Education Course 2 (Optional) for students who do not major in Physical Education, University of Education - Thai Nguyen University. The course equips students with an understanding of the origin, history, features, benefits and effects of the sport; realizing basic sports techniques; method of training and competition; analyzing some common injuries, how to prevent injuries. Forming skill skills on basic sports techniques, helping students improve their health, contributing to the training of moral qualities, willpower, agility, team spirit, and health fulfillment of work and life requirements.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp

- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

T T	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài kiểm tra 1	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3
3	A3. Bài kiểm tra 2	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3
Thi kết thúc học phần					
4	Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Đinh Khánh Thu, Trương Anh Tuấn, Nguyễn Thị Kim Lan, Giáo trình Thể dục Aerobic, NXB TDTT, Năm 2014, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2]. Nguyễn Đức Trường, Lê Trọng Đồng (2019), Giáo trình Bóng rổ, Nxb ĐHTN, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Tổng cục TDTT, Luật Bóng rổ, NXB TDTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[4] Đặng Ngọc Quang, Giáo trình Đá cầu, NXB ĐHSP, 2009.

[5] Tổng cục TDTT, *Luật đá cầu*, NXB TDTT, Hà Nội, 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[6] Nguyễn Văn Chung, *Giáo trình Võ thuật*, NXB Đại học Sư phạm, năm 2007, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[7] Lê Quốc Ân (chủ biên), *Kỹ thuật Vovinam - Việt võ đạo (tập 1)*, NXB Thể dục thể thao Hà Nội 2008, Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN.

[8] Tổng cục Thể dục Thể thao, *Luật thi đấu Vovinam*, NXB Hồng Đức 2018, Thư viện Trường ĐHSP - ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[9]. TS Nguyễn Văn Thời, ThS. Lê Minh Hùng, ThS. Trần Thị Thu Trang, *Giáo trình thể dục Aerobic tập 1*, thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[10]. Đinh Quang Ngọc, Bóng rổ trong trường phổ thông, NXB TDTT, năm 2013, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[11] Vụ TDTT quần chúng, *Phương pháp giảng dạy và huấn luyện Đá cầu*, NXB Đại học Sư phạm, năm 2009, Thư viện Trường ĐHSP ĐHTN

[12] Website: Vovinamthainguyen.vn

[13] Nguồn hướng dẫn tập luyện Võ thuật trên Youtube:

<https://www.youtube.com/>

HỌC PHẦN 8: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 40 tiết.
- Loại học phần: Tự chọn (Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong 4 môn trên).
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không.
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: TDTT Không chuyên, Khoa TDTT

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Th.S. Trần Thị Tú	0986.703.726	tutt@tnue.edu.vn
2	TS. Đào Thị Hoa Quỳnh	0963.246.683	quynhdth@tnue.edu.vn
3	TS. Võ Xuân Thủy	0963.810.833	thuyvx@tnue.edu.vn

4	Th.S. Nguyễn Văn Dũng	0919.220.768	dungnv@tnue.edu.vn
5	Th.S. Đào ngọc Anh	0986.599.780	anhdn@tnue.edu.vn
6	Th.S. Nguyễn Đức Tuấn	0983.248.322	tuannnd@tnue.edu.vn
7	Th.S. Lê Văn Hùng	0852.998.828	hunglv@tnue.edu.vn
8	Th.S. Trần Minh Khương	0912.456.778	khuongtm@tnue.edu.vn
9	Th.S. Nguyễn Thành Trung	0987.636.222	trungnt.phy@tnue.edu.vn
10	Th.S. Nguyễn T. Thanh Vân	0389.974.726	vanntt@tnue.edu.vn
11	Th.S. Nguyễn Đức Trường	0359.863.333	truongnd@tnue.edu.vn
12	Th.S. Nguyễn Nhạc	0981.210.988	nhacn@tnue.edu.vn
13	Th.S. Nguyễn Thị Hà	0979.646.255	hant.phy@tnue.edu.vn
14	Th.S. Nguyễn Huy Ánh	0978.223.583	anhnh@tnue.edu.vn
15	Th.S. Ma Đức Tuấn	0972.139.915	tuandmd@tnue.edu.vn
16	Th.S. Nguyễn Duy Nam	0965.536.822	namnd.phy@tnue.edu.vn
17	Th.S. Mã Thiêm Phách	0388.178.395	phachmt@tnue.edu.vn
18	TS. Nguyễn Mạnh Hùng	0988.711.822	hungnm.phy@tnue.edu.vn
19	TS. Đỗ Ngọc Cương	0914.456.163	cuongdn@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của môn thể thao trong học phần GDTC III: Đặc điểm, ý nghĩa, sơ lược lịch sử; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu;

CO2: Biết được một số chấn thương thường gặp trong các môn thể thao, cách phòng ngừa, sơ cứu chấn thương trong quá trình tập luyện, thi đấu.

CO3: Hiểu được một số kỹ thuật cơ bản của điệu nhảy chachacha, jive, các bước biên soạn bài khiêu vũ thể thao.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật, chiến thuật của môn thể thao trong học phần GDTC III;

CO5: Thực hiện cơ bản đúng các bước kỹ thuật cơ bản của điệu nhảy chachacha, jive;

CO6: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học vào tập luyện, thi đấu;

CO7: Đạt trình độ thể lực chung theo tiêu chí đánh giá của học phần.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường học và địa phương.

CO9: Xây dựng được kế hoạch cá nhân, giao tiếp và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; Tự học tập và rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Giáo dục thể chất III (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành TDDT Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao đã lựa chọn ở học phần; thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; phân tích được một số chấn thương thường gặp, cách phòng ngừa các chấn thương. Hình thành những kỹ năng kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu về công việc và cuộc sống.

Physical Education 3 (Optional) for students who are not major in Physical Education, University of Education - Thai Nguyen University. The course equips students with knowledge of the origin, history, characteristics, benefits and effects of the selected sport in the course; realizing basic sports techniques; method of training and competition; analyzing some common injuries, how to prevent injuries. Forming skill skills on basic sports techniques, helping students improve their health, contributing to the training of moral qualities, willpower, agility, team spirit, and health fulfillment of work and life requirements.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp**

- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thực hành.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: ôn tập và đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...
- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

T T	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-9
2	A2. Bài kiểm tra định kỳ 1	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3
3	A3. Bài kiểm tra định kỳ 2	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3
Thi kết thúc học phần					
4	A4. Thực hành	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 3

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Vũ Thanh Mai, *Khiêu vũ Thể thao*, NXB TĐTT, Năm 2011, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[2] PGS.TS Trần Đức Dũng, *Giáo Trình Bóng đá*, Nxb TĐTT, Hà Nội 2007, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Nguyễn Đức Tuân (Chủ biên), Trương Tấn Hùng, *Giáo trình bóng chuyền*, NXB ĐHTN (2020), Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Nguyễn Văn Đức , Trần Văn Vinh (2015) *Giáo trình cầu lông* NXB TĐTT. Thư viện khoa TĐTT.

[5]. Tổng cục TĐTT, *Luật thi đấu Cầu Lông*, 2006, NXB TĐTT, thư viện trường ĐHSP TN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[6] Bảng đĩa hình; video – Giảng viên giảng dạy cung cấp cho sinh viên.

[7] Luật thi đấu Bóng đá, Tổng cục TĐTT - NXB TĐTT 2014.

[8]. Tổng cục TĐTT, *Luật Bóng chuyền*, NXB TĐTT năm 2015, Thư viện trường ĐHSP - ĐHTN.

[9]. *Bóng chuyền*, Iu. KLESEP – AG. AIRIANX NXB TĐTT, Hà Nội 1997, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

HỌC PHẦN 9: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG (CÓ CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHỨNG CHỈ RIÊNG)

HỌC PHẦN 10: TIẾNG ANH 1

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	5.0
3	Thực hành	15	7.5
4	Thảo luận	05	2.5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	75

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoàn Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức về xã hội, văn hóa các nước trên thế giới trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 2 ở mức cao theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Môn **Tiếng Anh 1** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học **Tiếng Anh 1** cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

English 1 is a compulsory subject in the general knowledge block of the bachelor's education program.

English 1 provides students with basic grammar such as present simple tense, present continuous, simple past, continuous past, comparative structures, missing verbs and vocabulary basics in topics such as health, sports, transportation, and adventure to develop a high level of Level 2 language skills. At the same time, this course also trains learners to use English skills to express opinions, opinions and to explain in communication situations; write grammatically correct sentences, short notes, and simple messages on familiar everyday topics.

Through classroom lessons and hands-on exercises on the MyELT self-study software and virtual classrooms, students can consolidate their knowledge while developing self-study and self-training skills.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

***Phương pháp**

- Kết hợp Thuyết trình, thảo luận
- Tự học, thảo luận nhóm

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
 - + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
 - + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn, đúng yêu cầu.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên MYELT	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Đọc)		1		

Thi kết thúc học phần					
6	A6. Nghe - Đọc - Viết - Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7 ,8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2019). *Life: A2-B1*. Singapore: Cengage Learning Asia.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

8.3. Website (nếu có)

<https://myelt.heinle.com/ilrn/authentication/signIn.do?inst=MYELT>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

HỌC PHẦN 11: TIẾNG ANH 2

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	10	5.0
3	Thực hành	15	7.5
4	Thảo luận	5	2.5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	75

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Tiếng Anh 1

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoàn Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng về một số chủ đề quen thuộc hằng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp tương ứng với bậc 3 cấp thấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO3: Hiểu được một số thông tin về xã hội, văn hóa các nước phương Tây.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 mức trung cấp thấp trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

CO5: Phát triển năng lực hợp tác giải quyết vấn đề.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Phát triển năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.

5. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn **Tiếng Anh 2** trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

English 2 is the next module of English 1, is a compulsory subject in the general knowledge block of the bachelor of education program.

English 2 equips learners with vocabulary about environmental topics, life events, careers, and science and technology. In addition, learners are reinforced with basic grammatical phenomena such as countable and uncountable nouns, numerical adjectives, articles, verbs to, future forms, prepositions, complete present tenses. constituents, deterministic relational clauses, types 1 and 0 conditionals. The knowledge in a module is not only academic, but also includes practical information and understanding about places, people and events in several countries around the world.

This module continues to train learners in low Level 3 English communication skills including listening, speaking, reading and writing, covering the four main topics as outlined above. At the end of this module, within the learned topics, learners have the ability to talk, listen to the main ideas and get information, read the main ideas and read information, and write short texts of 35-45 words. .

Through classroom lessons and hands-on exercises on the MyELT self-study software and virtual classrooms, students can consolidate their knowledge while developing self-study and self-training skills.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

***Phương pháp**

- Kết hợp Thuyết trình, thảo luận.
- Tự học, thảo luận nhóm.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
+ Chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp;
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giáo viên.
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên MYELT	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM...	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8
5	A5. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Đọc)		1		
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp + Viết	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2019). *Life: A2-B1*. Singapore: Cengage Learning Asia

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

8.3. Website

<https://myelt.heinle.com/ilrn/authentication/signIn.do?inst=MYELT>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

HỌC PHẦN 12: TIẾNG ANH 3

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	40	80
2	Bài tập	15	7.5
3	Thực hành	20	10
4	Thảo luận	05	2.5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		80	100

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Tiếng Anh 2

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☒

- Đơn vị phụ trách: BM Ngôn ngữ và văn hóa quốc tế, Khoa Ngoại Ngữ

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Quốc Thủy	0912446530	thuynq@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn T. Đoàn Trang	0912936510	trangntd@tnue.edu.vn
3	ThS. Vi Thị Trung	0915213468	trungvt@tnue.edu.vn
4	ThS. Nguyễn T. Hạnh Phúc	0982107915	phucnth@tnue.edu.vn
5	ThS. Đỗ T. Ngọc Phương	0948857850	phuongdtn@tnue.edu.vn
6	ThS. Phùng Thị Thanh Tú	0983820080	tuptt@tnue.edu.vn
7	ThS Trần Thị Thảo	0986060650	thaott@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

* Về kiến thức

CO1: Sử dụng được vốn từ vựng cơ bản về một số chủ đề thường gặp trong đời sống hàng ngày.

CO2: Vận dụng được các dạng ngữ pháp cơ bản tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO3: Vận dụng được các kiến thức được học về xã hội, văn hóa các nước nói tiếng Anh trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

*** Về kỹ năng**

CO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương ứng với Bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

CO5: Phát triển kỹ năng hợp tác và giải quyết vấn đề.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Phát triển năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn **Tiếng Anh 3** là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần **tiếng Anh 3** tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Ngôn ngữ và học tập; Du lịch và kì nghỉ; Lịch sử; Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định, *will, might*. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

English 3 is a compulsory subject in the general knowledge block of the bachelor's education program.

English 3 module continues to supplement students with vocabulary on topics of Language and learning; Travel and vacation; History; Spontaneous with grammar topics about present and past passive sentences; past completion, questions for subject and object, *-ing* adjectives and *-ed*-ending; structure *used to*, indirect sentences; conditional sentence type 2, uncertain pronouns, *will, might*. In addition, in this module, students continue to be trained in English communication skills such as listening and understanding conversations, interviews and articles; reading articles about topics covered; present your personal views, plan or interview, and practice simple paragraph writing skills.

Along with English modules 1, 2, English module 3 continues to develop English skills for students at level 3 English level at an average level according to the

6-level Language Proficiency Framework for Vietnamese and usable in communication.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*Phương pháp

- Kết hợp Thuyết trình, thảo luận.
- Tự học, thảo luận nhóm.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo tham dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp;
 - + Đọc tài liệu học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.
- + Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học.
- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân đúng hạn, đúng yêu cầu của giảng viên
- Thực hành: Hoàn thành các bài thực hành được giao trên MyELT và lớp học ảo đúng hạn và đúng yêu cầu.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10	1	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO8
2	A2. Bài tập trên MYELT	10	4	Rubric đánh giá bài tập	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8
3	A3. Thực hành trên lớp học ảo như CANVAS, GOOGLE CLASSROOM,...	10	4	Rubric đánh giá Thực hành trên lớp học ảo CANVAS, GOOGLE CLASSROOM, ...	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

4	A4. Bài kiểm tra định kì trên máy tính (Nghe)	20	1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì (Đọc)		1	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,4,5,6,8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Nghe - Đọc - Viết + Vấn đáp	50	1	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO 1,2,3,4,5,6,7,8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Hughes. J, Stephenson. H, & Dummet. P, (2019). *Life: A2-B1*. Singapore: Cengage Learning Asia

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Redman, Stuart (2003). *English Vocabulary in use*. Cambridge university press.

[3] Murphy, Raymond (2011). *English grammar in use*. Nxb Thời đại.

8.3. Website

<https://myelt.heinle.com/ilrn/authentication/signIn.do?inst=MYELT>

<https://www.instructure.com/>

<https://classroom.google.com/>

HỌC PHẦN 13: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin về học phần

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Elearning	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	12	8	40
2	Bài tập	0	0	0
3	Thực hành	30	10	20
4	Thảo luận	6	4	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0	0
Tổng		48	22	65

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin, Khoa Toán

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Văn Trường	0915016063	truongnv@tnue.edu.vn
2.	TS Trần Ngọc Hà	0915168400	hatn@tnue.edu.vn
3.	TS Ngô Thị Tú Quyên	0915023306	quyenntt@tnue.edu.vn
4.	ThS Lê Bích Liên	0983444586	lienlb@tnue.edu.vn
5.	ThS Phạm Văn Tiến	0912515028	tienpv@tnue.edu.vn
6.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982203129	hienntt.math@tnue.edu.vn
7.	TS Vũ Đức Quang	0352340851	quangvd@tnue.edu.vn
8.	ThS Cáp Thanh Tùng	0912735670	tungcp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức:

CO1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về phần cứng, phần mềm máy tính và hệ điều hành trong học tập và công việc.

CO2. Sử dụng được phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel và Microsoft PowerPoint để soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu trên bảng tính và tạo bài trình chiếu với nhiều loại dữ liệu đa phương tiện khác nhau.

CO3. Áp dụng được các khái niệm cơ bản về mạng máy tính và một số biện pháp bảo đảm an toàn thông tin trong làm việc trực tuyến; mô tả được đặc điểm của một số dịch vụ trên mạng Internet.

* Về kĩ năng:

CO4. Thành thạo kĩ năng soạn thảo văn bản, xây dựng bảng tính và tạo bài trình chiếu phù hợp với ngành đào tạo.

CO5. Quản lý được thông tin trên máy tính và thông tin cá nhân trên mạng máy tính; áp dụng được một số dịch vụ trên mạng Internet trong học tập và nghiên cứu.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

CO6. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

Tiếng Anh

The Basic Informatics module provides the basics of:

The general structure of the computer; handling basic errors of the computer; operating system.

Format text, insert objects into documents, tables, editing assistant tools in Microsoft Word.

Format and process data, formulas, basic functions, and charts in Microsoft Excel.

Manipulating slides; format, set effects for objects and slides; create hyperlinks in Microsoft PowerPoint.

Computer network and information security; some basic applications on the Internet.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại.
- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. Tham gia học tập trên hệ thống LMS (chương 4,5).

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập thực hành. Xem hướng dẫn thực hành trên hệ thống LMS (chương 4, chương 5).

- Thảo luận: Hoàn thành 03 bài thảo luận nhóm tại Chương 3, Chương 4 (nội dung bài trên hệ thống LMS) và Chương 5.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành các nhiệm vụ tự học.

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO12, 13
2	A2. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá bài tập thực hành	CLO7-11
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận	CLO1-12
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 01	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 02		01	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO4, CLO7-CLO9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Trắc nghiệm	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
7	A7. Thực hành	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO4, CLO7-CLO9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Trần Ngọc Hà, Ngô Thị Tú Quyên, Nguyễn Thị Thu Hiền (2021), Giáo trình Tin học đại cương, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Phạm Hồng Thái, Dư Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào Minh Thu (2008), Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Tin học cơ sở, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội.

8.3. Website:

[4]. <https://support.microsoft.com/en-us/training>

HỌC PHẦN 14: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH

1. Thông tin tóm tắt về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

- Phân bổ thời gian

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	8	04

3	Thực hành	10	05
4	Thảo luận	6	03
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		45	48

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
2	TS. Lê Thùy Linh	0979438777	linhlt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)

3.1. Về kiến thức

CO1- Nhận diện được những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về giáo dục ở Việt Nam.

CO2- Trình bày được những nội dung cơ bản của Luật Cán bộ, công chức; Luật viên chức.

CO3- Phân tích được các quan điểm chỉ đạo, các giải pháp phát triển giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CO4- Phân tích được những nội dung cơ bản của Luật giáo dục, quy định về đạo đức nhà giáo và Điều lệ nhà trường.

3.2. Về kỹ năng

CO5- Vận dụng được kiến thức về những vấn đề liên quan đến công tác quản lý hành chính trong hoạt động học tập ở nhà trường và làm việc sau khi tốt nghiệp ở trường phổ thông.

CO6- Phát triển được kỹ năng hướng dẫn, giáo dục học sinh chấp hành pháp luật của nhà nước.

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7- Tự giác học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho bản thân.

CO8- Tự giác và sáng tạo khi vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Quản lý HCNN và quản lý ngành giáo dục-đào tạo là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...; quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục đào tạo) và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học...

Tiếng Anh

Public and educational administration is an optional subject in the program of education management bachelor. The subject provides the basic knowledge of state administrative management (nature, content, method, law ...; state management of education and training (properties, characteristics, principles, internal content, the state management apparatus of education and training; the lines and views of the Party and State on education and training) and legal documents on education and training; helping students to receive be aware of their own responsibility in the implementation of legal documents on education The subject has a close relationship with the general law subject, the education subject, the school organization and management subject.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, nghiên cứu tài liệu học tập, tình huống.
- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu cho bài học: tích cực tham góp trong xây dựng bài học.
- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân sau khi kết thúc chương 1
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm sau khi kết thúc chương 3
- Hoàn thành 1 bài Kiểm tra định kỳ sau khi kết thúc chương 2
- Hoàn thành 1 bài Thi kết thúc học phần

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

8.1. Hình thức và trọng số điểm

- Sử dụng thang 10 điểm.

- Đánh giá quá trình:

+ Hình thức: Đánh giá chuyên cần; bài kiểm tra định kỳ; Bài tập cá nhân; bài tập thực hành nhóm.

+ Trọng số điểm: 50%

- Thi kết thúc học phần:

+ Hình thức: Tự luận;

+ Trọng số điểm: 50%

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1: Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 15
2	A2: Bài tập cá nhân (chương 1)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân, nhóm	CLO3
3	A3: Bài bài thực hành nhóm chương 3)	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân, nhóm	CLO9, CLO10, CLO13, CLO14
4	A4: Bài kiểm tra định kì (01 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 2)	20%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, CLO2
Thi kết thúc học phần					
5	Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-8

HỌC PHẦN 15: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 45 (Lý thuyết: 15; Bài tập: 15; Thực hành: 15; Thảo luận/Seminar: 0; Tự học: 45 tiết)

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	15	30
2	Bài tập	15	7,5
3	Thực hành	15	7,5
Tổng		45	45

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không Mã số:
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

2. Thông tin về các giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
6.	PGS.TS Nguyễn Thị Nhung	0986.390.863	nhungnt@tnue.edu.vn
7.	TS Nguyễn Thị Hạnh Phương	0914.435.676	phuongnth@tnue.edu.vn
8.	TS Lê Thị Hương Giang	0989.090.076	gianglh@tnue.edu.vn
9.	TS Nguyễn Thu Quỳnh	0975.459.119	quynhn@tnue.edu.vn
10.	ThS Nguyễn Diệu Thương	0948.210.155	thuongnd@tnue.edu.vn
11.	ThS Hồ Thị Phương Trang	0977.804.963	tranghtp@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Hiểu và lí giải một cách hệ thống những tri thức cơ bản về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng trong nhà trường.

CO2. Áp dụng kiến thức của học phần vào việc phát triển kiến thức mới, để có những định hướng trong nghiên cứu, giảng dạy cũng như giáo dục ngôn ngữ cho học sinh phổ thông.

* Về kỹ năng

CO3: Sử dụng tri thức của học phần để thiết kế các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, kế hoạch giáo dục về khoa học tiếng Việt ở trường phổ thông.

CO4: Thiết kế hiệu quả, linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

CO5: Hình thành các kỹ năng sư phạm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học, giáo dục tiếng Việt ở trường phổ thông. Có năng lực vận dụng tiếng Anh trong đối chiếu với tiếng Việt.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

CO6: Thể hiện năng lực tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để giáo dục người học biết yêu quý, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, thể hiện thái độ đúng đắn trong sử dụng tiếng Việt, góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm ở người học.

CO7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và hợp tác nhóm, thể hiện quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết của chuyên môn và thực tế giáo dục, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội; có tư duy phản biện xã hội và lan tỏa những điều tốt đẹp nói chung cũng như trong sử dụng ngôn ngữ nói riêng.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Tiếng Việt thực hành (môn học tự chọn) được cấu trúc gồm 2 chương. Chương 1: *Rèn luyện kỹ năng về chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu*. Chương 2: *Rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản*.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: chính âm, chính tả, dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập văn bản. Trên cơ sở đó hình thành các kỹ năng cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực giao tiếp của mình trong các hoạt động đọc, viết, nghe, nói.

Tiếng Anh

Vietnamese practice (optional subjects) is structured with 2 chapters. Chapter 1: Practice skills in spelling, spelling, word use and sentence formation. Chapter 2: Practice skills in receiving and creating documents.

The course equips students with knowledge of: spelling, spelling, word use, sentence formation, and word creation. On that basis, necessary skills are formed to help learners improve their communication capacity in reading, writing, listening and speaking activities.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp**

- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, đàm thoại.
- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học**

- Học theo lớp - bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; làm các bài tập theo yêu cầu...

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân đúng hạn và sẵn sàng nộp sản phẩm, báo cáo trước lớp.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm trong số các bài dưới đây:

+ Trình bày quy tắc chính âm, chính tả tiếng Việt hiện hành.

+ Trình bày quy tắc dùng từ, đặt câu tiếng Việt.

+ Trình bày các bước tổng thuật.

+ Trình bày cấu trúc và các bước tạo lập một số loại văn bản thông dụng.

+ Khảo sát thực trạng nói và viết sai chính tả trong học sinh, sinh viên hiện nay.

+ Suru tâm, phát hiện và sửa lỗi các câu có chứa lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu của học sinh, sinh viên hiện nay.

+ Khảo sát thực trạng và năng lực tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng của học sinh, sinh viên hiện nay.

+ Đề xuất phương hướng cải thiện năng lực dùng từ, đặt câu, tiếp nhận và tạo lập một số loại văn bản thông dụng cho học sinh phổ thông.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kì.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	10%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-11
3	A2. Bài tập nhóm	15%	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 5,6,10,11
4	A3. Bài kiểm tra định kì	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,10,11
Thi kết thúc học phần					
5	A4. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,3,6,11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1999), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb.ĐHQG (Thư viện).

[2]. Tổ Ngôn ngữ, Đề cương bài giảng (2015), *Tiếng Việt thực hành*, ĐHSP – ĐH Thái Nguyên (Thư viện).

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Hữu Đạt (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Giáo dục (Thư viện).

[4]. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng, *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Giáo dục, 1997 (Thư viện).

HỌC PHẦN 16: ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Lịch sử Việt Nam và Thế giới; Khoa: Lịch sử

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Hoàng Thị Mỹ Hạnh	0942781982	hanhhtm@tnue.edu.vn
2	ThS Lê Thị Thu Hương A	0912090681	huongaltt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

- CO1: Có hệ thống kiến thức về các giai đoạn phát triển của Lịch sử Việt Nam thời kì cổ - trung đại, cận đại và hiện đại theo phân kì Lịch sử.

- CO2: Có hiểu biết về các sự kiện có tính chất bước ngoặt, các nhân vật tiêu biểu trong mỗi giai đoạn lịch sử, đáp ứng yêu cầu dạy - học liên môn.

*** Về kĩ năng**

- CO3: Rèn luyện kĩ năng tự học, nghiên cứu khoa học (tìm kiếm và khai thác, xử lý tư liệu, tổng kê, tổng hợp, phân tích, đánh giá ...).

- CO4: Có khả năng vận dụng linh hoạt các năng lực, kĩ năng, phương pháp trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- CO5: Có khả năng làm việc độc lập, thực hiện tốt các yêu cầu của môn học, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Đại cương lịch sử Việt Nam là một học phần có xu hướng tích hợp, liên môn với các ngành khoa học của các khoa cơ bản như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục chính trị, Giáo dục Quốc phòng – An Ninh... Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về Lịch sử Việt Nam. Bao gồm các nội dung lớn như: Sự phát triển kế tiếp của các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ.

Historical foundation Vietnam is a module which tends to integrate, interdisciplinary with the basic sciences such as: Geography, Literature, Political Education, National Defense - Security ... They provide basic and systematic knowledge about Vietnamese History. Includes major contents such as: successive developments of dynasties, historical eras; the process of establishment and completion of the state and legal system; achievements in economic - cultural - social development; The history of fighting for national independence and the wars against foreign aggression defended national independence and territorial integrity.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp Thuyết trình, nêu vấn đề, trao đổi, đàm thoại.
- Phương pháp thảo luận nhóm, thực tế, tự học.

*** Hình thức tổ chức**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học theo yêu cầu của GV: Đọc tài liệu học tập và hoàn thành các bài tập trước khi đến lớp.

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

- Thực hành: Hoàn thành nội dung thực hành theo nhóm.

- Seminar: Hoàn thành 3 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1,2,3.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kì.

- Sản phẩm tự học cần nộp: Vở bài tập cá nhân.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- CLO8
2	A2. Bài tập nhóm	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- CLO8
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO1- CLO8
4	A4. Bài kiểm tra định kì 1 (tự luận, trắc nghiệm)	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-CLO4; CLO7-CLO8
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu đánh giá vấn đáp	CLO1-CLO5; CLO7-CLO8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Quang Ngọc (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trương Hữu Quýnh (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. *Giáo trình lịch sử Việt Nam* (2010), tập 1,2,3, Nxb Đại học Sư phạm, HN

□4□. Trần Bá Đức (2000), *Lịch sử VN từ 1858 đến nay*, Nxb ĐH Quốc gia HN.

[5]. Nguyễn Xuân Minh (2006) *Lịch sử VN hiện đại 1945-2000*, Nxb GD, HN.

HỌC PHẦN 17: VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CÔNG VỤ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	8	4
4	Thảo luận	4	2
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
3	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Phân tích được kiến thức cơ bản về văn bản hành chính và hệ thống văn bản hành chính công vụ.

CO2. Giải thích được quy trình ban hành văn bản hành chính.

CO3. Diễn giải được những yêu cầu cơ bản về soạn thảo và ban hành văn bản hành chính.

* Về kỹ năng:

CO4. Vận dụng được kỹ năng cơ bản về soạn thảo và ban hành văn bản hành chính trong công việc và cuộc sống.

CO5. Thực hiện có hiệu quả kỹ năng hợp tác, phản biện để giải quyết các vấn đề về soạn thảo và ban hành văn bản hành chính nảy sinh trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6. Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Văn bản hành chính công vụ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản lí luận chung về văn bản quản lý hành chính nhà nước, về hệ thống văn bản quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành, những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ văn phong trong quá trình soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo văn bản thông thường.

Tiếng Anh

The section on public administrative documents provides learners with general theoretical basic knowledge about state administrative documents, the state management document system and implementation effectiveness, the requirements of content, mode, style language in the text editing process, normal text editing techniques.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-8
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Học viện hành chính quốc gia (2006), *Giáo trình Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.2. Website

[2]. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=&_page=1&mode=detai&document_id=199378.

[3]. http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=&_page=1&mode=detai&document_id=179287.

HỌC PHẦN 18: TÔN GIÁO HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3

3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPGH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những kiến thức lý luận chung về tôn giáo cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO2: Trình bày được nội dung cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới.

CO3: Luận giải được nội dung một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.

CO4: Phân tích được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo.

* Về kỹ năng

CO5: Sử dụng được kỹ năng phản biện để luận giải mặt tích cực và tiêu cực của tôn giáo trên cơ sở quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về tôn giáo.

CO6: Thực hiện được kỹ năng: phân tích, đánh giá tình huống tôn giáo nảy sinh trong thực tiễn trên cơ sở quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về tôn giáo.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Vận dụng được kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp tri thức lý luận chung về nguồn gốc, bản chất tôn giáo; nội dung cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới như: đạo Phật, đạo Ki-tô, đạo I-xlam (Hồi giáo) và một số tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Việt Nam. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh và Đảng ta trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Tiếng Anh

This module is located in the basic knowledge block, providing general theoretical knowledge about religious origin and nature; basic content of major religions in the world such as Buddhism, Christianity, I-xlam (Islam) religion and some beliefs and religions of the Vietnamese nation. Basic views of Ho Chi Minh and our Party in exercising the people's right to freedom of belief.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*
- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3,4; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	-------------------	--------------	-------------------	------------

			giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-8
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO7-14
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO7-14
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Minh Tuyên (2013), *Giáo trình Tôn giáo học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội
- [3]. Trần Đăng Sinh, Đào Đức Doãn (2005), *Giáo trình tôn giáo học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Đăng Duy (2003), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

8.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://btgcp.gov.vn/>; <https://vnctongiao.vass.gov.vn> , ...

HỌC PHẦN 19: LÔGIC HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	10	5

5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		58	77

- Loại học phần: *Tự chọn*
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPGH, Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4	ThS Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Áp dụng được kiến thức cơ bản của logic học vào hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2: Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu của logic học cần thiết cho công việc và cuộc sống.

* Về kỹ năng

CO3: Sử dụng được các nguyên tắc, yêu cầu tư duy của logic học vào hoạt động giao tiếp, hoạt động tư vấn trong dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

CO4: Kết hợp linh hoạt các phương pháp tư duy logic để rèn luyện kỹ năng phân biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng của học phần vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần logic học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của logic hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ...và các hình thức,

nguyên tắc, quy luật của logic biện chứng như biện chứng của khái niệm, biện chứng của phán đoán, biện chứng của suy luận, các quy luật biện chứng chung, quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể, quy luật thống nhất giữa logic và lịch sử, vấn đề chân lý, vấn đề giả thuyết, vấn đề chứng minh...

Tiếng Anh

The logic module is in the basic knowledge block of the industry. This module equips learners with the basic knowledge of forms and laws of formal logic such as concepts, judgments, inference, proofs, rejection ... and forms, principles, the law of dialectical logic such as the dialectic of concepts, the dialectic of judgment, the dialectic of reasoning, the general dialectical laws, the law going from abstract to concrete, the law of unity between logic and calendar history, truth problem, hypothesis problem, proof problem...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	----------	---------	-------------------	------------

		điểm (%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
3	A2. Bài tập	5	02	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4
4	A3. Thực hành nhóm	5	02	Rubric đánh giá thực hành	CLO5-9
5	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO5-9
6	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
7	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đồng Văn Quân (2014), *Giáo trình logic học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vương Tất Đạt (2000), *Lógica học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Nguyễn Như Hải (2007), *Giáo trình logic học đại cương*, Nxb Giáo dục.

[4]. Bùi Thanh Quát, Nguyễn Tuấn Chi (1994), *Giáo trình logic hình thức*, Hà Nội.

[5]. Vũ Thị Tùng Hoa (2014), *Giáo trình logic học hình thức*, Thái Nguyên.

HỌC PHẦN 20: GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “*Không*”
- Học phần học trước: “*Không*”
- Học phần học song hành: “*Không*”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN, khoa

Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyht@tnue.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979858677	hienntm.poli@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	tuananhgdct@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các kiến thức về giáo dục kỹ năng sống cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được kiến thức về giáo dục kỹ năng sống vào hoạt động thực tiễn và công việc.

* Về kỹ năng

CO3: Sử dụng được các kỹ năng sống vào hoạt động giao tiếp trong dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

CO4: Sử dụng được nội dung giáo dục kỹ năng sống vào hoạt động tư vấn, giáo dục và hướng nghiệp.

CO5: Thực hành được các nội dung giáo dục kỹ năng sống để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

CO6: Xây dựng được kế hoạch để rèn luyện các kỹ năng: hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

CO7: Vận dụng được các phương pháp giáo dục kỹ năng sống để xử lý sáng tạo các tình huống nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

CO8: Sử dụng được các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống để xử lý sáng tạo các tình huống nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO9: Thực hành được kiến thức kỹ năng sống vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO10: Đề xuất được hệ thống các kỹ năng sống để phát triển nghề nghiệp, dẫn dắt chuyên môn, tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đề cập đến những vấn đề lý luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giai đoạn hiện nay như: khái niệm kỹ năng sống, vai trò của kỹ năng sống trong cuộc sống đương đại; hệ thống những kỹ năng sống cơ bản đối với học sinh, giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng lòng say mê nghề nghiệp và chức trách của người giáo viên dạy môn Giáo dục công dân trong việc góp phần giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết cho công tác giảng dạy và trong cuộc sống. Cuối cùng, học phần cung cấp cho sinh viên một số định hướng tiếp cận cách thức lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống qua các bài dạy môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

Tiếng Anh

This module belongs to the basic knowledge block of the industry, referring to the general theoretical issues of life skills and life skills education for students in the current period such as: the concept of life skills, the role of skills. life energy in contemporary life; system of basic life skills for students, helping students to realize the importance of life skills education, fostering career passion and responsibility of the civic education teacher in Helping students to form and practice life skills necessary for teaching and in life. Finally, the module provides students with some orientations on how to integrate the content of life skills education through Citizen Education lessons in high school.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; sử dụng đóng vai, dạy học dự án ở nội dung thực hành; tự học đối với các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 02 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành nội dung theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)				
1	A1.Chuyên cần	5	01	CLO1-11
2	A2.Bài tập cá nhân	5	01	CLO1-11
3	A3.Thực hành nhóm	5	02	CLO1-11
4	A4.Thảo luận nhóm	10	04	CLO1-11
5	A5.Bài kiểm tra định kì	25	01	CLO1,2,4,5,8
Thi kết thúc học phần				
6	A6.Vấn đáp	50	01	CLO1,2,4,5,8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]: Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Vũ Thị Tùng Hoa (2016), *Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học kỹ năng sống*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

[3]. Lục Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình (2012), *Hiệu trưởng trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lí*, Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống Giúp bạn gạt hái sự thành công*, Nxb Hà Nội, Đại học Sư phạm.

8.3. Website

[7] <http://kdiscovery.dhsptn.edu.vn/>

[8]. <http://thuvien.ajc.edu.vn>

HỌC PHẦN 21: VĂN HÓA HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Trình bày được kiến thức cơ bản của văn hóa học.

CO2: Phân tích được vai trò của văn hóa với đối với phát triển.

CO3: Giải thích được lý luận về bản sắc văn hóa dân tộc.

CO4: Vận dụng được kiến thức văn hóa học vào dạy học GDCTD và các môn LLCT.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức văn hóa học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo.

CO6: Sử dụng được kiến thức về văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc để rèn luyện các kỹ năng: hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Chia sẻ được kiến thức về văn hóa học và giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lí luận về văn hoá học, cấu trúc, bản chất văn hóa và vai trò của nó trong đời sống xã hội; các quy luật phát triển của văn hóa; vai trò của văn hóa đối với phát triển; bản sắc văn hóa dân tộc; văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tiếng Anh

This module is in the industry knowledge block, providing students with the basic knowledge of cultural theory, the structure, nature of culture and its role in social life; development of culture; the role of culture in development; National cultural identity; Vietnamese culture in the context of globalization.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm.

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu của các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-15
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO8-15
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO8-15
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Thường (2008), *Giáo trình Văn hoá học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Vũ Thị Tùng Hoa (2012), *Đề cương bài giảng môn Văn hoá học*, Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

[4]. Vũ Minh Tuyên (2013), *Giáo trình Tôn giáo học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[5]. Đặng Đình Siêu (2008), *Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.3. Website

<http://www.vanhoahoc.vn/>

<http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/2569-tran-ngoc-them-khai-luan-ve-van-hoa.html>

HỌC PHẦN 22: XÃ HỘI HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Triết học Mác – Lênin(55SPH141); Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
12.	T.S Nguyễn Thị Hương	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
13.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
14.	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
15.	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học. Khái quát được lịch sử hình thành xã hội học và liên hệ được với quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học Việt Nam. Hiểu và phân tích được những phạm trù cơ bản của xã hội học.

CO2: Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của các phương pháp nghiên cứu chuyên biệt trong lĩnh vực xã hội học như: phân tích tài liệu, phỏng vấn, metric xã hội, điều tra xã hội học....

*** Về kĩ năng**

CO3: Có khả năng thiết kế đề cương và biết tổ chức kế hoạch thực nghiệm gắn với lĩnh vực nghiên cứu xã hội trong thực tiễn công tác.

CO4: Có khả năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động điền dã xã hội học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần Xã hội học góp phần trang bị cho người học những kiến thức đại cương về xã hội học như khái niệm, đối tượng nghiên cứu, phương pháp và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, xã hội học còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học... Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học...

Tiếng Anh

The Sociology module contributes to equipping learners with general knowledge of sociology such as sociology research objects, methods and tasks; history forming sociology; the basic concepts of sociology. Besides, sociology also provides professional social research methods for learners to apply in practice such as: document analysis method, interview method, social measurement method, French law controls sociology... This part is have an link system with the philosophy part, political economy, social science, ethics, jurisprudence...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,10
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,6
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					

6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8
---	--------------------	----	----	--------------------	-------------------------

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Lương Văn Úc (2009), Giáo trình xã hội học, Nxb Kinh tế quốc dân. Hà Nội.
 [2]. T.S Nguyễn Thị Hương (2021), *Đề cương bài giảng Xã hội học*, Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Thanh Lê (2002), Lịch sử xã hội học từ cổ đại đến thế kỷ XX, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 [4]. Mạc Văn Trang (2011), Xã hội học giáo dục, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 [5]. Lê Ngọc Hùng (2002), Lịch sử và lý thuyết xã hội học, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website:

- [6]. <http://ios.vass.gov.vn/Pages/TrangChu.aspx>

HỌC PHẦN 23: PHƯƠNG PHÁP VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Huyền	0982.033.005	huyenpt@tnue.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thủy	0982.633.373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Hiểu được các kiến thức nền tảng về cơ sở hình thành, nội dung phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh và sự thống nhất giữa tư tưởng – phương pháp – phong cách của Người trong hoạt động chính trị cũng như mọi lĩnh vực khác.

CO2: Hiểu được tính tất yếu, tầm quan trọng của việc vận dụng sáng tạo phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

*** Về kỹ năng**

CO3: Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, hợp tác, tư duy phản biện đối với các tình huống nảy sinh có liên quan đến các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh như: Những vấn đề chung về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh; hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh; hệ thống phong cách Hồ Chí Minh như phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt.

Đồng thời, môn học cũng khẳng định tầm quan trọng của việc vận dụng sáng tạo phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay nhằm xây dựng Đảng thật sự trong sạch, xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân.

Tiếng Anh

Ho Chi Minh method and style is a compulsory subject of professional education knowledge, to provide knowledge base of Ho Chi Minh method and style such as: General issues about Ho Chi Minh method and style; Ho Chi Minh network method system; Ho Chi Minh style system such as thinking style, working style, expression style, application style and living style.

At the same time, the subject also manages the importance of the creative work of network methods and Ho Chi Minh style in the current renovation in our country in order to build a pure Party, building a real State of people, by the people, for the people.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học, đóng vai.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1,2,3, 4, 5
4	A4. Thực hành	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3,

					4, 5
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2,3
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2, 3

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy (Nghiệm thu năm 2020), *Giáo trình Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đặng Xuân Kỳ (2013), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[3]. Hoàng Chí Bảo (2011), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[4]. *Hồ Chí Minh toàn tập (2000)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (Tái bản qua các năm), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội,

[6]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Lý luận chính trị.

[7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng* (web)

[8] Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (web).

8.3. Website

[9]. www.cpv.org.vn, tnue.edu.vn.

HỌC PHẦN 24: CHÍNH TRỊ HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3

5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
3	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
5	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Chính trị học đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

CO2: Luận chứng được những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền lực chính trị, động lực chính trị, văn hóa chính trị, các thể chế chính trị và xử lý tình huống chính trị.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp.

CO4: Thực hiện phản biện được những quan điểm sai trái, thù địch về các vấn đề chính trị - xã hội ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những quy luật chung nhất của đời sống chính trị- xã hội, cùng những phương thức để hiện thực hóa vấn đề quyền lực chính trị, động lực chính trị, xây dựng thể chế chính trị theo hướng dân chủ, xây dựng văn hóa chính trị và xử lý các tình huống, các điểm nóng chính trị - xã hội.

Học phần góp hình thành ở người học kỹ năng đánh giá và giải quyết những vấn đề chính trị nảy sinh trong thực tiễn.

Tiếng Anh

The course provides students with the most basic knowledge of the most common rules of socio-political life, and the ways to realize the problem of political power, political dynamics, and construction. political institutions towards democracy, building political culture and handling situations and socio-political hotspots.

The learners contribute to the formation of skills in assessing and solving political problems that arise in practice.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học, đóng vai.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, CLO3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1,2,3 CLO4,5,6,7
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4, CLO5,6,7 CLO9,10
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, CLO5,7
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, CLO 4, 5,7

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2012), *Giáo trình chính trị học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Chính trị học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Trần Thị Lan (2020), *Đề cương bài giảng Chính trị học*, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, (Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I,II*, Nxb Chính trị quốc gia thật, Hà Nội

[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp 2013*

8.3. Website

[7].<http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php>- *Vai trò của đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước.*

[8].<http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp> *Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong quá trình đổi mới ở Việt Nam*

[9].<http://vanhoanghean.com.vn/goc-nhin-van-hoa3/dac-diem-moi-quan-he-giua-kinh-te-va-chinh-tri-o-viet-nam-van-de-va-giai-phap>, Internet.

[10].<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2009/2533/Khung-hoang-tai-chinh-va-nhung-mau-thuan-cua-chu-nghia-tu.aspx>, Internet.

[11].[http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2009/10/204711/chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu- vì sao sụp đổ](http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2009/10/204711/chủ%20nghĩa%20xã%20hội%20ở%20Liên%20Xô%20và%20Đông%20Âu-%20vì%20sao%20sụp%20đổ), Internet.

[12].<http://tapchidantoc.ubdt.gov.vn/2013-11-08/13b3cd8041bf77bbb52cbff3cdfbfc57-cema.htm/> Đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên.

[13].<http://www.tuyengiaokontum.org.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/nhung-thu-doan-chinh-cua-cac-the-luc-thu-dich-trong-viec-loi-dung-van-de-dan-toc-chong-pha-cach-mang-viet-nam-hien-nay-2341.html>

[14].<https://dangcongsan.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/nhan-dien-dau-tranh-voi-nhung-thu-doan-chong-pha-cua-cac-the-luc-thu-dich-truoc-them-dai-hoi-dang-540081.html>

HỌC PHẦN 25: KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPE131, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

**** Về kiến thức***

CO1: Vận dụng được các vấn đề kiến thức cơ bản của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô để giải quyết các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn.

CO2: Đánh giá và luận giải được các tình huống, các vấn đề kinh tế trong nền kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay.

**** Về kỹ năng***

CO3: Giải quyết được các bài toán kinh tế trong hoạt động nhận thức của bản thân.

CO4: Xây dựng và giải quyết được các tình huống kinh tế trong thực tiễn đời sống kinh tế của cá nhân và phát triển kinh tế - xã hội.

CO5: Vận dụng được kiến thức kinh tế học vào thiết kế kịch bản và tổ chức dạy học môn giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh phổ thông.

**** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

CO6: Thực hành được kiến thức kinh tế học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO7: Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực kinh tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học nói chung (kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô); luận giải hành vi kinh tế của các chủ thể cũng như tác động của chính phủ trong nền kinh tế. Môn học này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế....

Tiếng Anh

The subject is in the knowledge block of the political education bachelor's training sector, providing the basic contents of economics in general (microeconomics and macroeconomics); explain the economic behavior of actors as well as the impact of government in the economy. This subject has relationships with the social sciences and humanities, political science: Marxist-Leninist philosophy, Marxist-Leninist political economy, Revolutionary lines of the Communist Party of Vietnam, Ho

Thought Ho Chi Minh, Politics, Today's issues, Economic development, Economic management...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, dạy học dự án, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1-10
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 1, 4, 9.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá	CLO 1, 2, 3,

				thảo luận	7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Hồng Tiến, Phạm Thị Hồng Điệp (2008), *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

8.2. Tài liệu tham khảo (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN):

[2]. Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ (2012), *Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động.

[3]. Nguyễn Văn Công, Bộ môn Kinh tế vĩ mô – Trường ĐHKQTĐ (2010), *Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động.

[4]. David Begg (2008), *Kinh tế học*, NXB Thống kê.

[5]. Vũ Kim Dũng, Đinh Thiện Đức (2011), *Bài tập Kinh tế vi mô*, NXB Văn hóa thông tin.

[6]. Nguyễn Thị Mão (2011), Trường ĐHSP Thái Nguyên, *Đề cương bài giảng Kinh tế học đại cương*, NXB Giáo dục.

[8]. Cao Thúy Xiêm (2008), *Kinh tế học vi mô*, NXB Đại học KTQD.

[9]. Tham khảo các bài viết, các số liệu thống kê trên các Báo điện tử: Đảng Cộng sản, Chính Phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê, Bộ Lao động – TB – XH.

HỌC PHẦN 26: MỸ HỌC VÀ GIÁO DỤC THẨM MỸ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước hoặc song hành: + Triết học
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, KT & PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennttpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về đặc điểm cơ bản mỹ học Mác -Lênin và giáo dục thẩm mỹ trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ trong công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO3. Bày tỏ được quan điểm cá nhân về hình thái ý thức nghệ thuật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giáo dục thẩm mỹ vào hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

* Về kỹ năng

CO5. Sử dụng được các kiến thức cơ bản về mỹ học Mác - Lênin để thực hiện hoạt động thẩm mỹ và giáo dục thẩm mỹ cho người học trong dạy học, giáo dục, hướng nghiệp.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6. Thực hiện được các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các quan điểm mỹ học Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về mỹ học và bản chất của giáo dục thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ; nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống thẩm mỹ; giáo dục thẩm mỹ.

Tiếng Anh

This module is part of the industry base knowledge block. The module provides the basic knowledge of the Marxist-Leninist viewpoints, including issues of aesthetics and the nature of aesthetic education; aesthetic subject; aesthetic object; art and its role in aesthetic life; cosmetology education.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên các chương 2 và 3; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-14
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO8-14
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO8-14
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Hà (đồng chủ biên) (2016), *Giáo trình Mỹ học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đỗ Huy - Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn Ngọc Long (2000), *Giáo trình mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đỗ Văn Khang (chủ biên), Đỗ Huy, Nguyễn Văn Huyền (2004), *Mỹ học Mác - Lênin*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Thế Hùng (2006), *Mỹ học đại cương*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[5]. C.Mác – Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, 20, 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Vũ Minh Tâm (1998), *Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

8.3. Website

<http://dangcongsan.vn/>, <http://chinhphu.vn/>, <https://vtv.vn/>, <http://quochoi.vn/>, www.gso.gov.vn/, <http://tapchikhxh.vass.gov.vn/>...

HỌC PHẦN 27: QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;
Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
3	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế của một số các nước trên thế giới hiện nay.

CO2: Đánh giá được chính sách đối ngoại của một số nước lớn trên thế giới và xu thế toàn cầu hóa, quá trình hội nhập của Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO3: Phát triển kỹ năng phản biện xã hội cho sinh viên đối với những quan điểm sai trái, thù địch về quá trình thực hiện đường lối đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

CO4: Hình thành kỹ năng nghiên cứu bài học để rút ra những kết luận mang tính khoa học chỉ đạo hoạt động thực tiễn của bản thân.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thể hiện trách nhiệm trong việc vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học để luận giải và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn liên quan đến quan hệ quốc tế.

CO6: Thực hiện làm việc độc lập và làm việc nhóm theo nhiệm vụ của học phần, chịu trách nhiệm trước những vấn đề đã giải quyết.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Quan hệ Quốc tế là môn học tự chọn, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề quốc tế, khu vực và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: Thời đại ngày nay và mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc; Các nước đang phát triển và vị trí của nó trong đời sống quan hệ quốc tế; Quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay; Chính sách đối ngoại của một số nước lớn sau Chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hóa và quá trình hội nhập của Việt Nam.

Tiếng Anh

International Relations is an elective subject, research subjects are international, regional issues and foreign policy of the Party and State. Specifically, the subject provides basic knowledge about: present day and the relationship between the ethnic countries; Developing countries and its place in international relations life; Relations

between Southeast Asian countries in the current period; Foreign policies of some major countries after the Cold War, the trend of globalization and the integration process of Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

- Thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- 11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 4, 7
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 3, 8, 11
4	A4. Thực hành	10	01	Rubric đánh giá	CLO3, 5, 9,

	nhóm			bài thực hành	10
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO5, 7, 8,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Cao cấp Lý luận chính trị: Quan hệ quốc tế*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Thanh An (2020), *Đề cương môn học Quan hệ quốc tế*, Thái Nguyên, Thư viện Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

[3]. Học viện Quan hệ quốc tế Bộ ngoại giao (1997), *Hỏi đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

HỌC PHẦN 28: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPE131, *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn KT - Xã hội và Pháp luật; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Vận dụng được các vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại và những biến đổi về kinh tế - xã hội của thế giới để đáp ứng những hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Đánh giá được những tiềm năng của chủ nghĩa tư bản hiện đại và những điều chỉnh của các nước tư bản trong bối cảnh mới.

*** Về kỹ năng**

CO3: Xây dựng và giải quyết được các tình huống kinh tế, chính trị, xã hội đang diễn ra trong thực tiễn.

CO4: Vận dụng được kiến thức kinh tế phát triển vào thiết kế kịch bản và tổ chức dạy học môn giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hành được kiến thức kinh tế phát triển vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng về kinh tế, xã hội nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại cung cấp những kiến thức cơ bản về CNTB hiện đại ngày nay như đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại; đặc trưng các nhánh và vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới; tiềm năng cơ bản, giới hạn chủ yếu, xu hướng và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại; quá trình điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển...

Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

Tiếng Anh

The Modern Capitalism module provides the basics of modern capitalism today as a basic feature of modern capitalism; branch characteristics and the role of transnational companies in the world economy; basic potentials, major limitations, trends and development prospects of modern capitalism; the process of state economic adjustment in capitalist countries ... This module is related to the social sciences and humanities, political science: Marxist-Leninist philosophy, Marxist-Leninist political

economy, General economics, The Communist Party's revolutionary way Vietnam, Ho Chi Minh Thought, Politics, Today's Problems

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên.
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3, 4, 7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1, 4, 8.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá	CLO1, 2, 3,

				thảo luận	7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Khắc Thân (2002), *Tập bài giảng về chủ nghĩa tư bản hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đỗ Lộc Diệp (2003), *Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Đỗ Lộc Diệp, Đào Huy Quát, Lê Văn Sang (2003), *Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[4]. Trần Thị Vinh (2011), *Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI – Một cách tiếp cận từ lịch sử*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.3. Website

Các trang báo điện tử: <http://www.sbv.gov.vn>; <https://www.ssi.com.vn>; <http://gso.gov.vn>; <http://dangcongsan.vn>

HỌC PHẦN 29: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	thuhien165@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Giải thích được những kiến thức lý luận chung về lịch sử triết học Việt Nam.

CO2: Trình bày được nội dung cơ bản của tư tưởng triết học Việt Nam thời kì tiền sử đến thời kì Bắc thuộc.

CO3: Luận giải được nội dung cơ bản tư tưởng Việt Nam thời kì hình thành củng cố quốc gia phong kiến độc lập.

CO4: Vận dụng được kiến thức lịch sử tư tưởng triết học vào dạy học ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.

* Về kỹ năng

CO5: Sử dụng được kiến thức lịch sử tư tưởng triết học để phát triển kỹ năng phân biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Bảo vệ được đạo đức nhà giáo, phát huy quyền dân chủ trong nhà trường trên cơ sở tiếp thu các truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kì bao gồm: Khái quát về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam; tư tưởng triết học Việt Nam từ thời kì tiền sử đến thời kì Bắc thuộc; tư tưởng triết học Việt Nam thời kì hình thành, củng cố quốc gia phong kiến độc lập và tư tưởng triết học Việt Nam thời kì tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

Tiếng Anh

This module is in the basic knowledge block, providing students with in-depth knowledge of the history of Vietnamese philosophical thought over time, including: An overview of the history of Vietnamese philosophical thought; Vietnamese philosophy from prehistoric to Northern colonial period; Vietnamese philosophical thought during the formation period, consolidating the independent feudal nation and

Vietnamese philosophical thought during the period of the national revolution and people's democracy.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3,4; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO7-13

4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO7-13
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-13
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8. Học liệu

[1] Nguyễn Hùng Hậu (2010), *Đại cương lịch sử triết học Việt Nam*, Nxb CTQG.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Hùng Hậu (2010), *Triết lý trong văn hóa Phương Đông*, Nxb Sư phạm.

[3] Nguyễn Đăng Thục (2006), *Lịch sử triết học Phương Đông*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.

[4] Nguyễn Hữu Vui (1998), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia.

[5].Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (dành cho bậc đại học hệ chuyên LLCT), Nxb Chính trị Sự Thật Quốc gia

8.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://btgcp.gov.vn/>;

<https://voer.edu.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>...

HỌC PHẦN 30: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvtpoli@tnue.edu.vn
3	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
4	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được sự hình thành, phát triển của lịch sử các học thuyết chính trị; đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Lịch sử các học thuyết chính trị.

CO2: Luận chứng được các quan điểm, học thuyết chính trị cơ bản từ thời cổ đại đến thời hiện đại.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và tham gia phản biện xã hội đối với những quan điểm sai trái, thù địch về một số vấn đề chính trị ở Việt Nam.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về các học thuyết chính trị trong lịch sử từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại, qua đó giáo dục cho sinh viên thế giới quan khoa học về các vấn đề chính trị - xã hội.

Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, phản biện đối với những quan điểm chính trị sai trái, thù địch đồng thời giáo dục và củng cố niềm tin của sinh viên vào thể chế chính trị ở Việt Nam.

Tiếng Anh

The History module of political theories equips students with basic, in-depth knowledge of historical political theories from ancient, medieval to modern times, through which teaching educates students on a scientific worldview on social and political issues.

The History module of political theories contributes to the formation and development of the ability to communicate and criticize against wrong and hostile political views, and educates and reinforces students' belief in institutions. politics in Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại,... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Dạy học toàn lớp học theo lớp – bài

- Dạy học theo nhóm.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2, 3 CLO4,5

3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3 CLO4,5,6,7
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4, CLO5,6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3, CLO4,5,7
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1, 2, 3, CLO4, 5,7

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2009), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết chính trị*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2012), *Giáo trình chính trị học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1999), *Chính trị học đại cương*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chính trị học (2013), *Tập bài giảng Chính trị học (Hệ cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[6]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp 2013*.

8.3. Website

[7]. <http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php>- *Vai trò của đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước, Internet.*

[8]. <http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuvedang/details.asp>
Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

[9].<http://www.tuyengiaokontum.org.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/nhung-thu-doan-chinh-cua-cac-the-luc-thu-dich-trong-viec-loi-dung-van-de-dan-toc-chong-pha-cach-mang-viet-nam-hien-nay-2341.html>

[10].<http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php>- *Vai trò của đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước.*

HỌC PHẦN 31: LỊCH SỬ HỌC THUYẾT KINH TẾ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPH141, 55SPE131

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần lịch sử các học thuyết kinh tế để đáp ứng hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần lịch sử các học thuyết kinh tế để giải quyết các công việc về đảng, chính quyền nhà nước và đoàn thể.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Triển khai được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Là học phần cơ bản thuộc hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa nhận thức được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành các quan điểm, tư tưởng trong mỗi học thuyết kinh tế.

Nội dung cơ bản của học phần gồm đối tượng, phương pháp và chức năng nghiên cứu; lịch sử hình thành và phát triển, tính phê phán vốn có, thay thế hay bổ sung nội dung, tính lý luận và thực tiễn các học thuyết kinh tế trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại từ thế kỷ XV đến nay; Trên cơ sở lập trường của kinh tế chính trị Mác - Lê nin, đánh giá tính hai mặt của từng học thuyết kinh tế nhằm bảo vệ tính kế thừa, đúng đắn, khoa học, thời sự và không ngừng được bổ sung phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lê nin. Học phần cũng tiếp cận những học thuyết kinh tế của kinh tế học tư sản hiện đại với mục đích chỉ ra giá trị thực tiễn trong hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô và vi mô cho nền kinh tế Việt Nam.

Tiếng Anh

It is the basic module of the economic knowledge system that needs to equip learners with the sense of being aware of the theoretical and practical basis of the formation of views and ideas in each economic theory. The basic contents of the module include research subjects, methods and functions; history of formation and development, inherent criticality, replacement or supplementation of content, theoretical and practical economic doctrines in the history of development of economic thought of humanity from the 15th century to now on; On the basis of the stance of the Marxist-Leninist political economy, evaluating the duality of each economic theory in order to protect the inheritance, correctness, science, current events and constantly supplementing the development of Marxist-Leninist political economy. The module also approaches the economic doctrines of modern bourgeois economics with the aim of pointing out practical value in macro- and micro-economic policy making for the Vietnamese economy.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 6
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO4, 6
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế - Phần 1, Phần 2*, Trường đại học kinh tế quốc dân, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Trần Bình Trọng

8.2. Tài liệu tham khảo: (có trên thư viện trường ĐHSP - ĐHTN)

[2]. Chu Văn Cấp (1997), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB. CTQG

[3]. An Như Hải (2007), *Tìm hiểu môn học Lịch sử các Học thuyết kinh tế*, NXB Lý luận chính trị.

[4]. Giáo trình kinh tế học chính trị Mác – Lênin (2009).

8.3. Website

[5] Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, ...

HỌC PHẦN 32: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
3	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận chứng được quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội của các nhà tư tưởng từ thời cổ đại đến thời hiện đại.

CO2: Luận giải được quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học.

*** Về kỹ năng**

CO3: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để thuyết trình và tham gia phản bác những quan điểm sai trái, thù địch về chủ nghĩa xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học về chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở khái quát, lược khảo tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại. Học phần Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm rõ quá trình hình thành, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, qua đó, giáo dục lập trường chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin của sinh viên vào nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tiếng Anh

The history of socialist thought provides the basic knowledge, the foundation contributes to equipping students with a scientific worldview of socialism. On a general basis, a review of socialist thought from antiquity, middle ages to modern times and modern times. The History of Socialist Thought module clarifies the formation process, the developmental stages of scientific socialism, thereby educating the political and ideological stance, reinforcing students' belief in the Party's ideological foundation and the path to socialism in Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học**

- Dạy học toàn lớp
- Dạy học nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,7
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1,2 3,4,5,6,7
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4, 5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Thị Lan (chủ biên) (2016), *Giáo trình lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trịnh Quốc Tuấn; Nguyễn Đức Bách (Đồng chủ biên) (1996), *Lược khảo lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Trần Thị Lan (2020), *Đề cương bài giảng Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa*, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

[4]. Phạm Công Nhất (2005), *Tìm hiểu Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

8.3. Website

[6]. https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Robert_Owen.

[7]. voer.edu.vn/m/luoc-khao-lich-su-tu-tuong-xa-hoi-chu-nghia/1cf96e60.

[8]. <http://123doc.org/document/tom-tat-nhung-tu-tuong-xa-hoi-chu-nghia-thoi-ky-co-dai-trung-dai-dau-can-dai-va-can-dai.htm>.

[9]. <http://123doc.org/document/1348591-tieu-luan-nhung-gia-tri-va-nhung-han-che-trong-tu-tuong-xa-hoi-chu-nghia-the-ky-xviii-cua-phap.htm>

[10]. <http://www.tailieuontap.com/2011/04/nhung-gia-tri-va-nhung-han-che-cua-chu-nghia-xa-hoi-khong-tuong.html>.

HỌC PHẦN 33: LÝ LUẬN DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
3	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận chứng được tính khoa học, cách mạng trong học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và quan hệ dân tộc.

CO2: Luận giải được một số vấn đề đặt ra về quan hệ dân tộc trên thế giới và tác động của quan hệ dân tộc trên thế giới đến Việt Nam.

CO3: Vận dụng được thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và quan hệ dân tộc để luận giải quan hệ dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để thuyết trình và tham gia phản bác những quan điểm sai trái, thù địch về dân tộc và chính sách dân tộc.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn học Lý luận dân tộc và Quan hệ dân tộc trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; luận giải tính khoa học, cách mạng trong những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, quan hệ dân tộc và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc. Qua đó, hình thành và phát triển ở sinh viên kỹ năng nhận diện những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Tiếng Anh

The subject of Ethnic Theory and Ethnic Relations equips to give birth to members of the subject of ethnic theory and ethnic relations in Vietnam; Scientific and revolutionary interpretations in the fundamental and meaningful methodological points

of Marxism-Leninism, Ho Chi Minh's thought on the nation, the ethnic system and the Party's lines, undertakings and policies The State of Vietnam deals with the nation's issues. Thereby, forming and developing in students skills to identify wrong points and hostility about ethnic issues in Vietnam in the current period.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, đàm thoại, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học**

- Dạy học toàn lớp

- Dạy học nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá	CLO1-8

				chuyên cần	
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,7,8
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO 1,2 3,4,8
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1, 4,6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4,
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[5]. C.Mác và Ph.Ăngghen *Toàn tập, tập 19, tập 21* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5* (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5.

8.3. Website

[7].http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=98691/Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 về công tác dân tộc.

[8]. <http://www.cema.gov.vn/van-kien-dang-ve-chinh-sach-dan-toc.htm?p=2>

[9] <https://www.youtube.com/watch?v=0X36NHm-6ng&t=249s>/Chỉ mặt, gọi tên những kẻ xuyên tạc, phá hoại "hòa giải, hòa hợp dân tộc" Việt Nam.

HỌC PHẦN 34: PHÁP LUẬT HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	42	84
2	Bài tập	12	6
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	14	7
Tổng		78	102

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN, Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
3	TS. Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về nhà nước liên quan đến công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO3. Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về pháp luật liên quan đến công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

* Về kỹ năng:

CO4. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về pháp luật để thực hiện hoạt động giao tiếp và tư vấn cho người học trong dạy học.

CO5. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá các tình huống pháp lý nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình,...

Tiếng Anh

This module provides the most basic issues of the state and the law in general such as the origin, nature, form, state types and laws in history, basic legal issues such as: legal norms, legal relations. law, law enforcement, breach of law, liability, legal awareness, legal education, socialist legislation, the legal system. At the same time, the course provides basic knowledge about some important laws in the Vietnamese legal system such as: Constitutional Law, Administrative Law, Criminal Law, Civil Law, Labor Law, Marriage and Family Law,...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV có khả năng vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp - bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-10
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-10
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-10
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Vấn đáp	50	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. TS. Nguyễn Thị Khương, ThS. Nguyễn Mai Anh (2022), *Giáo trình Pháp luật học*, ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2016), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946) (2014), Nxb Lao động.

[4]. Bộ luật dân sự nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) (2017), Nxb Lao động.

[5]. Luật hôn nhân và gia đình : có hiệu lực từ ngày 1/1/2015 (2014), Nxb Lao động.

[6]. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016) (2017), Nxb Lao động.

[7]. Luật xử lý vi phạm hành chính (Có hiệu lực từ ngày 01/07/2013) : Nghị định số 81/NĐ-CP/ của chính phủ ngày 19/07/2013 và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính (2014), Nxb Lao động.

[8]. Bộ luật Lao động năm 2019 (2020), Nxb Lao động.

8.3. Website

[9]. Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật: <http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

[10]. Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp - Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật: <http://www.moj.gov.vn/Pages/vbpq.aspx>

HỌC PHẦN 35: HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	7	3.5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	7	3.5
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN, Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
16.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
17.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
18.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về luật hiến pháp và chế định chế độ chính trị trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về luật hiến pháp và chế định chế độ chính trị cần thiết cho hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

* Về kỹ năng:

CO3. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh có liên quan đến các quy định của luật Hiến pháp trong thực tiễn công việc.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4. Chấp hành đúng quy định của luật Hiến pháp trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO5. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Hiến pháp và định chế chính trị là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

Tiếng Anh

The Constitution and political regime is compulsory components of the sector knowledge in the Bachelor of Political Education. The course equips students with the basic knowledge system about the constitutional history of Vietnam, the basic content of the Constitution of the Socialist Republic of Vietnam in 2013, the legal position, the organizational structure, tasks, powers and operation forms of the National Assembly, President, Government, People's Courts, People's Procuracies, People's Councils and People's Committees.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.
- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4, CLO7, CLO8
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra	25	01	Đáp án, thang	CLO1-4

	định kì			điểm	
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. TS. Trần Thị Lan, ThS. Nguyễn Mai Anh (2022), Giáo trình Hiến pháp và định chế chính trị, trường ĐH Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946)*, Nxb Lao động.

HỌC PHẦN 36: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPE131, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	nguyenmao@dhsptn.edu.vn
2	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được các vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế phát triển để đáp ứng những hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Đánh giá được biểu hiện của kinh tế phát triển trong các chủ trương, đường lối xây dựng và phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.

*** Về kỹ năng**

CO3: Xây dựng và giải quyết được các tình huống kinh tế - xã hội trong hoạt động thực tiễn đời sống kinh tế của cá nhân và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

CO4: Vận dụng được kiến thức kinh tế phát triển vào thiết kế kịch bản và tổ chức dạy học môn giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật cho học sinh phổ thông.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hành được kiến thức kinh tế phát triển vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực kinh tế nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học phát triển; các phạm trù cơ bản của kinh tế phát triển cũng như các nguyên tắc phát triển kinh tế và phát triển bền vững đối với các nước đang phát triển nói riêng, toàn thể các quốc gia trên thế giới nói chung. Môn học này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

Tiếng Anh

The subject is in the knowledge block of the political education bachelor's training sector, providing the basic contents of development economics; the basic categories of economic development as well as principles of economic development and sustainable development for developing countries in particular, for the whole world in general. This subject has relationships with the social sciences and humanities, political science: Marxist-Leninist philosophy, Marxist-Leninist political economy, General economics, Revolutionary lines of the Communist Party. Vietnam, Ho Chi Minh Thought, Politics, Today's Problems

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề, đàm thoại, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3, 4, 7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1, 4, 8
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1, 2, 3, 7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-8
Thi kết thúc học phần					

6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-8
---	-------------	----	----	--------------------	--------

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (2012), *Giáo trình Kinh tế Phát triển (Dùng cho sinh viên không chuyên ngành kinh tế)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (có trên thư viện trường ĐHS - ĐHTN):

[2]. Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Giang (2022), *Kinh tế phát triển (Dùng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3]. Phạm Văn Dũng (2012), *Giáo trình Kinh tế Chính trị đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4]. Tạ Đức Khánh (2009), *Giáo trình Kinh tế học lao động*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[5]. Nguyễn Văn Công (2010), *Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, NXB Lao động.

[6]. Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội (Phòng Tư liệu Khoa).

[7]. Các website Kinh tế Việt Nam, Ngân hàng phát triển châu Á, Quỹ tiền tệ thế giới, Tổng cục thống kê Việt Nam...

HỌC PHẦN 37: QUẢN LÝ KINH TẾ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	4	2
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 55SPH141, 55SPE131

- Học phần học song hành: không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, kinh tế và PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
19.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
20.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần quản lý kinh tế để đáp ứng hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần quản lý kinh tế để giải quyết các công việc về đảng, chính quyền nhà nước và đoàn thể.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Triển khai được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần quản lý kinh tế thuộc hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản sau: Thứ nhất, những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế, gồm vai trò, chức năng, phương pháp và nguyên tắc quản lý kinh tế; công cụ quản lý kinh tế, thông tin kinh tế và yêu cầu, quy trình ban hành, tổ chức thực hiện quyết định quản lý kinh tế. Thứ hai, những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thứ ba, những nguyên lý cơ bản của khởi sự kinh doanh; cách thức hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh; yêu cầu chủ yếu để tạo lập doanh nghiệp. Thứ tư, những kiến thức cơ bản về tài chính, tín dụng, tiêu dùng; những kỹ năng, yêu cầu cơ bản đối với hoạt động tài chính, tín dụng và văn hóa tiêu dùng của cá nhân, gia đình.

Tiếng Anh

The economic management module of the economic knowledge system needs to equip learners with the meaning of knowledge that is interdisciplinary and highly practical. The module studies the following basic contents: First, the basic principles of economic management, including roles, functions, methods and principles of economic management; economic management tools, economic information and requirements, issuance process, and organization of implementation of economic

management decisions. Second, the basic knowledge about business culture, business ethics and corporate social responsibility. Third, the basic principles of starting a business; how to form a business idea and to make a business plan; required primarily to create a business. Fourth, the basic knowledge about finance, credit, consumption; skills, basic requirements for financial activities, credit and consumer culture of individuals and families.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình kết hợp trình chiếu, nêu vấn đề, đàm thoại, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: để thực hiện thảo luận nhóm, thực hành tại lớp; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu của SV.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá	CLO2, 6

				bài tập cá nhân	
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO2, 6
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quản lý kinh tế, *Giáo trình quản lý kinh tế*, NXB. Lý luận chính trị, H.2007.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Cảnh Hoan, *Tập bài giảng về quản lý kinh tế*, Tập 1 và Tập 2, NXB.CTQG, H.2000.

[3]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Dương Thị Liễu, *Giáo trình Văn hoá kinh doanh, phần 1, phần 2*. NXB Đại học KTQD, H.2012.

[4]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học KTQD, H.2016.

[5]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Hữu Tài, *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Đại học KTQD, H.2009.

[6]. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, *Nguyên lý quản lý kinh tế*, NXB. Chính trị - Hành chính, H.2009

[7]. Nguyễn Cảnh Hoan, *Tập bài giảng khoa học quản lý*, NXB. Lao động XH. H.2006

[8]. Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, <http://khoinghiiep.org.vn/>, <https://doanhnhnan.vn/>;...

8.3. Website

Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, <http://khoinghiiep.org.vn/>, <https://doanhnhnan.vn/>;...

HỌC PHẦN 38: LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CÔNG DÂN

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	7	3.5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	7	3.5
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng CSVN, Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
21.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
22.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
23.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1. Vận dụng được kiến thức cơ bản về quyền công dân trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

CO2. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về quyền công dân cần thiết cho hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

* Về kĩ năng

CO3. Thực hiện được các kĩ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh có liên quan đến các quy định của pháp luật về quyền công dân trong thực tiễn công việc.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền công dân trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO5. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về quyền công dân, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nội dung, lịch sử phát triển của quyền công dân trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, học phần giúp người học hiểu hơn về vai trò của các quy định pháp luật về quyền công dân, cơ chế và hệ thống đảm bảo quyền công dân ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

Tiếng Anh

The module provides learners with basic and comprehensive knowledge of theoretical issues as well as the law of civil rights, including: concepts, characteristics, content, development history of civil rights in the world and in Vietnam. At the same time, the module helps learners understand more about the role of legal provisions on citizenship, mechanisms and systems to ensure citizenship in some countries around the world and in Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-9
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. TS. Ngô Thị Lan Anh, ThS. Nguyễn Mai Anh (2022), *Đề cương bài giảng Lý luận và pháp luật về quyền công dân*, trường ĐH Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946)*, Nxb Lao động.

8.3. Website

[3] Website cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật: <http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx>

HỌC PHẦN 39: ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số tiết quy chuẩn: 60.
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	42	82

2	Bài tập	12	6
3	Thực hành	12	6
4	Thảo luận	12	6
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng		78	90

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, KT & PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hantt.poli@tnue.edu.vn
2.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được kiến thức về đạo đức học, giáo dục đạo đức, các phạm trù cơ bản của đạo đức học trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

CO2: Sử dụng được kiến thức đạo đức học và giáo dục đạo đức vào trong hoạt động dạy học và thực tiễn cuộc sống.

CO3. Phân tích được tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đạo đức người thầy giáo để học tập, rèn luyện đạo đức cá nhân và hoạt động dạy học trong thực tiễn.

* Về kỹ năng

CO4. Sử dụng được các phạm trù, nguyên tắc đạo đức, quan điểm đạo đức học Mác - Lênin vào hoạt động giao tiếp, tư vấn trong dạy học, giáo dục, hướng nghiệp.

CO5. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống đạo đức nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Chấp hành đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

CO7. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở chuyên ngành. Cung cấp những kiến thức cơ bản về đạo đức học; các phạm trù đạo đức cơ bản; một số nguyên tắc đạo đức mới; một số yêu cầu về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân; học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức người thầy giáo nhằm xây dựng đạo đức cá nhân, rèn luyện đạo đức nhà giáo trong dạy học, giáo dục và hướng nghiệp. Thực hiện được các kỹ năng cơ bản để giải quyết các tình huống đạo đức nảy sinh trong công việc và cuộc sống.

Tiếng Anh

The subject is in the specialized basic knowledge block. Provide basic knowledge of ethics; basic categories of ethics; some new ethical principles; some requirements for personal moral quality education; study and practice according to Ho Chi Minh's moral example and teacher's ethics in order to build personal morality and train teachers' ethics in teaching, education and career guidance. Practice basic skills to deal with ethical situations that arise in work and life.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình tích cực, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai, dạy học dự án: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành các bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành các nội dung thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO7-11
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO7-11
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-3
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO4-6
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tự luận	50	01	- Đáp án, thang điểm - Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Thị Tùng Hoa (2012), *Giáo trình Đạo đức học*, Nxb Giáo dục, Thư viện trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Khương (2019), *Tập bài giảng Đạo đức học*, Phòng Tư liệu khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

[3]. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (đồng chủ biên) (2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Đạo đức học Mác - Lênin* (Hệ cử nhân chính trị), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Thị Khương (chủ biên) (2015), *Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam*; Nxb Đại học Thái Nguyên.

[7]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 3, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website:

triethoc.edu.vn; triethoc.info.vn; vietnamnet; dantri, dhsptn.edu.vn...

HỌC PHẦN 40: NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Triết học Mác – Lênin(55SPH141); Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	T.S Nguyễn Thị Hương	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
2	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
3	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
4	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu và phân tích được những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay như đặc điểm, mâu thuẫn, xu hướng vận động của thời đại trong giai đoạn hiện nay.

CO2: Phân tích được các khái niệm, nội dung, tác động của những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay. Làm rõ được chính sách của Đảng và Nhà nước trong giải quyết những vấn đề cấp bách toàn cầu hiện nay.

*** Về kĩ năng**

CO3: Vận dụng kiến thức học phần để soạn giảng thành công các nội dung liên quan đến vấn đề toàn cầu trong chương trình GD&ĐT, GD&ĐT ở trường phổ thông.

CO4: Xây dựng được kế hoạch tuyên truyền những nội dung cấp bách toàn cầu của thời đại ngày nay đến người học và xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Có ý thức yêu quý, trân trọng những thành tựu mà nhân loại đã đạt được. Biết phê phán, đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực trước những vấn đề cấp thiết của nhân loại.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Việt

Học phần những vấn đề cơ bản của thời đại ngày nay đề cập đến những nội dung cơ bản, cấp bách của thời đại ngày nay cũng như mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay. Học phần được cấu trúc một cách có hệ thống các khái niệm, đặc trưng và tác động của những vấn đề cấp thiết toàn cầu hiện nay như: Bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, vấn đề chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo, vấn đề thất nghiệp, nghèo đói và tệ nạn xã hội. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những chính sách của Đảng, Nhà nước trước những vấn đề cấp thiết; nêu bật trách nhiệm của công dân trong giải quyết những vấn đề cơ bản của quốc gia, dân tộc gắn với những nội dung cấp bách toàn cầu. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đạo đức học, pháp luật học...

Tiếng Anh

Today's module on basic issues deals with the basic and urgent contents of today's era as well as the relationship between the ethnic nations in the current period. The module is systematically structured conceptually, the characteristics and impact of current global-level issues such as population explosion, environmental pollution, war problems, poor epidemics, unemployment, poverty and bad society. At the same time, the module also grants learners the policies of the Party and State in the face of urgent problems; highlights the responsibility of the nation in solving basic national problems associated with urgent issues. This section has an links of the password to the learning section, major economics, scientific socialism, ethics, jurisprudence, ...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai, dạy học dự án: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,7,9, 10

3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8,10
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4,5, 6,7,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3,4,6
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5,6,7,8

8. Học liệu

[1]. T.S Nguyễn Thị Hường (2017), “Những vấn đề của thời đại ngày nay”, Giáo trình nội bộ, NXB Đại học Thái Nguyên., Thái Nguyên.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 32/2018/TT/BGDĐT ngày 26/12/2018*, Ban Hành Chương trình GDPT – Chương trình môn GDCD THCS và Chương trình môn GDKT&PL (Kèm theo thông tư 32), NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I,II*, Nxb Chính trị quốc gia thật, Hà Nội

8.3. Website

[6] <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>;

[7]. www.cpv.org.vn, www.lyluanchinhtri.vn

HỌC PHẦN 41: LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	42	84

2	Bài tập	12	6
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	14	7
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		78	102

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “*Triết học Mác - Lênin*” (55SPH141)

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	ThS. Vũ Thúy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennntt.poli@tnue.edu.vn
4.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được kiến thức lý luận chung về lịch sử triết học.

CO2: Trình bày được nội dung cơ bản của lịch sử triết học phương Đông

CO3: Luận giải được nội dung cơ bản của các trường phái triết học Phương Tây

CO4: Vận dụng được kiến thức lịch sử triết học vào dạy học ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.

* Về kỹ năng

CO5: Sử dụng được kiến thức lịch sử triết học để phát triển kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Bảo vệ được đạo đức nhà giáo trên cơ sở vận dụng các tư tưởng về đạo đức của các nhà triết học trong lịch sử.

CO7: Vận dụng được quan điểm về dân chủ của các nhà triết học trong lịch sử để phát huy quyền dân chủ trong nhà trường.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức triết học đa dạng phong phú bao gồm: triết học phương Đông như: lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại; triết học phương Tây như: lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, lịch sử triết học thời kỳ Trung cổ, lịch sử triết học thời kỳ Phục hưng và Cận đại, lịch sử triết học Cổ điển Đức, thời kỳ Triết học Mác – Lênin.

Tiếng Anh

This module is in the block of industry knowledge, providing students with a rich variety of philosophical knowledge, including: Eastern philosophy such as: history of ancient Indian philosophy, history of Chinese philosophy. ancient; Western philosophy such as: history of Greek philosophy, history of philosophy in the Middle Ages, history of philosophy in the Renaissance and Modernism periods, history of German Classical philosophy, the Marxist period - Lenin.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai, dạy học dự án: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm.
- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO8-13
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO8-13
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
6	A6. Bài kiểm tra định kì 2		01	Đáp án, thang điểm	CLO5-9
Thi kết thúc học phần					
7	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

- [1]. Nguyễn Hữu Vui (2004), *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
 [2]. Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Khuong (chủ biên) (2021), *Giáo trình Lịch sử triết học*, ĐHSP - ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

- [3]. Đồng Văn Quân (2010), *Lịch sử triết học - Dành cho chuyên ngành Giáo dục Chính trị*, Đại học Sư phạm, Thái Nguyên.
 [4]. Nguyễn Đăng Thục (2006), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
 [5]. Trần Đăng Sinh (2009), *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học Sư phạm.

8.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://btgcp.gov.vn/>;
<https://voer.edu.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>...

HỌC PHẦN 42: LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	7	3.5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	7	3.5
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
24.	ThS. Nguyễn Mai Anh	0974390790	anhnm@tnue.edu.vn
25.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
26.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.com

3. Mục tiêu của học phần

* Về kiến thức

CO1: Tóm tắt được các giai đoạn phát triển của lịch sử nhà nước Việt Nam.

CO2: Luận giải được cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước của các nhà nước trong lịch sử Việt Nam.

CO3: Diễn giải được đặc điểm cơ bản của pháp luật Việt Nam trong các thời kỳ lịch sử.

CO4. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về lịch sử nhà nước và pháp luật Việt nam để giải quyết các công việc về chính quyền nhà nước.

* Về kỹ năng:

CO5: Thực hiện được kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống này sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn: sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam (từ triều Ngô đến triều Nguyễn); chính quyền và luật lệ thời Pháp thuộc; nhà nước và pháp luật Việt Nam từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

Tiếng Anh

History of Vietnamese government and law module provides basic knowledge about the state and laws of Vietnam through stages: the first state formation in Vietnamese history; state and law in period of againsting the assimilation of Chinese feudalism; Vietnamese feudal state and law (from the Ngo dynasty to the Nguyen dynasty); government and rule of the French colonial period; Vietnamese state and law from the August 1945 revolution to the present.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4, CLO7, CLO8
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Nhuận, Trần Thị Kim Anh, Lê Tuấn Anh, (2011) *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại. T3 Tập 3 Hoàng Việt luật lệ*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

[3]. *Quốc triều hình luật* thời Lê Sơ (1995), Nxb Chính trị Quốc gia

HỌC PHẦN 43: CHUYÊN ĐỀ ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42

2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: 55HCM121 - Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam;
Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
27.	TS. Vũ Thị Thủy	0983896296	thuyvt.poli@nue.edu.vn
28.	TS. Phạm Thị Huyền	0912336197	huyenpt@nue.edu.vn
29.	Th.S Thái Hữu Linh	0986351114	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Chứng minh được bản chất, đặc điểm, nội dung, hệ thống giá trị tư tưởng, tầm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong quá trình học tập và công tác.

CO2: Đánh giá được giá trị của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới hiện nay.

* Về kỹ năng

CO3. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh để thực hiện hoạt động giao tiếp và tư vấn cho người học thấy được tầm vóc của hệ tư tưởng của Người trong dạy học.

CO4. Thực hiện được các kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá các vấn đề cho sinh viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5. Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ.

CO6. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh là học phần nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những vấn đề chung về đạo

đức và vai trò của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh; tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó, thấy được giá trị trường tồn trong tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Tiếng Anh

Ho Chi Minh's ethics seminar is a research module on the fundamental problems of Ho Chi Minh's revolutionary morality. The module provides general issues about morality and the role of Ho Chi Minh's revolutionary morality; Ho Chi Minh's thought and moral example. Thereby, we can see the enduring value in the moral example of Ho Chi Minh to the Vietnamese revolution and the world revolution.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai, dạy học dự án: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	03	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Thị Thủy (2021), *Đề cương bài giảng Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh*, Lưu tại Thư viện trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Hữu Toàn (đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB Đại học Thái Nguyên, Lưu tại Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh* (dành cho bậc đại học hệ chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX, XI, XII, XIII* Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[5]. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị số 03 – CT/TW ngày 14/5/2011 và Chỉ thị 05 ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị*, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN, (Web).

8.3. Website

[6]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI: “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” - ban hành ngày 16/1/2012, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN, (Web).

[7]. Chỉ thị số 05 – CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN, (Web).

[8]. Nghị quyết Trung ương IV khóa XII: “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng Chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*” - ban hành ngày 30/10/2016, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN, (Web).

HỌC PHẦN 44: CHUYÊN ĐỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Chủ nghĩa xã hội khoa học*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
2	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
3	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* *Về kiến thức*

CO1: Luận giải được giá trị của học thuyết Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và chủ nghĩa xã hội

CO2: Luận chứng được những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

CO3: Vận dụng được phương pháp luận duy vật biện chứng để nhận diện và chứng minh vai trò, triển vọng của chủ nghĩa xã hội hiện thực và yêu cầu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

CO4: Vận dụng được kiến thức đã học vào dạy học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học ở các trường chuyên nghiệp.

*** Về kỹ năng**

CO5: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp và tham gia phản biện xã hội đối với những quan điểm sai trái, thù địch về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Vận dụng được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân chủ để thực hiện quy chế dân chủ ở trường phổ thông hoặc các cơ quan đoàn thể, chính quyền nhà nước tại địa phương.

CO7: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về những vấn đề cốt yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân chủ, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Qua đó, hình thành và phát triển ở người học năng lực giao tiếp, phản biện đối với các quan điểm sai trái, thù địch với hệ tư tưởng Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, đồng thời củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tiếng Anh

The scientific socialism subject equips students with basic, in-depth knowledge on the essential issues of the socialist revolution: the historic mission of the working class, socialism and the period of transition to socialism, the issue of democracy, building of socialist people in Vietnam, the issue of real and prospective socialism, the issue of the protection of the Socialist Fatherland. Thereby, forming and developing in learners the ability to communicate and criticize wrong and hostile views with the Marxist-Leninist ideology on socialism, while at the same time reinforcing belief in the path. go up to socialism in Vietnam.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, CLO4,5,10

3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,5 CLO7,9,11,12
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO7,8, CLO9,12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,3,5
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, CLO5,6,7,8,9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Trần Thị Lan (2023), *Giáo trình Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình cao cấp Lý luận Chính trị- Khó khăn thức thứ nhất - Tập 3: Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011).

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

8.3. Website

[7].<http://www.hcmulaw.edu.vn/hcmulaw/index.php>- *Vai trò của đảng chính trị nói chung, đảng cầm quyền nói riêng đối với Nhà nước*

[8].<https://www.youtube.com/watch?v=4qTUrucUWG0>/ Vì sao thế lực thù địch muốn Việt Nam từ bỏ Chủ nghĩa xã hội?

[9].<https://www.youtube.com/watch?v=x-8g-DW94cU/> Đẩy lùi 2 mũi tấn công nguy hiểm mang tên Dân chủ - Nhân quyền

[10].<https://luatvietnam.vn/lao-dong/nghi-dinh-149-2018-nd-cp-huong-dan-thuc-hien-quy-che-dan-chu-o-noi-lam-viec-168569-d1.html>

[11].<https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-11-2020-tt-bgddt-huong-dan-thuc-hien-dan-chu-trong-hoat-dong-cua-co-so-giao-duc-183610-d1.html>

[12].<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2009/2533/Khung-hoang-tai-chinh-va-nhung-mau-thuan-cua-chu-nghia-tu-ban.aspx>

[13].<http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2009/10/204711/chủ-nghĩa-xã-hội-ở-Liên-Xô-và-Đông-Âu-vì-sao-sụp-đổ>

HỌC PHẦN 45: CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	32	64
2	Bài tập	8	4
3	Thực hành	8	4
4	Thảo luận	10	5
Tổng		58	77

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin (55SPH141), Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131), Chủ nghĩa xã hội khoa học (55SSO121), Tư tưởng Hồ Chí Minh (55HCM121), Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (55HPV131)

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, pháp luật và lịch sử Đảng CSVN; Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	ThS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu trong nghiên cứu và học tập môn Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

CO2: Vận dụng được chủ trương, đường lối, những kinh nghiệm lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào thực tiễn và hoạt động chuyên môn.

CO3: Chứng minh được vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo đất nước qua các thời kỳ lịch sử.

*** Về kỹ năng**

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng hợp tác, phản biện để giải quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần nghiên cứu về chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ. Từ chương 1 đến chương 6 nghiên cứu về quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nguyên nhân thắng lợi của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, xây dựng liên minh công – nông và trí thức, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và một số kinh nghiệm. Chương 7 khẳng định vai trò quyết định của Đảng trong việc đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Tiếng Anh

Subject History of the Communist Party of Vietnam is a research module on the Party's policies and guidelines over time. From chapter 1 to chapter 6, research on the Party's leadership process in realizing the goal of national independence and socialism, the cause of victory of the Vietnamese revolution through the ages, the role of the great bloc of people, and unity. ethnic group and international solidarity, building public-agricultural and intellectual coalition, building people's democratic government and some experience. Chapter 7 affirms the decisive role of the Party in bringing the Vietnamese revolution to victory.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 2,3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá ...	CLO 2,3, 4,

					5, 6, 7, 8
4	A4. Thực hành	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4, 5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 4, 5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Hoàng Thu Thủy (2018), *Đề cương bài giảng Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Một số Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Tập I, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Một số Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), Tập II, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Lê Mậu Hãn (2001), *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Trọng Phúc (Chủ biên) (2002), *Góp phần tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Hỏi và đáp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website

[7]. www.cpv.org.vn, www.lyluanchinhtri.vn

HỌC PHẦN 46: THỰC TẾ CHUYÊN NGÀNH GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Phân bổ thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	0	0
2	Bài tập	0	0
3	Thực hành	0	0
4	Thảo luận	0	0
5	Thực tế chuyên môn	30	15
Tổng		30	15

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2	Thái Hữu Linh		linhth@tnue.edu.vn
3	Trần Thị Lan		lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của học phần để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn

* Về kỹ năng

CO2: Thực hiện được các kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO3: Triển khai được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Việt

Học phần cung cấp những kiến thức thực tế về chính trị, xã hội của các địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Tiếng Anh

The module provides practical knowledge about the politics and society of localities, production and business establishments.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thực tế chuyên môn

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: tham gia đầy đủ các buổi thực tế chuyên môn.
- Hoàn thành: 01 tiểu luận đánh giá hết học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	50	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
6	A2. Bài tiểu luận kết thúc môn học	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Tài liệu học tập

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương nơi đến thực tế (GV hướng dẫn thực tế cho SV sẽ cung cấp tài liệu trước khi SV tham gia chuyến đi thực tế)

HỌC PHẦN 47

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02 ; Tổng số tiết quy chuẩn: 30
- Phân bổ thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: “Không”.
- Học phần học trước: “Không”
- Học phần học song hành: “Không”.
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN, Khoa

Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	ThS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhlt@tnue.edu.vn
2	TS. Hoàng Thu Thủy	0977 559 266	thuyht@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần để đáp ứng hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của học phần để giải quyết những vấn đề thực tiễn về xây dựng, chỉnh đốn đảng.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Triển khai được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Xây dựng Đảng là lý luận về đảng cách mạng của giai cấp công nhân - một bộ phận quan trọng trong hệ thống lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần Xây dựng Đảng là khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; về những nguyên tắc xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; cung cấp những luận cứ, cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; trang bị cơ sở khoa học về nghiệp vụ công tác Đảng.

Tiếng Anh

Party building is the theory of the revolutionary party of the working class - an important part of the Marxist-Leninist theory system, Ho Chi Minh's thought. Module of Party Building is the science of the Party's leadership towards society; on the principles of building the Party's internal affairs, enhancing the Party's leadership and fighting strength; providing scientific grounds and foundations for the planning of the Party's undertakings, lines and resolutions; equipping the scientific basis of Party work profession.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại

- Phương pháp thảo luận nhóm.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 2,6
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO 4,6.
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO 5,6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), Viện Xây dựng Đảng, *Giáo trình Xây dựng Đảng*, NX Lý luận chính trị, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo

- [2]. Đặng Xuân Kỳ, Mạch Quang Thắng, Nguyễn Văn Hòa (đồng chủ biên -2005), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng hiện nay*, NX Chính trị quốc gia Hà Nội
- [3]. Nguyễn Văn Huyền (2011), *Đảng Cộng sản cầm quyền, nội dung và phương thức cầm quyền của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội
- [4]. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (2006), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [5]. Viện Lịch sử Đảng, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2008), *Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội
- [6]. Lý Trung Thành (2009), *Đề cương bài giảng Xây dựng Đảng*

9.3. Website

- [7]. Tạp chí Xây dựng Đảng điện tử: <http://www.xaydungdang.org.vn/>

HỌC PHẦN 48: CÔNG TÁC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30
- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

30.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn
31.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	Vuthuy.dhsptn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Luận giải được vị trí, vai trò, tầm quan trọng cũng như đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học.

CO2: Luận giải được cơ cấu tổ chức hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

CO3: Diễn giải được vai trò của Đảng cộng sản, Công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể trong trường học.

CO4. Luận giải được vị trí, vai trò tầm quan trọng cũng như mối quan hệ của hiệu trưởng với các tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học.

*** Về kỹ năng:**

CO5: Thực hiện được kỹ năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống này sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO6: Thực hành được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của môn học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học Công tác đảng và đoàn thể trong trường học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học từ đối tượng nghiên cứu đến vị trí, vai trò tầm quan trọng của Đảng cũng như các tổ chức chính trị, xã hội trong trường học, quan đó thấy được tầm quan trọng phải xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong trường học hiện nay.

Tiếng Anh

Learning Party and Unions work in schools provides learners with basic knowledge about Party and Unions work in schools from research subjects to the position and important role of the Party as well as groups. In order to realize the importance of building the Party and social and political organizations in schools today.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại
- Phương pháp thảo luận nhóm.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4, CLO7, CLO8
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Viết	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Võ Văn Lộc (2017), *Giáo trình công tác Đảng và đoàn thể trong trường học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Thư viện Trường ĐHSP Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Tuấn Anh (2020), *Đề cương môn học Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường học, Thái Nguyên*, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22/04/2004*, (2004), NXB Chính trị, quốc gia, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP Thái Nguyên.

[4]. *Luật Giáo dục Đại học* (2019), (Sửa đổi, bổ sung năm 2013, 2014, 2015, 2018), NXB, Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP Thái Nguyên.

HỌC PHẦN 49: GIỚI THIỆU TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TRIẾT HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT & PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
3.	ThS. Vũ thùy Hằng	0974090486	hangvt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Diễn giải được hoàn cảnh ra đời và cấu trúc của các tác phẩm kinh điển triết học tiêu biểu do C.Mác – Ph.Ăng ghen và V.I.Lênin viết ra.

CO2: Xác định được nội dung tư tưởng triết học cơ bản thể hiện trong các tác phẩm triết học tiêu biểu của C.Mác – Ph.Ăngghen, V.I. Lênin.

CO3: Sử dụng được Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào dạy học ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.

*** Về kỹ năng**

CO4: Sử dụng được những nguyên lý triết học do Mác – Ăng ghen, Lênin nêu ra để phát triển kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Bảo vệ được đạo đức nhà giáo, phát huy quyền dân chủ trong nhà trường trên cơ sở tiếp thu các quan điểm triết học Mác – Lênin về đạo đức và dân chủ.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về những nguyên lý triết học cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin như chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, những quy luật của phép biện chứng, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào giải quyết các vấn đề chủ yếu của khoa học tự nhiên bước ngoặt cách mạng trong triết học, vấn đề thống nhất giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và logic học... mà C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã đưa ra trong tác phẩm của mình. Bao gồm các tác phẩm: Hệ tư tưởng Đức, Chống Duy linh, Biện chứng tự nhiên, Lút vich Phơ bách - Sự cáo chung về triết học cổ điển Đức do Mác - Ăng ghen viết. Tác phẩm Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Bút kí triết học do Lênin viết.

Tiếng Anh

The subject is in the specialized knowledge block, providing students with knowledge of the basic philosophical principles of Marxism-Leninism such as dialectical materialism, historical materialism, the laws of dialectic, the application of the dialectic method to solving major problems of natural science has a revolutionary turning point in philosophy, the problem of the unification between dialectic, cognitive theory and logic ... that C.Marx, Ph.angghen and V.L.Lenin have given in their works. Including works: German ideology, Anti-decree, Natural dialectic, Quirical Phoretic - The end of classical German philosophy written by Marx-Ang jealous. The work Materialism and Critical empiricism, Philosophical Pen written by Lenin.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình tích cực, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3,4; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO6-11
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO6-11
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Vũ Thị Tùng Hoa, Bùi Vân Hương, Nguyễn Thị Hường (2014), *Giáo trình Giới thiệu tác phẩm kinh điển C.Mác – Ph.Ăngghen (lưu hành nội bộ)*, Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Các Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 3*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Các Mác - Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, tập 20*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Các Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 21*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. V.I. Lênin (2004), *Bút kí triết học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. V.I. Lênin (2004), *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

9.3. Website

<https://moet.gov.vn/>; <http://btgcp.gov.vn/>;

<https://voer.edu.vn/>, <http://triethoc.edu.vn/>...

HỌC PHẦN 50: GIỚI THIỆU TÁC PHẨM KINH ĐIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: 55SPH141, 55SPE131

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn KT - Xã hội và Pháp luật; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện	Email
----	----------------------------	---------	-------

		thoại	
1.	ThS Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
2.	ThS Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO1: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị để đáp ứng hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân.

CO2: Vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị để giải quyết các công việc về đảng, chính quyền nhà nước và đoàn thể.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ năng phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Triển khai được các hoạt động làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và tự học để giải quyết các nhiệm vụ của học phần.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị là môn học cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa cung cấp thông tin về tác giả và nội dung nguyên gốc của các vấn đề lý luận trong môn học kinh tế chính trị học.

Học phần có những nội dung cơ bản sau: Trên cơ sở trình bày hoàn cảnh ra đời, đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu và kết cấu của từng tác phẩm (tác phẩm *Tư bản* của K.Marx, tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* và tác phẩm *Bàn về thuế lương thực* của V.I.Lenin), môn học đi vào nghiên cứu nội dung chi tiết của từng tác phẩm theo hướng phân tích nội dung lý luận của các tác giả, chỉ ra biểu hiện của các vấn đề lý luận trong thực tiễn lịch sử và hiện tại nhằm bảo vệ giá trị thời sự vô cùng to lớn của các tác phẩm kinh điển.

Tiếng Anh

Introduction to economic and political classics is the basic subject in economic knowledge systems to equip learners, with the meaning of providing information about the author and original content of theoretical issues. in the subject of political economics. The module has the following basic contents: On the basis of presenting circumstances of birth, object, purpose, research method and structure of each work (works of Capital by K.Marx, works of Master imperialism, the ultimate period of capitalism and VILenin's Discussion on Food Taxes), the subject goes into the detailed study of each work in the direction of analyzing the theoretical content of the the

author points out the manifestation of theoretical problems in historical and present practice in order to protect the immense topical value of the classic works.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu, đàm thoại, vấn đáp, động não... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài; nộp nội dung sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; tổ chức báo cáo sản phẩm của nhóm trước lớp với cách thức phù hợp.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm thuyết trình trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-6
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 6
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá	CLO4, 6

				thực hành	
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Mão (2017), *Đề cương bài giảng Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị*, Trường ĐHSP Thái Nguyên.

[2]. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994-2004), *Toàn tập, tập 23,24,25*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập, tập 27, 43*, NXB. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[4]. Benxaidơ, Đainien (1998), *Mác – Người vượt trước thời đại*, NXB. CTQG

[5]. V.I.Lê nin thân thể và sự nghiệp (1985), NXB. Tiến bộ, Matxcova.

8.3. Website

[6]. Báo điện tử: www.gso.gov.vn/, chinhphu.vn/, dangcongsan.vn/, ...

HỌC PHẦN 51: GIỚI THIỆU TÁC PHẨM KINH ĐIỂN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOC HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
32.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
33.	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
34.	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4.	TS. Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Giải thích được các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội khoa học, nhà nước và chuyên chính vô sản trong một số tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.

CO2: Vận dụng được quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội khoa học, nhà nước và chuyên chính vô sản để đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng hợp tác nhóm và giao tiếp để thuyết trình và tham gia phản bác những quan điểm sai trái, thù địch

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO5: Thực hiện được trách nhiệm cá nhân trong việc phản biện các quan điểm phủ nhận giá trị của học thuyết Mác – Lênin và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần nằm trong hệ thống kiến thức chuyên ngành. Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn trong các quan điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về tính tất yếu ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về nhà nước, dân chủ, cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội muốn phủ nhận học thuyết Mác – Lênin. Môn

học góp phần hình thành, phát triển kỹ năng phản biện đối với những quan điểm sai trái, thù địch về một số vấn đề cốt yếu của chủ nghĩa xã hội đồng thời củng cố niềm tin của người học vào giá trị, ý nghĩa phương pháp luận của một số tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin.

Tiếng Anh

Introduction to the classic works of scientific socialism is the module within the specialized knowledge system. The course contributes to equipping students with basic knowledge of content, theoretical value and practice in the views of C.Marx, Ph.angghen and V.I.Lenin about the historical mission of the working class, on the inevitability of scientific socialism, on the form of communist socio-economics, on the state, democracy, social revolution proletarianism and tyranny, about the struggle against opportunism to deny the Marxist-Leninist doctrine. The subject contributes to the formation and development of critical skills for wrong and hostile views on some essential issues of socialism while reinforcing learners' belief in value and meaning. methodology of some scientific socialist classics of C.Marx, Ph.angghen and VI Lenin.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu, phát vấn, nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, 3,4,5,6,8
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2 3,6
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO6,7,8,9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2,4,5
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3 CLO 4, 5, 7

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Trần Thị Lan (2022), *Đề cương bài giảng Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học*, Thư viện trường Đại học Sư phạm- ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Các Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, Thư viện trường Đại học Sư phạm- ĐHTN.

[3]. Các Mác - Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, tập 20*, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, Thư viện trường Đại học Sư phạm- ĐHTN.

[4]. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Tiến bộ, Matxcova, Thư viện trường Đại học Sư phạm- ĐHTN.

[5]. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 43, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, Thư viện trường Đại học Sư phạm - ĐHTN.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

8.3. Website

[7]. <http://tinhuylkhanhhoa.vn/tin-chi-tiet/id/377/Gia-tri-thoi-dai-tu-tac-pham--Tuyen-ngon-cua-Dang-Cong-san->

[8]. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/tuyen-ngon-cua-dang-cong-san--gia-tri-ly-luan-va-thuc-tien-trong-thoi-dai-ngay-nay-474578.html>.

[9]. <https://hcma2.hcma.vn/nghiencuukhoahoc/Pages/bao-ve-nen-tang-tu-tuong.aspx?ItemID=11117&CateID=334>

[10] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/v-i-lenin/nguyen-cuu-hoc-tap-tu-tuong/nha-nuoc-va-cach-mang-3143>

HỌC PHẦN 52: TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
----	----------------------------	---------------	-------

1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
3	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Phân tích được những nội dung cơ bản trong các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

CO2: Vận dụng các tác phẩm Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn cách mạng Việt Nam.

*** Về kỹ năng**

CO3: Phát triển kỹ năng thuyết trình, hợp tác, tư duy sáng tạo, tích cực chủ động phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp của bản thân.

CO4: Thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học trong hoạt động dạy học, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trước những vấn đề cần giải quyết.

CO6: Hình thành tác phong làm việc độc lập và làm việc nhóm, có khả năng lập kế hoạch học tập môn học hiệu quả.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Tiếng Việt

Môn học giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Cụ thể: tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Tuyên ngôn độc lập; Sửa đổi lỗi làm việc; Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân; Di chúc. Những tác phẩm của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn giúp cho việc hoạch định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, là văn kiện quan trọng, cương lĩnh hành động của Đảng, qua đó, giúp người học hiểu hết về giá trị, vẻ đẹp của tư tưởng, tâm hồn, nhân cách vĩ đại của một con người cả cuộc đời vì nước vì dân.

Tiếng Anh

The subject introduces some typical works of Ho Chi Minh to serve the practical requirements of the Vietnamese revolution. Specifically: works: Judgment of the French colonial regime; Declaration of Independence; Modify the way of working; Enhance the revolutionary morality to wipe out individualism; Testament. Ho Chi Minh's works have great value in theory and practice, helping to plan the basic problems of the Vietnamese revolution. At the same time, it is an important document, the Party's platform of action, thereby helping learners fully understand the value and

beauty of the thought, great soul and personality of a human for the whole life for the country. for people.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1 - 11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3, 6, 7
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá	CLO2, 4, 8,

				bài tập nhóm	10
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3, 5, 9, 11
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3, 4, 9, 11
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Thị Thuỷ, Phạm Thị Huyền (2020), *Đề cương bài giảng: Tác phẩm Hồ Chí Minh*, (Dành cho sinh viên chuyên ngành, Thái Nguyên, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (2019), NXB Trẻ, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. Vũ Thị Thuỷ (2020), *Đề cương môn học: Tác phẩm Hồ Chí Minh*, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[3]. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (2019), NXB Trẻ, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[4]. Sửa đổi lỗi làm việc (2010), NXB Trẻ TPHCM, Trung tâm học liệu ĐHTN.

[5]. *Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và ý nghĩa thời đại* (1996), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. *Hồ Chí Minh toàn tập* (12 tập) (2000), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP – ĐHTN.

HỌC PHẦN 53: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	30	60
2	Bài tập	06	03
3	Thực hành	16	08
4	Thảo luận	08	04

5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		60	75

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoalt@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Kiến thức:

- CO1. Trình bày được những vấn đề cơ bản của khoa học tâm lý.
- CO2. Phân tích được lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em; sự phát triển tâm lý trẻ em qua từng thời kỳ lứa tuổi;
- CO3. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học và giáo dục;
- CO4. Phân tích được cơ sở tâm lý học của hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

* Kỹ năng

- CO5. Vận dụng có hiệu quả kiến thức chung tâm lý học giáo dục vào thực tiễn dạy học và giáo dục.
- CO6. Nghiên cứu được các đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh.
- CO7. Thiết kế được qui trình hình thành khái niệm và các hoạt động nhằm hình thành các phẩm chất đạo đức cho học sinh.
- CO8. Hỗ trợ học sinh tiểu học, THCS, THPT vượt qua những khó khăn tâm lý trong học tập và trong cuộc sống.

* Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO9. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên.
- CO10. Tích cực lãnh hội và vận dụng những kiến thức tâm lý học giáo dục vào công tác giảng dạy, giáo dục; trau dồi và phát triển nghề nghiệp một cách liên tục.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

The Module equips students with basic knowledge of educational psychology such as nature, functions, and human psychological phenomena; psychological development characteristics of children in each age period; Psychological basis of teaching activities; Psychological basis of ethical education activities. In particular, the course provides learners with the basic content of ethical principles and psychological support skills in schools to apply in teaching, studying human psychology, forming and developing student personality, support students to solve psychological difficulties.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* **Phương pháp:** Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm nhỏ, vấn đáp, nghiên cứu tài liệu học tập, tình huống, phân tích và thực hiện các nhiệm vụ gắn liền các vấn đề tự học.

* **Hình thức tổ chức:** Học theo lớp – bài, học theo nhóm nhỏ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 2 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 2 và chương 4 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

	Hình thức	Trọng	Số	Tiêu chí đánh giá	CĐR của
--	-----------	-------	----	-------------------	---------

TT		số điểm (%)	lượt đánh giá		HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-12
2	A2. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,8
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 4,9,11,12
4	A4. Bài kiểm tra định kì số 1	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2,3,8
5	A5. Bài kiểm tra định kì số 2	12.5%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 5,10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	- Đáp án, thang điểm	CLO 1-12

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Tập thể tác giả, (2016), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Thành Nghị, (2013), *Tâm lý học giáo dục*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[3] Lê Văn Hồng, (Chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Phan Trọng Ngọ, (Chủ biên, 2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

[5] Nguyễn Quang Uẩn, (Chủ biên, 2009), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

HỌC PHẦN 54: GIÁO DỤC HỌC

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 04; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	42	84

2	Bài tập	08	04
3	Thực hành	12	06
4	Thảo luận	16	08
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		78	102

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: 55EPS331, Tâm lý học giáo dục
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Khoa học Giáo dục; Khoa Tâm lý – Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Nguyễn T. Thanh Huyền	0983.856.727	huyenntt.psy@tnue.edu.vn
2	TS. Lê Thùy Linh	0979.438.777	linhlt@tnue.edu.vn
3	TS. Nguyễn Thị Ngọc	0912.024.817	ngocnt.psy@tnue.edu.vn
4	TS. Hà Thị Kim Linh	0982.207.398	linhhkt@tnue.edu.vn
5	ThS. Hoàng Trung Thắng	0987.615.775	thanght@tnue.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu	0915.212.911	hieunn@tnue.edu.vn
7	TS. Đàm Thị Kim Thu	0904.244.476	thudtk@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

3.1. Về kiến thức

CO1: Nhận diện được chức năng xã hội của giáo dục, tính quy định của xã hội đối với giáo dục; tính lịch sử, tính giai cấp của giáo dục, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học và cấu trúc của quá trình giáo dục, xu hướng phát triển giáo dục.

CO2: Đánh giá được vai trò của giáo dục và các nhân tố khác đối với sự phát triển nhân cách.

CO3: Phân tích được mục đích, mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên lý giáo dục; lý luận dạy học và lý luận giáo dục.

CO4: Giải thích được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên và giáo viên chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

3.2. Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức chung của Khoa học giáo dục; Lý luận dạy học, lý luận giáo dục, nhiệm vụ, vai trò của giáo viên và giáo viên chủ nhiệm lớp trong thiết kế, tổ chức dạy học, hoạt động trải nghiệm cụ thể.

CO6: Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, hợp tác trong học tập

3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7: Tự giác, tích cực hoàn thiện nhiệm vụ học tập của cá nhân, hợp tác, Chia sẻ với bạn và giảng viên trong giải quyết nhiệm vụ học tập

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục học là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Kiến thức về mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

- Kiến thức về lý luận dạy học như: khái niệm quá trình dạy học, cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất của quá trình dạy học, quy luật, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức tổ chức dạy học.

- Kiến thức về lý luận giáo dục: Khái niệm quá trình giáo dục, đặc điểm, bản chất của quá trình giáo dục, logic của quá trình giáo dục; Các nguyên tắc và phương pháp giáo dục; kiến thức và kỹ năng tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- Những yêu cầu về nhân cách người giáo viên, đặc điểm lao động sư phạm vai trò và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0;

Tiếng Anh

Pedagogy is a compulsory subject of pedagogical knowledge block in teacher training programs. The subject covers the following contents:

Pedagogy is a science of human education; Factors affecting personality formation and development; Knowledge of educational purposes and duties.

- Knowledge of teaching theory such as: concept of teaching process, structure, tasks, nature of teaching process, laws, dynamics, logic of teaching process; teaching principles and methods, forms of organizing teaching.

- Knowledge of educational theory: Concept of educational process, characteristics, nature of educational process, logic of educational process; The principles and methods of education; knowledge and skills to organize a number of educational activities in high schools.

- Requirements on teacher personality, pedagogical labor characteristics, role and work content of homeroom teachers in a multicultural and revolutionary 4.0 environment;

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- * **Phương pháp:** Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm nhỏ, vấn đáp, nghiên cứu tài liệu học tập, tình huống, phân tích và thực hiện các nhiệm vụ gắn liền các vấn đề tự học.

- * **Hình thức tổ chức:** Học theo lớp – bài, học theo nhóm nhỏ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị các yêu cầu cho bài học: tích cực tham góp trong xây dựng bài học.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm.

- Thí nghiệm/thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm.

- Seminar: Hoàn thành 1 bài seminar nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 1 và 2 bài seminar nhóm ở chương 2; 3

- Hoàn thành 2 bài Kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 1 bài Thi kết thúc học phần

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Sử dụng thang 10 điểm.

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)				
1	A1. Chuyên cần	5%	01	CLO 13
2	A2. Bài tập nhóm (bài tập, bài thảo luận chương 1,2,3,5 và 01 bài thực hành chương 4)	20%	02	CLO 1-12
3	A3. Bài kiểm tra định kì (02 bài kiểm tra sau khi kết thúc chương 3 và chương 5)	25%	02	CLO 1-12
Thi kết thúc học phần				
4	Tự luận	50%	01	CLO 1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Thị Minh Huê, Lê Công Thành (2013), *Giáo trình “Giáo dục học”*. NXB Giáo dục. (thư viện trường ĐHSP)

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phan Thanh Long (chủ biên), (2013), *Lý luận giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

[3]. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học tập I và tập II*, NXB Giáo dục (thư viện trường ĐHSP)

[4]. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương tập I và tập II*, NXB Giáo dục.

[5] Quốc hội (2019), Luật giáo dục Việt Nam tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-175003-d1.html>

[6] Bộ GD&ĐT (2020), Công văn 5512 của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Giao-duc/Cong-van-5512-BGDDT-GDTrH-2020-xay-dung-va-to-chuc-thuc-hien-ke-hoach-giao-duc-cua-nha-truong-462988.aspx>

[7] Bộ GD&ĐT (2018); Thông tư 32/2018 tại địa chỉ: <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-32-2018-tt-bgddt-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-moi-169745-d1.html>

HỌC PHẦN 55: LÝ LUẬN VỀ PP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC GD&ĐT, GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	27	54
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	16	8
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng		63	72

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
3	Th.s Thái Hữu Linh	0388 644 227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn GD&ĐT, GDCT

CO2: Vận dụng kiến thức môn học để xây dựng kế hoạch dạy học.

CO3: Đánh giá được ưu, nhược điểm của các phương pháp và phương tiện cơ bản trong dạy học GD&CD, GD&CT ở phổ thông.

*** Về kỹ năng**

CO4: Phát triển được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học.

CO5: Vận dụng linh hoạt các hình thức, nguyên tắc và phương pháp dạy học trong thực tiễn.

CO6: Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học có hiệu quả.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Thể hiện thái độ trân trọng đạo đức nghề nghiệp, thường xuyên tự rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống của người giáo viên.

CO8: Hình thành ý thức tự học để nâng cao trình độ và năng lực của bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Tiếng Việt

Học phần Lý luận về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học giáo dục công dân, giáo dục chính trị trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ môn. Học phần giúp người học nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong dạy học môn GD&CD, GD&CT; hiểu được các hình thức dạy học chủ yếu gắn với đặc thù của bộ môn; hiểu được các phương pháp và phương tiện trong dạy học. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để xây dựng thành công kế hoạch dạy học gắn với từng nội dung bài học; thiết kế được các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; có khả năng xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân cho phù hợp. Học phần góp phần quan trọng trong định hướng, rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên môn GD&CD, GD&CT.

Tiếng Anh

The Theory module on methods and organizational forms of civic education and political education equips students with basic knowledge of the subject's teaching theory. The module helps learners grasp the basic principles and requirements in teaching the pedagogic education and communication skills; understand the main teaching forms associated with the specifics of the subject; understand the methods and means in teaching. On that basis, learners can apply them to successfully build teaching plans associated with each lesson content; designing forms of testing and evaluating learners; be able to process test results to evaluate learners and adjust their own teaching methods accordingly. Learning makes an important contribution to the orientation and training of necessary competencies for learners, to meet the increasing demands of society with teachers of education and communication subjects.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu, phát vấn, nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 2 bài kiểm tra định kỳ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 4, 5, 7, 11
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO2, 3, 8, 10, 11, 12
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO4, 6, 8, 10
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO3, 5, 7, 9, 10, 12

Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-12

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Hương (2016), *Phương pháp dạy học GD&CD ở phổ thông-Giáo trình nội bộ*; NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2022), *Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10*, NXB Giáo dục.

[3]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (dự kiến xuất bản 2023), *Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11*, NXB Giáo dục.

[4]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (dự kiến xuất bản 2024), *Sách giáo viên môn Sách giáo viên môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 12*, NXB Giáo dục.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể giáo dục phổ thông*

[6]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Giáo dục công dân*.

HỌC PHẦN 56: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH, SGK GD&CD Ở PHỔ THÔNG

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	7	3,5
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	7	3,5
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng		42	48

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: “Không”

- Học phần học trước: “Không”

- Học phần học song hành: “Không”

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn triết học, kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Hường	098859612	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
5.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Giải thích được kiến thức cơ bản về phát triển chương trình môn học ở trường phổ thông.

CO2: Trình bày được xu hướng phát triển chương trình SGK của một số quốc gia trên thế giới và kinh nghiệm xây dựng chương trình môn GD&CD ở trường phổ thông.

CO3: Chứng minh được sự phát triển chương trình GD&CD ở trường phổ thông.

CO4: Phân tích được kiến thức về xây dựng SGK GD&CD theo định hướng phát triển năng lực.

* Về kỹ năng

CO5: Vận dụng được kiến thức về phát triển chương trình SGK GD&CD để phát triển năng lực người học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Tổng hợp được kiến thức về phát triển chương trình SGK GD&CD vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng chương trình, sách giáo khoa môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Bao gồm: những vấn đề chung về phát triển chương trình, sách giáo khoa; một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình và sách giáo khoa; phân tích và xây dựng chương trình môn GD&CD ở nhà trường phổ thông; phân tích chương trình môn GD&CD trong chương trình phổ thông mới 2018 và xây dựng sách giáo khoa GD&CD theo định hướng phát triển năng lực.

Tiếng Anh

This module belongs to the block of professional knowledge of pedagogy, providing students with the basic knowledge of curriculum construction, textbooks of Citizen Education in high schools. Includes: general issues of curriculum development, textbooks; some international experience in curriculum and textbook development; analyzing and building curriculum for GD&CD subjects in high schools; analyzing the

GDCD curriculum in the new high school program 2018 and building the GD textbook in the direction of capacity development.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết trình tích cực, vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; nghiên cứu các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3, 4, 5; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO10-13
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá	CLO10-13

				thảo luận	
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2021), *Phát triển chương trình, sách giáo khoa GD CD ở phổ thông*, Nxb ĐHTN.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Sách giáo khoa GD CD 6; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021

[3]. *Sách giáo khoa GD CD lớp 7; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021.

[4]. *Sách giáo khoa GD Kinh tế và pháp luật lớp 10; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2022.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông môn GD CD, năm 2018.

[6]. Nguyễn Phúc Chính (Chủ biên, 2014), *Giáo trình phát triển chương trình, sách giáo khoa Sinh học ở phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam

HỌC PHẦN 57: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GD CD Ở TRƯỜNG THCS

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện		Số giờ tự học
		Trực tiếp	Trực tuyến	
1	Lý thuyết	34		68
2	Bài tập	12		52
3	Thực hành	24		
4	Thảo luận	12		
5	Thực tế chuyên môn	0		
6	Kiểm tra, đánh giá	2		
Tổng		58		120

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 55TMC431 - Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GDCD, GDCT

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn triết học, kinh tế và PPDH

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	thailinhchinhtri@gmail.com
3	TS Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
6	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO 1: Phân tích được cấu trúc chương trình, nội dung và các thành phần kiến thức cơ bản trong chương trình dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THCS.

CO 2: Phân tích được các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học trong giảng dạy các thành phần kiến thức môn Giáo dục công dân ở trường THCS

* Về kỹ năng

CO3: Hình thành kỹ năng tổ chức các hình thức dạy học, kỹ năng thiết kế kịch bản dạy học gắn với những nội dung kiến thức môn GDCD ở trường THCS.

CO4: Vận dụng thành thạo các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học vào giảng dạy các thành phần kiến thức môn giáo dục công dân ở trường THCS.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Có ý thức rèn luyện đạo đức nhà giáo và thực hiện tốt yêu cầu làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong học tập môn học.

CO6: Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào phát triển nghề nghiệp của bản thân

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THCS trang bị những kiến thức cơ bản về dạy học môn GDCD ở trường THCS, về những kiến thức của môn GDCD lớp 6,7,8,9. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn GDCD ở trường THCS; xây dựng được các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn GDCD ở trường THCS.

Tiếng Anh

The module Teaching methodology Citizen education in lower secondary schools equips with the basic knowledge of GDO teaching in junior high schools, about the knowledge of the general education subject 6,7,8,9. Equip students with basic skills to design a curriculum plan for GD in secondary schools; building teaching scenarios associated with each lesson. The module is oriented to train the necessary competencies for learners, to meet the increasing demands of society with teachers who teach CD education at secondary schools.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, vấn đáp, thảo luận nhóm, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 2 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-12

2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-12
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-12
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
	A6. Bài kiểm tra định kì		01	Đáp án, thang điểm	CLO7-12
Thi kết thúc học phần					
6	A7. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-12

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2021), Đề cương bài giảng Phương pháp dạy học môn GDGD ở trường THCS

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Sách giáo khoa GDGD 6; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021

[3]. *Sách giáo khoa GDGD lớp 7; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDGD, năm 2018.

HỌC PHẦN 58: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG THPT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 4; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	36	72
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	14	7
4	Thảo luận	12	6
5	Thực tế	12	6
Tổng		84	96

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 55TMC431 - Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD&ĐT, GD&ĐT
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và Phương pháp dạy học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

T T	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
4	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
5	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO 1: Hiểu được cấu trúc, nội dung, các thành phần kiến thức cơ bản trong các chương trình dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT.

CO 2: Vận dụng được các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học trong giảng dạy các thành phần kiến thức môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành kỹ năng tổ chức các hình thức dạy học, kỹ năng thiết kế kịch bản dạy học gắn với những nội dung kiến thức môn học.

CO5: Sử dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học vào giảng dạy các thành phần kiến thức môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thực hiện tốt yêu cầu trong làm việc độc lập và làm việc theo nhóm của môn học.

CO7: Đề xuất ý tưởng về xây dựng chương trình, về vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Phương pháp dạy học giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT, trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn GDKT&PL ở phổ thông, về những kiến thức của môn GDKT&PL lớp 10, 11, 12. Trang bị cho sinh viên những kỹ

năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn; xây dựng các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn GDKT&PL.

Tiếng Anh

Module module on teaching methods of economics and law education in high schools, equipped with the basic knowledge of teaching theory of technical education and education in high schools, about the knowledge of technical and legal education in grades 10, 11, 12. giving students the basic skills to design a subject teaching plan; build teaching scenarios associated with each lesson. The module is oriented to train the necessary competencies for learners, meeting the increasing demands of society with teachers teaching economics and law education.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, vấn đáp, thảo luận nhóm sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; đóng vai, dạy học dự án ở các nội dung thực hành; tự học với các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 2 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 4, 8, 10
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO2, 4, 5, 10, 12
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO2, 3, 7, 9, 10, 12
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-12
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-12

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương, Thái Hữu Linh (2022), Giáo trình Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường THPT.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Sách giáo khoa GDCD lớp 10; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo)* của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông môn GDCD, năm 2018.

[4] Nguyễn Thị Hường (2016), *Giáo trình phương pháp dạy học GDCD ở THPT*, NXB Đại học Thái Nguyên.

HỌC PHẦN 59: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC GDCD, GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	7	3.5

3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	7	3.5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		42	48

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: “Không”
- Học phần học trước: “*Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD&ĐT, GD&ĐT*” (55MTC431)
- Học phần học song hành: “Không”
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, KT và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Hường	098859612	huongnt.poli@tnue.edu.vn
3.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
4.	ThS. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

CO2: Trình bày được kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong dạy học GD&ĐT, GD&ĐT.

CO3: Luận giải được nội dung, quy trình, kỹ thuật đánh giá kết quả học tập, thiết kế đề kiểm tra, thi môn GD&ĐT, GD&ĐT.

CO4: Giải thích được kiến thức về đánh giá năng lực trong dạy học môn GD&ĐT, GD&ĐT.

* Về kỹ năng

CO5: Sử dụng được kiến thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GD&ĐT, GD&ĐT để phát triển năng lực người học.

CO6: Áp dụng được kiến thức về đánh giá để tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn một cách sáng tạo.

CO7: Thực hiện được các hình thức kiểm tra trong tổ chức và quản lý hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn một cách sáng tạo.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO8: Vận dụng được kiến thức kiểm tra đánh giá môn GDCD, GDCT vào phát triển nghề nghiệp; có năng lực dẫn dắt chuyên môn và tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về đánh giá trong giáo dục; quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập trên lớp đối với môn Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị; xây dựng quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra môn GDCD, GDCT theo hướng tiếp cận năng lực.

Tiếng Anh

This module belongs to the pedagogical knowledge block, providing students with an overview of assessment in education; managing, examining, and evaluating learning results in class for subjects of civic education, political education; build process and design techniques to test the pedagogical education subject in the direction of approaching competence.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình tích cực, nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*
- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3, 4, 5; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	---------------	---------	-------------------	------------

		(%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-18
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO10-18
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO10-18
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Ngô Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Khương, Nguyễn Thị Hương (2021), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục Công dân*, Trường ĐHSP, ĐHTN.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc (2017), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia.

[3] Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2016), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm.

[4]. *Tài liệu về kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở trung học phổ thông* (2013), Nxb Đại học Quốc gia.

HỌC PHẦN 60: THỰC HÀNH SỰ PHẠM GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	5	10
2	Bài tập	15	7.5
3	Thực hành	20	10
4	Thảo luận	15	7.5

Tổng	55	35
------	----	----

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 55TMC431- Lý luận về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDCT, GDCT
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn triết học, kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongnt.poli@tnue.vn
3	Ths Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
4	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được quy trình thiết kế kế hoạch bài học môn GDCT theo định hướng phát triển năng lực người học.

CO2: Thiết kế được quy trình tổ chức hoạt động giáo dục môn GDCT theo định hướng phát triển năng lực người học.

CO3: Mô tả được các tình huống sư phạm nảy sinh trong thực tiễn dạy học môn GDCT.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hành xây dựng được kế hoạch chuyên môn của năm học, kỳ học và kế hoạch lên lớp gắn với từng bài học.

CO5: Giải quyết được các tình huống sư phạm có thể nảy sinh trong thực tiễn dạy học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thể hiện ý thức trân trọng đạo đức nghề nghiệp, thường xuyên tự rèn luyện về chuyên môn nghiệp vụ, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống của người giáo viên

CO7: Thực hành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm gắn với nhiệm vụ thực tiễn của nghề nghiệp

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Nội dung cơ bản của học phần thực hành sư phạm GDCT là nhằm rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản, cần thiết để người học có khả năng thực hiện thành thạo các năng lực chuyên môn thuộc lĩnh vực được đào tạo như kỹ năng thiết kế kịch bản dạy học gắn với những nội dung kiến thức đặc thù, kỹ năng tổ chức dạy học các môn GDCT theo định hướng phát triển năng lực người học, kỹ năng nhân diện và xử lý tình huống sư phạm để có thể đáp ứng được chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành giáo dục chính trị.

Tiếng Anh

The basic content of the pedagogical practice module is to train learners with basic skills, necessary for learners to be able to successfully perform professional competencies in the field of training such as skills. Designing teaching scenarios associated with specific content of knowledge, organizational skills for the vocational education subject in junior high schools and the vocational education and training subject in high schools in the direction of developing learners' capacity, humanities skills and case handling pedagogy to be able to meet the output standards of students majoring in political education.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, thực hành, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học**

- Học theo lớp – bài

- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành cá nhân

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở tất cả các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 100%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 13
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1 – 13
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 1 – 13
4	A4. Chấm kế hoạch bài dạy	25	01	Đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1 – 13
5	A5. Chấm giảng	50	01	Đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1 – 13

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương, Đề cương bài giảng Thực hành sư phạm GDCT, 2022

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Giáo trình Triết học Mác – Lênin (2021), dành cho sinh viên bậc đại học hệ chuyên LLCT, Nhà xuất bản CTQG Sự thật, Hà Nội

[3]. Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2021), dành cho sinh viên bậc đại học hệ chuyên LLCT, Nhà xuất bản CTQG Sự thật, Hà Nội

[4]. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (2021), dành cho sinh viên bậc đại học hệ chuyên LLCT, Nhà xuất bản CTQG Sự thật, Hà Nội

[5]. Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (2021), dành cho sinh viên bậc đại học hệ chuyên LLCT, Nhà xuất bản CTQG Sự thật, Hà Nội

[6]. Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), dành cho sinh viên bậc đại học hệ chuyên LLCT, Nhà xuất bản CTQG Sự thật, Hà Nội

HỌC PHẦN 61: THỰC HÀNH SƯ PHẠM GDCT Ở TRƯỜNG THCS

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết		
2	Bài tập	15	
3	Thực hành	60	
4	Thảo luận	15	
5	Thực tế chuyên môn		
Tổng			

- Loại học phần: Bắt buộc/Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Phương pháp dạy học môn GDCT ở trường THCS - 55MCS441

- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt:
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa GD Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
3	Th.s. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các bước xây dựng các kế hoạch thực hiện dạy học môn GDCT ở trường THCS theo định hướng phát triển năng lực người học.

CO2: Hiểu được các bước tổ chức giờ dạy học môn GDCT ở trường THCS theo định hướng phát triển năng lực người học

* Về kỹ năng

CO3: Xây dựng được kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trong môn GDCT ở trường THCS

CO4: Thiết kế được kế hoạch bài dạy từng bài cụ thể trong chương trình môn GDCT ở trường THCS

CO5: Tổ chức và thực hiện thành công một giờ dạy môn GDCT ở trường THCS

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Hình thành tinh thần, thái độ, trách nhiệm đúng đắn trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có ý thức rèn luyện đạo đức nghề nghiệp

CO7: Hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm gắn với nhiệm vụ chuyên môn của bản thân

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Thực hành sư phạm môn GDCD ở trường THCS là học phần quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành năng lực dạy học môn GDCD ở trường THCS cho sinh viên. Học phần cung cấp cho sinh viên cách thiết kế các kế hoạch: kế hoạch dạy học môn GDCD ở trường THCS của tổ bộ môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy môn GDCD ở trường THCS. Học xong học phần sinh viên còn biết tổ chức và thực hiện thành công một giờ dạy học môn GDCD ở trường THCS.

Tiếng Anh

The pedagogic practice module of the secondary education subject is an important module with decisive significance in the formation of the capacity to teach the GD in secondary school for students. The module provides students with a way to design plans: a subject's secondary education teaching plan, a plan for organizing educational activities, and a plan for the GDO course plan in junior high schools. After completing the course, students also know how to organize and successfully implement an hour of teaching GD in secondary schools.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, thực hành, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành cá nhân
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở các chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: nộp kế hoạch bài dạy môn GDCD ở THCS theo yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1- 10
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 1- 10
4	A4. Chấm giáo án	25	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1- 10
5	A5. Chấm giảng	50	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO 1- 10

8. Học liệu**8.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Nguyễn Thị Khương (2021), Đề cương bài giảng *Thực hành sư phạm môn GD CD ở trường Trung học cơ sở*

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể Giáo dục phổ thông*

[3]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.*

[4]. *Sách giáo khoa GD CD 6; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo) của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021*

[5]. *Sách giáo khoa GD CD lớp 7; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo) của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021.*

HỌC PHẦN 62: THỰC HÀNH SƯ PHẠM GD KT&PL Ở TRƯỜNG THPT**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	5	10
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	60	30
4	Thảo luận	10	5
Tổng		85	50

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: 55MEH441- PPDH môn GDKT&PL ở trường THPT
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt:
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Hương	0988596121	Huongnt.poli@tnue.edu.vn
3	Ths Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
4	Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Nhận biết được định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông

CO2: Vận dụng được phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong chương trình môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông vào thực tiễn giảng dạy.

* Về kỹ năng

CO3: Phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

CO4: Thiết kế được kế hoạch dạy học môn học của tổ chuyên môn môn Giáo dục Kinh tế & pháp luật.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thể hiện được trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình dạy học.

CO6: Tổ chức học tập, rèn luyện, hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng sư phạm trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Thực hành sư phạm môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông; những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế giáo án và tổ chức thành công một giờ dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

Tiếng Anh

The Pedagogical Practice module of Economics and Law Education provides learners with basic knowledge of the direction to design innovation in teaching economics and law in high schools; basic knowledge and skills to design lesson plans and successfully organize an hour of teaching economics and law in high schools.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành 3 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 3 bài thực hành nhóm

- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở tất cả chương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 100%)					

1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	10	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2, 5, 7
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO3, 4, 9
4	A4. Chấm giáo án	25	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO3, 6, 9, 10
5	A5. Chấm giảng	50	01	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CLO1- 10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2022), Đề cương bài giảng THSP Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Sách giáo khoa Giáo dục Kinh tế và pháp luật 10; (Có thể lấy một trong các bộ sách Cánh diều, Kết nối tri thức, Chân trời sáng tạo) của Nxb Giáo dục và NXB Đại học Huế, năm 2021

[3]. Nguyễn Thị Hường (2016), *Giáo trình phương pháp dạy học GDCD ở THPT*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[4] Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân*.

HỌC PHẦN 63: THỰC TẬP SỬ PHẠM 1

1. Thông tin chung về học phần

Số tín chỉ: 2; Số tiết: 3 tuần thực tế ở trường phổ thông

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: không

Học phần trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách: Trường THPT

2. Thông tin về giáo viên hướng dẫn thực tập

Theo phân công của trường phổ thông

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Sinh viên có những hiểu biết về tổ chức và hoạt động của trường phổ thông

CO2. Hiểu được cách thức tổ chức giờ học, giờ chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông

* Về kỹ năng:

CO3. Thiết kế được giờ chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

CO4. Thiết kế được kế hoạch dạy học và chủ nhiệm trong một tuần, tháng, năm học.

CO5. Có kỹ năng nghiên cứu giáo án; thành thực các kỹ năng giao tiếp với học sinh và chủ nhiệm, các kỹ năng chủ nhiệm lớp...

* Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

CO6. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình dạy học và giáo dục.

CO7. Tích cực, chủ động, hợp tác trong rèn luyện, hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng chủ nhiệm lớp, các kỹ năng sư phạm khác.

CO8. Tin yêu, quý trọng và có thái độ đúng đắn đối với nghề dạy học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

4.1. Tiếng Việt

Thực tập sư phạm 1 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Học phần giúp sinh viên làm quen với môi trường sư phạm, trực tiếp vận dụng các kiến thức, kỹ năng sư phạm đã được học để trực tiếp thực hiện những công việc ở trường phổ thông như làm công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên môn... Qua công tác thực tập sư phạm 1, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

4.2. Tiếng Anh:

Pedagogical practice 1 is one of the important practical activities for the training of pedagogical students. The module helps students familiarize themselves with the pedagogical environment, directly apply the knowledge and pedagogical skills they have learned to directly perform jobs in high schools such as working as class leader, organization experience activities, professional hours ... Through pedagogical practice 1, students will have more practical knowledge to adjust and draw experience to enrich their own knowledge.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Theo quy chế thực tập chuyên môn

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Theo quy chế thực tập chuyên môn

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Theo quy chế thực tập chuyên môn

8. Học liệu

[1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

HỌC PHẦN 64: THỰC TẬP SƯ PHẠM 2

1. Thông tin chung về học phần

Số tín chỉ: 3; Số tiết: 7 tuần thực tế ở trường phổ thông

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: không

Học phần trước: Không

Học phần song hành: Không

Bộ môn phụ trách: Trường THPT

2. Thông tin về giáo viên hướng dẫn thực tập

Theo phân công của trường phổ thông

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO)

* Về kiến thức

CO 1. Hiểu và phân tích được kiến thức chuyên môn của môn học

CO 2. Hiểu và phân tích được cách thức tổ chức giờ học, giờ chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông

* Về kỹ năng:

CO 3. Thiết kế được giáo án bài dạy

CO 4. Thiết kế được kế hoạch dạy học và chủ nhiệm trong một tuần, tháng, năm học.

CO 5. Soạn giáo án một cách thuần thục; thành thục các kỹ năng lên lớp, kỹ năng chủ nhiệm; kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm...

* Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

CO 6. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình dạy học và giáo dục.

CO 7. Tích cực, chủ động, hợp tác trong rèn luyện, hoàn thiện kiến thức và các kỹ năng chủ nhiệm lớp, các kỹ năng sư phạm khác.

CO 8. Tin yêu, quý trọng và có thái độ đúng đắn đối với nghề dạy học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

4.1. Tiếng Việt

Thực tập sư phạm 2 là một trong những hoạt động thực tiễn quan trọng đối với công tác đào tạo sinh viên các ngành sư phạm. Bên cạnh việc thực hiện công tác chủ

nhệm lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dự giờ chuyên môn..., sinh viên thực hiện các hoạt động rất quan trọng là tiến hành soạn giáo án, giảng dạy trực tiếp trên lớp. Qua công tác thực tập sư phạm 2, sinh viên sẽ có thêm kiến thức thực tế để điều chỉnh và đúc rút kinh nghiệm làm giàu tri thức bản thân.

4.2. Tiếng Anh:

Pedagogical practice 2 is one of the important practical activities for the training of pedagogical students. In addition to implementing class assignments, organizing experience activities, attending professional hours ..., students perform very important activities to conduct lesson planning, direct classroom teaching. . Through the practice of pedagogy 2, students will have more practical knowledge to adjust and draw experience to enrich their own knowledge.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Theo quy chế thực tập chuyên môn

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Theo quy chế thực tập chuyên môn

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Theo quy chế thực tập chuyên môn

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10/10/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

[2] Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHSP ngày 09/01/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm.

HỌC PHẦN 65: PHƯƠNG PHÁP LUẬN NCKH NGÀNH GDCT

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	15	30
2	Bài tập	15	7,5
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	5	2,5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		45	45

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnguyen@dhsptn.edu.vn
2.	TS. Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.com
3.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973855866	anhnt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Luận giải được những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học đối với khoa học xã hội nói chung và đối với chuyên ngành giáo dục chính trị nói riêng.

CO2: Phân tích được những lĩnh vực, cũng như đặc thù nghiên cứu khoa học của ngành giáo dục chính trị.

CO3: Chứng minh được cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành giáo dục chính trị.

* Về kỹ năng:

CO4. Vận dụng được các kỹ năng thuyết trình, hợp tác, tư duy sáng tạo trong trình bày bản báo cáo kết quả nghiên cứu.

CO5: Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thực hiện đúng quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ.

CO7: Làm việc độc lập và làm việc nhóm theo nhiệm vụ của môn học, chịu trách nhiệm trước những vấn đề đã giải quyết.

CO8: Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị nói riêng, bao gồm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn và luận án khoa học ngành Giáo dục chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo

dục chính trị và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Trên cơ sở nền tảng đó, sinh viên được thực hành viết cấu trúc một đề tài nghiên cứu khoa học để tập dượt và trau dồi khả năng và niềm say mê nghiên cứu khoa học của mình.

Tiếng Anh

The subject provides students with the most basic knowledge of scientific research in general and scientific research in Political Education in particular, including issues related to scientific research topics, thesis, dissertation and scientific dissertation of Political Education; scientific research methods of Political Education; the scientific research fields of Political Education and the specificity of the scientific research method of Political Education; structure of a scientific research work in the major of Political Education. On that foundation, students are allowed to practice writing structure of a scientific research topic to practice and refine their ability and passion for scientific research.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài thực hành theo nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, có thuyết trình trên lớp.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4, CLO7, CLO8
3	A3. Bài thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1-8
4	A4. Bài thực hành (theo nhóm)	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành nhóm	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4
Thi kết thúc học phần					
5	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-4

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Cao Đàm (2018), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSPTN.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Viết Vượng (1997), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSPTN.

[3] Nguyễn Văn Lê (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Trẻ, Hà Nội, , Thư viện Trường ĐHSPTN.

[4]. Nguyễn Tuấn Anh (2020), *Đề cương môn học Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị, Thái Nguyên*, Phòng Tư liệu Khoa Giáo dục Chính trị.

HỌC PHẦN 66: XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM GDGD

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2 ; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	7	3.5
3	Thực hành	10	5
4	Thảo luận	7	3.5
Tổng		42	48

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Triết học, kinh tế và phương pháp dạy học; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnguyen@dhsptn.edu.vn
2	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	vuthuy.dhsptn@dhsptn.edu.vn
3	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	phamthihuyen@dhsptn.edu.vn
4	ThS. Thái Hữu Linh	0388 644 227	thailinhchinhtri@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được những vấn đề chung về xử lý tình huống sư phạm môn GD CD.

CO2: Áp dụng được các quy trình xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD.

* Về kỹ năng

CO4: Hình thành những kỹ năng cơ bản để xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD

CO5: Vận dụng những kỹ năng đã học để xử lý những tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Thể hiện được trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các tình huống sư phạm;

CO7: Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng để xử lý tốt những tình huống sư phạm nảy sinh trong dạy học môn GD CD.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD như lý luận chung về tình

huống sư phạm; các thành phần cơ bản của tình huống sư phạm môn GDCD; các kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống sư phạm môn GDCD; một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học môn GDCD. Học phần này có quan hệ với học phần phát triển kỹ năng con người và các học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

Tiếng Anh

The module Handling pedagogical situations in GDCD provides basic knowledge of handling pedagogical situations in teaching GDCD such as general theory of pedagogical situations; the basic components of the GDCD pedagogic situation; basic skills in handling pedagogical situations in GDCD; some common pedagogical situations in GDCD teaching. This module is related to the human skill development module and the modules in the pedagogical knowledge block.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.
- Bài tập: Hoàn thành 2 bài tập cá nhân, 2 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm, 1 bài thực hành cá nhân và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 10
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 7, 9
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO2, 4, 7, 10
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO3, 5, 6
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3, 4, 8, 10
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-10

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương, *Đề cương bài giảng môn Xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD*

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Đình Chính (1995), *Bài tập tình huống quản lý giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Bùi Thị Mùi (2004), *Tình huống sư phạm trong công tác GDHS THPT*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

[4]. Tình huống sư phạm thường gặp và cách xử lý trong nhà trường, website docvn.vn

HỌC PHẦN 67: THIẾT KẾ CÁC CHỦ ĐỀ DẠY HỌC TÍCH HỢP GD CD

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0

Tổng	39	51
------	----	----

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: Không.
- Học phần học trước: Không
- Học phần học song hành: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☐ (☒)
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa GD Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2.	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
3.	Nguyễn Thị Hương	0988596121	huongntpoli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được khái niệm, đặc trưng, vai trò của dạy học tích hợp và dạy học tích hợp theo chủ đề môn GD CD ở phổ thông.

CO2: Phân tích được quy trình xây dựng các chủ đề tích hợp trong môn GD CD ở phổ thông

* Về kỹ năng:

CO3: Thiết kế được một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn GD CD ở phổ thông.

CO4: Hình thành năng lực nghiệp vụ sư phạm cần thiết trong tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn GD CD ở phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp môn GD CD gắn với chương trình giáo dục phổ thông mới.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần “Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn giáo dục công dân” là một trong những môn học góp phần bồi dưỡng và hình thành ở sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn giáo dục công dân một cách hiệu quả theo tinh thần đổi mới giáo dục phổ thông 2018. Nội dung học phần tập trung làm rõ vai trò của tổ chức dạy học tích hợp nói chung và tổ chức dạy học tích hợp môn giáo dục công dân ở phổ thông hiện nay. Đồng thời, giới thiệu quy trình xây dựng và tổ chức thực hành thiết kế một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông gắn với chương trình phổ thông tổng thể vừa được ban hành.

Tiếng Anh

The module "Designing integrated teaching subjects of civic education" is one of the subjects that contributes to fostering and forming in students basic knowledge and skills in design and teaching organization. topics to effectively integrate civic education in the spirit of innovation in general education 2018. The content of the module focuses on clarifying the role of integrated teaching organizations in general and integrative teaching organization. civic education subject in high school today. At the same time, introducing the process of building and organizing the practice of designing a number of integrated topics in teaching civic education in high school associated with the general school program has just been issued.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Thông qua làm việc nhóm để giải quyết các nội dung học tập cần sự đóng góp ý kiến của các thành viên khác; sử dụng đóng vai, dạy học dự án ở nội dung thực hành; tự học đối với các nội dung tự học, tự nghiên cứu.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học theo yêu cầu của giảng viên

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành cá nhân và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: nộp 01 chủ đề tích hợp, nộp 1 kế hoạch bài dạy tích hợp môn GDCD theo yêu cầu của giảng viên.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	-------------------	--------------	-------------------	------------

			giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-7
2	A2. Bài tập cá nhân	5	02	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO10-7
4	A4. Thảo luận nhóm	10	02	Rubric đánh giá thảo luận	CLO10-7
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-7
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2020); *Đề cương môn học: Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn giáo dục công dân.*

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể Giáo dục phổ thông*

[3]. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân.*

HỌC PHẦN 68: GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Không*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng CSVN; Khoa

Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lannt@tnue.edu.vn
2	Th.S Nguyễn Thị Mão	0912336197	maont@tnue.edu.vn
3	Th.S Nguyễn Thị Hạnh	0986351114	hanhnt@tnue.edu.vn
4	TS Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Chứng minh được vai trò của giáo dục gia đình.

CO2: Phân tích và đánh giá được nội dung, nguyên tắc và phương pháp giáo dục của gia đình.

CO3: Luận chứng được những vấn đề thực tiễn nảy sinh và sự cần thiết kết hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

* Về kỹ năng

CO4: Thực hiện có hiệu quả kỹ năng giao tiếp để thuyết trình và tham gia phản biện xã hội đối với những quan điểm, hành vi lệch chuẩn về giáo dục gia đình

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Giáo dục gia đình tiếp cận vấn đề gia đình ở bình diện lý luận về giáo dục nhân cách của trẻ. Trên cơ sở khái quát vai trò và chức năng cơ bản của gia đình qua các giai đoạn phát triển của đất nước, học phần khẳng định tính tất yếu của giáo dục gia đình và làm rõ những nguyên tắc, nội dung cơ bản và các phương pháp chủ yếu trong giáo dục gia đình. Dưới góc độ chính trị - xã hội, học phần Giáo dục gia đình còn tập trung nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn giáo dục gia đình làm rõ yêu cầu của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

Tiếng Anh

The Family Education module approaches the family problem in the theoretical aspect of educating the child's personality. On the basis of the basic role and functions of the family through the development stages of the country, the module affirms the inevitability of family education and clarifies the basic principles, content and principles. The main method in family education. From a socio-political perspective, the Family Education module also focuses on researching new problems that arise in family education practice, clarifying the requirements of the coordination between the family, school and institutions. Other social institutions in children's education.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - + Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận;
 - + Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.
- Bài tập: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).
- Thực hành nhóm: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số	Số lượt	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	----------	---------	-------------------	------------

		điểm (%)	đánh giá		
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 2, CLO3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO2,3,4 CLO5,6,7,8
4	A4. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4, CLO5,6,7
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1,2,3,4, CLO5,7
Thi kết thúc học phần (Trọng số 50%)					
6	A6. Viết (Tự luận)	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, CLO4, 5

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. TS Trần Thị Lan (2020), *Đề cương bài giảng Giáo dục gia đình*, Thái nguyên, Thư viện trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Phương Thủy, Nguyễn Thị Thọ, *Gia đình và giáo dục gia đình*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dùng cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Mác - Ăngghen, *Toàn tập, tập 3, Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[5]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[6]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

[7]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, Thư viện trường ĐHSP – ĐHTN.

8.3. Website

[8]. WWW.songtinmungtinhyeu - Nguyên tắc giáo dục con cái trong gia đình, Internet.

[9]. <http://www.baomoi.com/10-loi-khuyen-trong-giao-duc-con-cai>, Internet.

[10]. <http://www.ubmvgiadinhh.org/giao-duc-con-cai-trong-gia-dinh>, Internet.

[11]. <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/doi-song-xa-hoi/item/23618302-giao-duc-dao-duc-tu-trong-gia-dinh.html>, Internet.

[12]. http://edu.hochiminhcity.gov.vn/tintuc/2007/12/THAMLUAN_IN/PhongGD_QuanTanPhu.htm/ Kết hợp 3 môi trường giáo dục trong công tác giáo dục đạo đức học sinh, Internet.

[13]. http://edu.hochiminhcity.gov.vn/tintuc/2007/12/THAMLUAN_IN/LeHongPhong.htm/ Sự cần thiết của việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh, Internet.

[14]. <http://vbqppl.moj.gov.vn/vbqpq/chỉ thị tăng cường phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên>, Internet.

HỌC PHẦN 69: GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	10	5
Tổng		42	48

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn

3	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn
---	--------------------	------------	------------------

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Phân tích được các khái niệm, vai trò, nội dung về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng

CO2: Đánh giá được Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam giai đoạn 2001 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030

*** Về kỹ năng**

CO3: Thực hiện được hoạt động giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho học sinh THCS, THPT.

CO4: Phát triển kỹ năng hợp tác, thuyết trình, tư duy nhận diện và phản biện những vấn đề thuộc giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO5: Xây dựng lối sống lành mạnh cả về thể chất và tinh thần cho sinh viên.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng cũng như Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sinh viên có cơ hội để tiếp cận kiến thức về giới tính và rèn luyện kỹ năng về giáo dục sức khỏe sinh sản. Từ đó, giúp cho người học hình thành những hành vi chuẩn mực về giới nhằm xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, an toàn, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần.

Tiếng Anh

The module equips students with a basic system of knowledge about gender, reproductive health in general and adolescent reproductive health in particular, as well as the National Strategy on Reproductive Health Care in Vietnam. Through the study of the Sex Education and Reproductive Health module, students have the opportunity to gain access to knowledge about gender and to practice skills in reproductive health education. From there, it helps learners form standard gender behaviors in order to build a good, healthy, safe, healthy life both physically and mentally.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, 3, 4
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, 5, 6
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO3, 7, 8
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO3, 4, 7, 8
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 8

--	--	--	--	--	--

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Văn Cư (2009), *Giáo trình giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] TS Phạm Thị Huyền, *Đề cương bài giảng môn Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản*

[3] *Chuyên đề bồi dưỡng giáo viên THPT môn Giáo dục công dân* (2013), NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.

[4] Vũ Thị Tùng Hoa – Nguyễn Thị Hoàng Lan (2013), *Tài liệu hỗ trợ giáo viên tập sự môn Giáo dục công dân*, Hà Nội.

[5] *Quyết định số 122/QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*

[6] Tổ chức Giáo dục, Khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (2003), *Tài liệu tập huấn giáo sinh về nội dung Giáo dục phòng chống HIV/AIDS.*

[7]. Trang web: vietnamnet; dantri, dhsptn.edu.vn...

HỌC PHẦN 70: GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: **30**

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	4	2
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		38	48

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, Kinh tế và PPDH; Khoa: GDCT

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	TS. Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
3	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn
4	Th.s. Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1. Hiểu và phân tích được những kiến thức về môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trên khía cạnh môi trường

CO 2. Phân tích được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường trên thế giới và ở VN; đề xuất được các giải pháp cơ bản để bảo vệ môi trường

CO 3. Phân tích được nội dung và phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh ở trường phổ thông

* Về kỹ năng

CO4. Rèn luyện kỹ năng phản biện, đánh giá thực trạng môi trường và công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam

CO5. Rèn luyện kỹ năng thiết kế, tổ chức một giờ trải nghiệm thực tế cho học sinh với chủ đề môi trường và bảo vệ môi trường

CO6. Biết soạn giáo án tích hợp chủ đề bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO7. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò của công dân trong việc bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

CO8. Có tinh thần chủ động, tích cực trong bảo vệ môi trường và biết tuyên truyền tình yêu thiên nhiên, môi trường cho người học.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về môi trường gồm các khái niệm; các nội dung cơ bản về phát triển bền vững, về vai trò của việc bảo vệ môi trường trong để đảm bảo phát triển bền vững, về ô nhiễm môi trường sinh thái và các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường như việc cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, các nguyên tắc, các phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh...

Tiếng Anh

The module provides learners with general environmental theoretical problems including concepts; basic contents on sustainable development, on the role of

environmental protection in ensuring sustainable development, on ecological environment pollution and environmental pollution causes. In addition, the module also provides basic knowledge about environmental education such as the need to educate the awareness of environmental protection, principles and methods of educating the awareness of environmental protection for students...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; làm bài tập đầy đủ...

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên)

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: 01 bài tự học cá nhân và 01 bài tự học nhóm.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-13
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-3

3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-13
4	A4. Thảo luận nhóm	10	02	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-13
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1-13
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-13

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2022), Giáo trình Giáo dục môi trường qua môn Giáo dục công dân

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Trọng Dung, Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái (sách chuyên khảo), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2009. Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

[3]. Các Mác và Ph. Ăng ghen, Toàn tập, Tập 20, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

[4]. Nguyễn Thị Khương, Vai trò của Nhà nước trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái ở nước ta hiện nay, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện CTQG HCM, 2014, Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

[5]. Nguyễn Thị Khương, Quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên ở các tỉnh miền núi Đông Bắc Việt Nam, NXB Đại học Thái Nguyên, 2015, Nơi có tài liệu: Thư viện trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

[6]. Nguyễn Thị Khương, *Đạo đức học môi trường và vai trò của nhà trường sư phạm trong việc giáo dục đạo đức học môi trường cho thế hệ trẻ*, Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Đại học Sư phạm toàn quốc, Lần thứ nhất, năm 2011.

[7]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Nơi có tài liệu: Phòng Tư liệu khoa Giáo dục Chính trị, trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

8.3. Website

[8]. Tham khảo các website: monge.gov.vn; vietnamnet.vn; dantri.com.vn; ciren.gov.vn; gdla.gov.vn; va.gov.vn; baotainguyenmoitruong.vn...

HỌC PHẦN 71: GIAO TIẾP SƯ PHẠM

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	18	36
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	14	7
4	Thảo luận	4	2
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		42	48

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: 55EPS431, Tâm lý học giáo dục

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tâm lý học; Khoa: Tâm lý - Giáo dục

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lê Thị Phương Hoa	0986167716	hoaltp@tnue.edu.vn
2	TS. Phạm Văn Cường	0982030680	cuongpv@tnue.edu.vn
3	PGS. TS. Phí Thị Hiếu	0356634388	hieupt@tnue.edu.vn
4	ThS. Lê Như Hoa	0976759693	hoaln@tnue.edu.vn
5	TS. Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	0974262648	nhungndh@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)*** Kiến thức:**

CO1. Phân tích được những vấn đề cơ bản của giao tiếp sư phạm.

*** Kỹ năng**

CO2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm vào việc nhận diện các tình huống giao tiếp.

CO3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm trong việc xử lý có hiệu quả các tình huống cụ thể.

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4. Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong việc tổ chức và điều khiển các quá trình giao tiếp.

CO5. Tích cực, chủ động trong rèn luyện, hoàn thiện năng lực giao tiếp sư phạm cho bản thân.

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học. Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp.

The Modul equips students with basic knowledge of communication, pedagogical communication such as stages of communication process; principles, styles, pedagogical communication skills, codes of conduct in schools. From there, forming in learners the respective skills and attitudes to effectively handle communication situations in practice and professional activities.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* **Phương pháp:** Thuyết trình, dạy học nêu vấn đề, vấn đáp, sử dụng phim tư liệu, thảo luận nhóm, tự học.

* **Hình thức tổ chức:** Học theo lớp bài, học theo nhóm nhỏ.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành: 5 điểm. Trong đó:

+ 03 buổi đi học muộn: trừ 1 điểm

+ Nghỉ 01 tiết lý thuyết: trừ 1 điểm (Trường hợp sinh viên nghỉ học có giấy xin phép được xác nhận bởi Khoa chuyên môn – có chữ ký của CVHT hoặc BCN thì không bị trừ điểm nghỉ học buổi đó).

- Thảo luận: Hoàn thành 01 bài thảo luận chương 1 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành chương 3 và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc chương 2 theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch thi của Trường

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
----	-----------	-------------------	------------------	-------------------	------------

Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5%	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Thảo luận	10%	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4
3	A3. Thực hành	10%	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO6,7
4	A4. Bài kiểm tra định kì	25%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-7
Thi kết thúc học phần					
5	A5. Vấn đáp	50%	01	- Đáp án, thang điểm - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp	CLO1-9

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Tâm lý học, 2019, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, 2008, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn, 2017, *Giáo trình Giao tiếp sư phạm*, NXB ĐH Sư phạm.

HỌC PHẦN 72: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	27	54
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	16	8
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế chuyên môn	0	0

Tổng	63	72
-------------	-----------	-----------

- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết: *Không*
- Học phần học trước: *Triết học Mác – Lênin(55SPH141); Kinh tế chính trị Mác – Lênin (55SPE131)*
- Học phần học song hành: *Không*
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐
- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử Đảng; Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	T.S Nguyễn Thị Hường	0988596121	huong.poli@tnue.edu.vn
2.	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu và khái quát được nội dung, các hình thức trải nghiệm ở trường phổ thông. Biết được vai trò, vị trí của tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

CO2: Mô tả và phân tích được khái niệm, đặc trưng, phương pháp và quy trình thiết kế một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn GD&CD ở phổ thông hiện nay.

* Về kỹ năng

CO3: Có khả năng lập kế hoạch và thiết kế được các chủ đề trải nghiệm sáng tạo gắn với đặc thù môn GD&CD ở phổ thông. Biết tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm gắn với đặc thù môn GD&CD như: Câu lạc bộ; tổ chức sự kiện; hoạt động tình nguyện, nhân đạo; tổ chức chiến dịch....

CO4: Người học rèn luyện được kỹ năng như: Thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch... trong xây dựng và triển khai các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD. Có khả năng hợp tác, phản biện, phân tích, đánh giá tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm môn GD&CD ở trường phổ thông.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO5: Thực hiện làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

CO6: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào phát triển nghề nghiệp.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển những năng lực cần thiết gắn với đặc thù bộ môn GD&CD cho người học. Thông qua lý thuyết học trải nghiệm, người học được tham gia trải nghiệm sáng

tạo với bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động tự chủ (thích ứng, tự chủ, tổ chức sự kiện, sáng tạo độc lập...); Hoạt động câu lạc bộ (hội thanh niên, văn hóa nghệ thuật, thể thao, thực tập siêng năng...); Hoạt động tình nguyện (chia sẻ quan tâm tới hàng xóm láng giềng và những người xung quanh, bảo vệ môi trường); Hoạt động định hướng (tìm hiểu thông tin về hướng phát triển tương lai, tìm hiểu bản thân... Từ đó, giúp sinh viên định chuẩn được hành vi, bồi đắp lý tưởng và giáo dục tình cảm, niềm tin cho học sinh phổ thông qua các hình thức hoạt động trải nghiệm môn học. Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn GDCC có quan hệ mật thiết với các môn học như: triết học, tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân.....

Tiếng Anh

The module on Organization of civic education experiences contributes to the formation and development of necessary competencies associated with the specifics of the subject of education education for learners. Through experiential learning theory, learners can participate in creative experiences with four main groups of activities: autonomous activities (adaptation, autonomy, event organization, independent creation...); Club activities (youth association, art culture, sports, diligent practice ...); Volunteering (caring about neighbors and neighbors, protecting the environment); Orientation activities (find out information about future development directions, learn about themselves ... From there, help students determine behavior, foster ideals and educate students on feelings and beliefs. popularize through the various forms of subject experience activities Organizing the experience activities of GDCC closely related to subjects such as philosophy, psychology, education, ethics, theory and civic education teaching methods ...

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dự án, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo*

hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân đúng hạn cho giảng viên.
- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm
- Thảo luận: Hoàn thành 1 bài thảo luận nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, 3, 4, 5; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước lớp.
- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-9
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-7
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO5-9
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-9
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Thị Hương (2021); *Đề cương bài giảng môn Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn GD&ĐT*.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Chiến lược Phát triển Giáo dục 2011 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ*, phê duyệt ngày 13 tháng 6 năm 2012 (Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

[3]. Bộ GD&ĐT (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông - HĐGD ngoài giờ lên lớp*.

[4]. Bộ GD&ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.

[5]. Nguyễn Thị Liên – chủ biên (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

HỌC PHẦN 73: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC MÁC – LÊNIN

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	27	54
2	Bài tập	10	5
3	Thực hành	16	8
4	Thảo luận	10	5
5	Thực tế	0	0
Tổng		63	72

- Loại học phần: Tự chọn (Thay thế khóa luận tốt nghiệp)

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Triết học, Kinh tế và PPDH, Khoa Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Thị Khương	0349 366 616	khuongnt@tnue.edu.vn
2	Th.S Thái Hữu Linh	0388644227	linhth@tnue.edu.vn
3	TS Trần Thị Lan	0983896296	lantt@tnue.edu.vn
4	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
5	Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@ntue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

*** Về kiến thức**

CO1: Phân tích được lý luận chung về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác - Lênin

CO2: Khái quát được lý luận chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn khoa học Mác – Lênin

CO3: Vận dụng được kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lý luận chính trị vào dạy học các môn khoa học Mác – Lênin

*** Về kĩ năng**

CO4: Giao tiếp hiệu quả và thuyết trình được các vấn đề thuộc tri thức khoa học Mác – Lênin.

CO5: Thiết kế được kế hoạch dạy học có sử dụng các phương pháp giảng dạy phát triển phẩm chất, năng lực người học

CO6: Sử dụng được các phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực vào giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO7: Làm việc độc lập và hợp tác có hiệu quả trong các hoạt động nhóm để giải quyết nhiệm vụ của môn học

CO8: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực giảng dạy và tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp ở các vị trí việc làm khác nhau.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Học phần Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin. Sau khi học xong học phần này, người học có được những kỹ năng cơ bản để thiết kế và tổ chức dạy học các môn khoa học Mác – Lênin đạt hiệu quả cao; hình thành ở người học khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển kỹ năng dạy học các môn khoa học Mác – Lênin theo hướng tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục hiện nay.

Tiếng Anh

Module of Teaching Methodology for Marxist-Leninist Science subjects in the knowledge block replacing graduate thesis. The course equips students with basic knowledge of Marxist-Leninist teaching methods. After completing this module, learners have basic skills to design and organize the teaching of Marxist-Leninist sciences with high efficiency; form in learners the ability to work independently and in groups; the ability to apply professional knowledge and skills to develop teaching skills in Marxist-Leninist sciences in the direction of approaching competencies and meeting the requirements of fundamental innovation in education today.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình kết hợp với các phương pháp đàm thoại, vấn đáp, sử dụng tình huống trong dạy học, thảo luận, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học hợp tác, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 02 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 02 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1- 12
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1- 10
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO13 CLO14
4	A4. Thực hành	10	02	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO13 CLO14
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	02	Đáp án, thang điểm	CLO1 – 12
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO1 – 11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Thị Khương (2020), *Đề cương bài giảng Phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin*.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Lăng Bình (chủ biên) (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, (Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt – Bỉ), Nxb Đại học Sư Phạm.

[3] Nguyễn Văn Cư (2007), *Giáo trình phương pháp dạy học Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4] Nguyễn Văn Cư – Trần Đăng Sinh (đồng chủ biên, 2012), *Nghiên cứu và giảng dạy triết học trong thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[5]. Phạm Văn Đức (chủ biên) (2019), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Trình độ: Đại học; Đối tượng: Các ngành ngoài lí luận chính trị), Hà Nội.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dùng cho các khối không chuyên kinh tế và quản trị doanh nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.

[7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học), Hà Nội.

HỌC PHẦN 75: VĂN KIẾN ĐẢNG

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng CSVN;
Khoa Giáo dục chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Hoàng Thu Thủy	0977559266	thuyht@tnue.edu.vn
2	ThS. Lý Trung Thành	0974 146 989	thanhl@tnue.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	0973 855 866	anhnt@tnue.edu.vn
4	ThS. Trần Thanh An	0973 474 393	antt@tnue.edu.vn
5	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	0979 858 677	hienntm.poli@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Hiểu được các kiến thức nền tảng về nội dung văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam

CO2: Hiểu được quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng của Đảng thông qua các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

* Về kỹ năng

CO3: Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, hợp tác, tư duy phản biện đối với các tình huống nảy sinh có liên quan đến các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)

Văn kiện Đảng là môn học nghiên cứu trực tiếp một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

Môn học gồm 4 chương, các chương 1,2,3 nghiên cứu văn kiện Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975), chương 4 nghiên cứu văn kiện Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay).

Tiếng Anh

Party Documents is the subject of direct study of a number of documents of the Communist Party of Vietnam in the process of leading the Vietnamese revolution from 1930 to present.

The subject consists of 4 chapters, chapters 1,2,3 researching Party documents in the people's democratic revolution (1930-1975), and chapter 4 studying Party documents in the transition to communism. Association and national defense (1975 to present).

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, vấn đáp: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, tự học, đóng vai, dạy học dự án: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

- Phương pháp sử dụng tình huống trong dạy học: Sử dụng ở các nội dung học tập với mục đích giúp SV biết vận dụng những kiến thức thực tiễn vào phân tích nội dung bài học.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:

+ Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

+ Chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm theo định hướng của giảng viên.

- Bài tập cá nhân: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành 01 bài thảo luận nhóm, đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp, nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 01 bài thực hành nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Hoàn thành 01 bài thi kết thúc học phần.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-6

2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3,4,5
3	A3. Thảo luận nhóm	5	01	Rubric đánh giá ...	CLO 1,2,3, 4, 5
4	A4. Thực hành	10	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2, 3, 4, 5
5	A5. Bài kiểm tra định kì	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1, 2,3
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Vấn đáp	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1,2, 3

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. TS. Hoàng Thu Thủy (2016), *Đề cương bài giảng Văn kiện Đảng*, Lưu tại Thư viện trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2 (2002)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2 (2000)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng trong các trường Đại học và Cao đẳng)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[7]. Nguyễn Trọng Phúc (Chủ biên)(2003), *Tìm hiểu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ Đại hội và Hội nghị Trung ương (1930-2002)*, Nxb Lao động, Hà Nội.

[8]. Lê Mậu Hãn (2001), *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website

[9]. www.cpv.org.vn, www.lyluanchinhtri.vn

HỌC PHẦN 76: PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
----	------------------	---------------------------	---------------

1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	6	3
3	Thực hành	6	3
4	Thảo luận	6	3
Tổng		39	51

- Loại học phần: Tự chọn (Thay thế khóa luận tốt nghiệp)

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒ Tiếng Anh: ☐

- Đơn vị phụ trách: Chính trị, Pháp luật và Lịch sử ĐCSVN; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Vũ Thị Thủy	0982633373	thuyvt.poli@tnue.edu.vn
2	TS Phạm Thị Huyền	0982033005	huyenpt@tnue.edu.vn
3	Th.s Trần Thanh An	0973474393	antt@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Phân tích được những vấn đề lý luận và thực tiễn về cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân từ khởi đầu đến năm 1917.

CO3: Luận giải được sự ra đời của các Quốc tế: I, II, III và quá trình phát triển của phong trào cộng sản từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay.

CO2: Đánh giá được những vấn đề lý luận và thực tiễn về Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản.

* Về kỹ năng

CO4: Phát triển được kỹ năng phản biện xã hội đối với những quan điểm sai trái, thù địch chống lại học thuyết Mác – Lênin.

CO5: Hình thành được kỹ năng nghiên cứu bài học để rút ra những kết luận mang tính khoa học chỉ đạo hoạt động thực tiễn của bản thân.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO6: Chịu trách nhiệm cá nhân trong giáo dục lập trường, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh.

CO7: Thực hành khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trước những vấn đề đã giải quyết.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho người học thế giới quan khoa học về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: Từ phong trào công nhân trước độc quyền đến công xã Pa-ri; Phong trào công nhân quốc tế từ sau công xã Pa-ri đến năm 1917; Quá trình hoạt động của Quốc tế I; Quốc tế II; Quốc tế III; Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản; Quá trình phục hồi và phát triển của phong trào công nhân quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay. Với hệ thống kiến thức trên sẽ giúp người học nhận thức sâu sắc, chính xác về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế qua các giai đoạn. Nắm rõ tính tất yếu và xu thế vận động trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

Tiếng Anh

The course provides basic knowledge, contributing to equipping learners with a scientific worldview on the history of communist movements and international workers: From the pre-monopoly worker movement to the Pa-ri; International worker movement from after Paris commune until 1917; International operation process I; International II; International III; The common platform of the communist movement; The process of recovery and development of the international worker movement from World War II up to now.

With the above knowledge system, learners will have a deep and accurate understanding of the communist movement and the international workers through the stages, understand the inevitability and movement trend in the struggle to fulfill the mission. world-wide history of working class.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

* Phương pháp:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.

- Phương pháp thảo luận nhóm, hợp tác, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

* Hình thức tổ chức dạy học:

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Chuẩn bị nội dung tự học, đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học.

- Bài tập: Hoàn thành 1 bài tập cá nhân, 1 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Thực hành: Hoàn thành 1 bài thực hành nhóm theo nội dung yêu cầu ở chương 2, chương 3 và nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên và trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành 1 bài kiểm tra định kỳ

- Thi kết thúc học phần

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1- 11
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 2, 4, 5
3	A3. Bài tập nhóm	5	01	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO 3, 6, 8
4	A4. Thực hành nhóm	10	01	Rubric đánh giá bài thực hành	CLO 2, 7, 10
5	A5. Bài kiểm tra định kỳ	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO 2, 3, 9, 11
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50%	01	Đáp án, thang điểm	CLO 1 - 11

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập:

[1]. *Một số vấn đề cơ bản về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế* (1999), Lưu hành nội bộ, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Thị Thủy (2020), *Đề cương môn học Lịch sử Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Thái Nguyên, Phòng tư liệu của Khoa Giáo dục chính trị.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Thư viện Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.

8.3. Website:

[4]. Đặng Ngọc Tùng: *Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam vững mạnh* (<http://laodong.com.vn>, ngày 15.1.2011).

[5]. <http://www.sggp.org.vn/chinhtri/2009/10/204711/chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu- vì sao sụp đổ>, Internet.

HỌC PHẦN 76: TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

1. Thông tin về học phần

- Số tín chỉ: 2; Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

TT	Loại giờ tín chỉ	Số giờ thực hiện trên lớp	Số giờ tự học
1	Lý thuyết	21	42
2	Bài tập	5	3
3	Thực hành	5	2
4	Thảo luận	8	4
5	Thực tế chuyên môn	0	0
Tổng		39	51

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: ☒

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Triết học, KT & PPDH; Khoa: Giáo dục Chính trị

2. Thông tin về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS Nguyễn Thị Thanh Hà	0975548585	hanttpoli@tnue.edu.vn
2.	TS Nguyễn Thị Khương	0349366616	khuongnt@tnue.edu.vn
3.	ThS Nguyễn Thị Thu Hiền	0982983877	hiennt.poli@tnue.edu.vn
4	TS Ngô Thị Lan Anh	0913349907	anhntl@tnue.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (CO)

* Về kiến thức

CO1: Diễn giải được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của triết học phi mác - xít hiện đại với các nhà triết học thuộc Chủ nghĩa Thực chứng, Chủ nghĩa Hiện sinh, Chủ nghĩa Freud, Chủ nghĩa Thực dụng.

CO2: Hiểu được quan điểm triết học của các trào lưu triết học phi mác - xít hiện đại để chỉ ra những ưu điểm - hạn chế và rút ra những kết luận mang tính triết học trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

*** Về kĩ năng**

CO3: Thực hiện được các kỹ năng phân tích, so sánh, phản biện, đánh giá, lý giải... để giải quyết các tình huống chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

CO4: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm và tự học suốt đời.

4. Nội dung tóm tắt của học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)

Môn học Triết học phương Tây hiện đại cung cấp các nội dung cơ bản về điều kiện ra đời và đặc điểm triết học của trường phái triết học phương Tây hiện đại với tư cách là một nền triết học mới trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại. Giới thiệu với người học các trào lưu triết học phi mác - xít xuất hiện cùng thời với triết học Má, nhưng khác về bản chất so với chủ nghĩa Má; đó là các trường phái: Chủ nghĩa Thực chứng, Chủ nghĩa Hiện sinh, Chủ nghĩa Freud, Chủ nghĩa thực dụng... Làm rõ mối liên hệ giữa lịch sử triết học phương Tây cổ đại, trung đại, cận đại và triết học Má - Lênin với các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

Tiếng Anh

Modern Non-Marxist Philosophy provides the basic contents of the birth conditions and philosophical characteristics of the modern Western philosophy school as a new philosophy in the history of thought. human philosophy. Introduce to the students the non-Marxist philosophical currents that appeared at the same time as Marxist philosophy, but differ substantially from Marxism; These are the schools: Prospectism, Existentialism, Freudism, Pragmatism ... Clarifying the relationship between the history of ancient, medieval, modern Western philosophy and Marxist philosophy - Leninized with the modern Western philosophical trends.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

*** Phương pháp:**

- Phương pháp thuyết trình tích cực, dạy học nêu vấn đề, đàm thoại, sử dụng tình huống trong dạy học... để giải quyết các nội dung kiến thức của môn học.
- Phương pháp thảo luận nhóm, hợp tác, tự học: Sử dụng ở các nội dung thảo luận, thực hành tại lớp, tự học tại nhà của sinh viên.

*** Hình thức tổ chức dạy học:**

- Học theo lớp – bài
- Học theo nhóm nhỏ

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành, thảo luận; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; tìm hiểu tài liệu, thông tin, trao đổi thảo luận nhóm để chuẩn bị nội dung cho bài thảo luận nhóm, thực hành nhóm.*

- Bài tập: Hoàn thành bài tập cá nhân của các chương (nộp sản phẩm theo yêu cầu giảng viên).

- Thực hành nhóm: Hoàn thành 02 bài thực hành nhóm (nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp).

- Thảo luận nhóm: Hoàn thành nội dung theo các chương trong đề cương; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; đại diện nhóm trình bày báo cáo trước lớp.

- Hoàn thành: 01 bài kiểm tra định kỳ.

7. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm (%)	Số lượt đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	A1. Chuyên cần	5	01	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-8
2	A2. Bài tập cá nhân	5	01	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-6
3	A3. Thực hành nhóm	5	01	Rubric đánh giá thực hành	CLO1-8
4	A4. Thảo luận nhóm	10	01	Rubric đánh giá thảo luận	CLO1-8
5	A5. Bài kiểm tra định kì 1	25	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6
Thi kết thúc học phần					
6	A6. Tự luận	50	01	Đáp án, thang điểm	CLO1-6

8. Học liệu

8.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Thị Khương (2016), *Giáo trình Triết học phi mác - xít hiện đại*; Nxb Đại học Thái Nguyên.

8.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lưu Phóng Đồng (1994), *Triết học phương Tây hiện đại, tập 1,2,3,4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Hào Hải (2001), *Một số học thuyết triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin.

[4]. Đỗ Minh Hợp (2014), *Lịch sử triết học phương Tây, tập 3*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[5]. Bryan Magee (2003), *Câu chuyện triết học*, Nxb Thông kê.

[6]. Nguyễn Hữu Vui (1998), *Lịch sử triết học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8.3. Website:

triethoc.edu.vn; triethoc.info.vn; vietnamnet.vn; dantri.com.vn, dhsptn.edu.vn, wikipedia.org...

Lưu ý: Các nội dung trên của mỗi học phần được cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được biên soạn theo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Nhìn chung chương trình thiết kế theo đường hướng lấy người học làm trung tâm. Nên dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, trên cơ sở các khoa/đơn vị đề nghị điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: Việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT được ban hành tại Quyết định số/QĐ-BGD&ĐT ngày.....tháng.....năm..... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Khương